

Chuyến công du bảy ngày ba nước của Tổng Thống Gerald Ford * Thế lực dầu lửa * Y học Tần và Hán * Ngôn ngữ Việt Nam trước ngã tư quốc tế * Tên đúng của Lễ Tài Hầu * Thư của Hoàng Ngọc Tuấn gửi Hội Bút Việt * Đi thăm nghệ sĩ Năm Châu.

S*
IV°XIX

BACH KHOA

GIẢI PHẪM

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẤT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG

2.300đ.

MỘT NĂM

4.500đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung : thêm cước phí máy bay một năm : 600đ (mỗi số 25đ.)

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 1.560đ

* Ngoại quốc đường hàng không, từ 22-7-74, mỗi số :

Gửi đi Kampuchia : 90đ.

— Ai-lao : 90đ.

— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...) : 140đ.

— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc : 190đ.

— Âu-châu, Bắc Phi

Trung Đông, Đại-dương-châu

Úc, Tân-Tây-Lan v.v... : 365đ

— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại : 440đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

oOo

1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	10.000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5.000đ
1/3 trang trong	:	mỗi kỳ	:	4.000đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3.000đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Bách Khoa, 160 Phan-Đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BACH KHOA

S* :

ĐẶNG TRẦN HUÂN <i>hội nghị thượng đỉnh Mỹ-Nga trong rừng Tây-Bá Lợi-Á</i>	05
DOHAMIDE <i>thể lực đầu lửa</i>	15
TRẦN THƯƠNG TÙNG <i>Hữu Kính, Hữu Kiến hay Hữu Cảnh (nhân bài «Kêu tên cho đúng» của Ô. Nguyễn Văn Hầu)</i>	23
TRẦN VĂN TÍCH <i>Y học Tần và Hán</i>	29
PHẠM TRỌNG NHÂN <i>ngôn ngữ Việt Nam trước ngã tư quốc tế</i>	39
MINH ĐỨC HOÀI TRINH <i>lá thư Minh-Đức Hoài-Trinh</i>	45
HỒ MINH DŨNG <i>ngọn khói hân hoan (truyện)</i>	51
ĐÔNG TRÍNH <i>phác vẽ một tương lai (thơ)</i>	60
VŨ HỮU ĐỊNH <i>ấp ủ đưa theo những chuyến đi dài (thơ)</i>	61
VÕ NGỌC THANH <i>như những ngày nắng hạ (thơ)</i>	62
NGUYỄN HUY CHƯƠNG <i>tắm biển-tình cờ (thơ)</i>	62

SINH HOẠT

LÊ PHƯƠNG CHI <i>tường thuật buổi thăm viếng nghệ sĩ Năm Châu</i>	65
THẾ NHÂN <i>diễn tấu nhạc khí truyền thống và trống Nhật bản</i>	70
HOÀNG NGỌC TUẤN <i>thư chào mừng Hội Văn Bút V.N. nhân ngày trao giải thưởng truyện dài 74 cho nhà văn Nguyễn Mộng Giác</i>	75
VĂN THANH <i>trình bày bìa («Suối Vàng» ở Dalat, ảnh của nhiếp-ảnh-gia LẠI HỮU ĐỨC)</i>	

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Địa-chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T..339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21 Nguyễn Thiện Thuật—Saigon
GIÁ : 200\$ Công sở : 400\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 25\$ mỗi số

Sách nhận được trước 15-12-74

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— **Bát Tự Hà Lạc lược khảo do Học Năng biên soạn, Cơ sở Phạm quang Khai xuất bản, soạn giả và nhà xuất bản gửi tặng.** Sách dày trên 630 trang gồm 4 chương, trình bày Bát Tự, rồi từ Bát Tự đến số và quẻ Hà Lạc, Hình thức và nội dung quẻ Hà Lạc, Cách giải đoán quẻ Hà Lạc, Ý nghĩa 64 quẻ và 384 hào có Phụ lục : Bách niên lịch. Bản giấy trắng. Giá 2.180đ.

— **Thi nhân Việt-Nam Thế-hệ 1954-1973 Quyển I của Nguyễn Tấn Long và Phan Canh do Sống Mới xuất bản và Ó. Nguyễn Tấn Long gửi tặng.** Sách dày 610 trang trình bày về các nhà thơ : Bùi Giáng, Quách Thoại Nguyên Sa, Tuệ Mai, Du Tử Lê, Mặc Tử, Kiên Giang, Hoàng Hương Trang, Trần Tuấn Kiệt, Trương Linh Thanh Tâm Tuyền, mỗi nhà thơ đều có hình ảnh, tiểu sử, nhận định về toàn bộ thi phẩm, và Thi tuyển. Biên soạn công phu. Giá 1800 đ.

— **Tìm hiểu một tác phẩm văn chương của Nguyễn Q. Thắng do**

Trương Xuân xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 200 trang gồm 3 chương: Chương I và II : Khảo sát và phê bình một tác phẩm. Chương III: Đọc một tác phẩm. Giá 670 đ.

— **Vật lý Tiến-hóa-luận, nguyên tác « The Evolution of Physics » của Albert Einstein và Leopold Infeld, Bản dịch Nguyễn ngọc Thơ, do An-Tiêm xuất bản và dịch giả gửi tặng.** Sách dày trên 300 trang, phiên dịch công phu, trình bày về quan niệm cơ giới khởi sinh và sụp đổ, Thuyết Tương đối, Thuyết Nguyên lượng. Phụ lục: Tagore và Einstein. Giá 900đ.

— **Trà thất truyện dài của Minh Đức Hoài Trinh do Phục Hưng xuất bản và tác giả gửi tặng.** Tác phẩm thứ 13 của tác giả dày 166 trang, bìa rất đẹp do Văn Thanh thực hiện. Giá 520 đ.

— **Anh Chị yêu dấu truyện dài của Đinh Tiến Luyện do Nguyễn Đình Vương xuất bản và gửi tặng.** Sách phẩm thứ 11 của tác giả dày 412 trang, bìa trang nhã do tác giả trình bày. Giá 1100đ.

— **Cuộc tình trong ngục thất truyện dài của Nguyễn thị Hoàng, do Nguyễn Đình Vương xuất bản và gửi tặng.** Sách dày 154 trang, bìa của Nguyễn Đồng. Giá 500 đ.

CÙNG QUÍ BẠN GỬI BÀI :

BÁCH KHOA SỐ KỶ NIỆM 18 NĂM năm nay cũng là **BÁCH KHOA SỐ TẾT ẤT MÃO**, sẽ ra mắt bạn đọc vào trung tuần tháng 1-1975 như thường lệ mỗi năm. Vậy quý bạn viết bài cho Số đặc biệt và Số Tết này xin gửi về Bách Khoa, 160 Phan Đình Phùng, Saigon 3, trước 30-12-1975. Xin cảm ơn quý bạn.

Ban Chủ trương **BÁCH-KHOA**

Hội-nghị thượng đỉnh Mỹ-Nga trong rừng già Tây-Bá Lợi-Á

Một chuyến xuất ngoại trình diễn

Ngày 18-11-74 Tổng-thống Gerald Ford rời Hoa-kỳ để bắt đầu công du châu Á, lần lượt viếng thăm Nhật, Đại-Hàn và Nga-sô. Đây là chuyến xuất ngoại đầu tiên của ông từ khi nhận chức Tổng-thống. Chuyến đi lâu 7 ngày, dài trên 26 ngàn cây số, chuyến đi mệt mỏi nhất mà chưa vị Tổng-thống Mỹ nào trải qua.

Bà Ford không đi cùng chồng như các bà Tổng-thống khác, nhưng ông Ford được một phái đoàn tham mưu tòa Bạch-ốc gồm 80 người và một đơn vị mật vụ đi theo. 153 phóng viên tháp tùng đề tường thuật cuộc công du, con số mà người Mỹ cho là quá ít so với các cuộc công du trước.

Dư luận Mỹ cho rằng chuyến đi của ông Ford không cần thiết, một chuyến đi nặng phần trình diễn mà không đem lại kết quả gì mới lạ trong chính sách đối ngoại của Hoa-kỳ. Ông ra đi trong lúc chính tại Hoa-kỳ còn nhiều vấn đề rối rắm như nạn lạm phát, nạn sụt giá, kinh tế thụt lùi, nạn thất nghiệp chưa giải quyết xong. Quốc hội vừa bác bỏ hai phúc nghị của ông, và chính nhân vật phải thay ông cầm quyền là Phó Tổng-thống Rockefeller thì vẫn chưa được chấp nhận.

Những người chống đối ông Ford đã mỉa mai rằng mục tiêu quan trọng của chuyến đi là Nhật-bản nhưng ông Ford đã cố tình làm mờ nhạt chuyện này đi bằng cách thêm vào lộ trình hai địa-danh Hán-thành và Hải-sâm-Uy (Vladivostok).

Tuy nhiên khi chuyến đi hoàn tất, với thỏa hiệp hạn chế vũ khí nguyên tử đạt được thì mặc dầu ông Ford ở Nga ít hơn ở Nhật 3 ngày nhưng mục đích chính cuộc Á du của ông Ford vẫn là hội nghị thượng đỉnh Tây-bá-lợi-Á.

Bảy ngày du hành ba nước

Tổng-thống Hoa-kỳ tới thủ-đô Đông-kinh ngày 18-11 trong khi trước đó một ngày trên 100.000 người Nhật đã xuống đường tại hơn 100 địa điểm khác nhau trên khắp nước Nhật chống đối cuộc viếng thăm của ông.

Ông Ford là vị Tổng-Thống Hoa-kỳ đầu tiên thăm viếng Nhật-bản. Năm 1960, Tổng-thống Eisenhower dự định thăm Nhật nhưng cuối cùng đã phải hủy bỏ ý định đó vì làn sóng chống đối quá dữ dội của phe tả tại Nhật. Tổng-thống Nixon dự định viếng Nhật cuối năm 1974 nhưng chưa thực hiện được thì đã phải từ chức vì vụ Watergate.

Trong 5 ngày thăm viếng Nhật, Tổng Thống Mỹ đã đề nhiều thì

giờ vào việc thăm thắng cảnh, vào những chuyện xã-giao như nhận huy chương của hướng đạo sinh, xem biểu diễn nhu đạo, trồng cây dogwood (một loại cây hoa tím hoặc trắng tương tự như cây trứng cá) để kỷ-niệm chuyến viếng thăm.

Nhật-hoàng Hirohito không đón Tổng-Thống Ford tại phi trường nhưng tới hôm sau đã hội kiến với Tổng-Thống tại dinh Akasaka. Tối hôm đó trong bữa tiệc chính thức, vị Quốc-vương 73 tuổi của Phù-tang ngỏ lời cảm ơn Hoa-kỳ đã giúp người Nhật xây dựng lại đất nước sau thế chiến thứ hai. Người ta nhớ khoảng 30 năm trước đây khi ông Gerald Ford đang là sĩ quan phục vụ trên một hàng không mẫu hạm tại Thái-Bình-Dương thì Nhật-hoàng Hirohito ra lệnh cho quân đội Nhật đầu hàng.

Cuộc hội kiến với Thủ-tướng Nhật mới là cái đỉnh của cuộc viếng thăm Nhật của Tổng-Thống Ford. Nhưng khi đó Thủ-tướng Tanaka đang trong một trạng thái tinh thần bất ổn vì đang bị tố về những nguồn tài chánh mập mờ và ông đang chuẩn bị từ chức. Người ta nói sở dĩ ông Tanaka còn nán lại chức vụ Thủ-tướng chính vì không muốn để ông Ford viếng Nhật trong lúc Hành-pháp không có người lãnh đạo. Người kế vị ông Kakuei Tanaka sẽ vẫn là một người thuộc đảng Dân Chủ Tự Do nghĩa là chính sách không thay đổi nhưng thảo luận với một vị Thủ-tướng chờ ngày từ chức thì dầu sao cũng kém phần hứng thú. Trong thời gian ông Ford

thăm Nhật, thủ-tướng Tanaka có vẻ buồn nản rõ rệt. Một nhà ngoại giao Mỹ tại Đông-kinh đã phải thốt lên rằng: « Thủ-tướng Tanaka có vẻ như hoàn toàn lo lắng về những chuyện của riêng ông. Trong bữa tiệc cùng ông Ford, hẳn ông Tanaka như chơi vui tận đâu đâu ngàn dặm ».

Tuy vậy, Thủ-tướng Nhật cũng không quên nhắc Tổng-Thống Mỹ nên đề ý tới các vấn đề Á-châu cũng như đã lưu ý tới các vấn đề Âu-châu. Thủ-tướng Nhật không nói rõ hết ý mình nhưng Tổng-Thống Mỹ cũng biết là ông ta đã có ý trách khéo vụ ông Nixon thăm Trung Cộng năm 1971 mà không tham khảo ý kiến Nhật-bản.

Cuộc thăm viếng cố đô Kyoto của ông Ford là một cuộc viếng thăm buồn tẻ mặc dù ông dành trọn một ngày để thăm thắng cảnh cố-đô. Ở rất nhiều nơi hình như 1, 4 triệu dân Kyoto không biết đến chuyến viếng thăm này. Không có những đám người bu quanh Tổng-Thống ở những nơi ông dừng lại. Mặc dù có tới 8000 cảnh sát bảo vệ an ninh nhưng đêm đó trong khi Tổng-Thống Ford đang uống rượu saké cùng với các cô geisha trẻ đẹp thì bên ngoài xe phóng thanh của những người biểu tình hô lớn « Tổng-Thống Ford hãy rời khỏi Nhật ngay ».

Tuy nhiên, kể cả cuộc đình công của nghiệp đoàn 3,5 triệu công nhân, trong ngày 19-11 làm tê liệt các phương tiện giao-thông, sự chống đối Tổng-Thống Ford tại Nhật được kể như là nhẹ so với sự ước đoán của nhà cầm quyền.

Bản Thông-cáo chung Mỹ Nhật mơ hồ, tổng quát như đa số các Thông-cáo chung, không có gì đặc biệt. Vấn đề tàu Mỹ mang vũ khí nguyên-tử ra vào hải-phận Nhật là một vấn đề người Nhật rất quan tâm, đã không được nhắc tới trong Thông-cáo. Về vấn đề dầu lửa hai nước hứa cộng tác trong chuyện tìm kiếm các nguồn năng lực mới và tiết kiệm nhiên-liệu nhưng không xác định rõ các biện-pháp hành-động. Điều Hoa-kỳ muốn Nhật liên kết với Mỹ để chống lại việc phe Ả Rập tăng giá dầu lại là điều Nhật muốn né tránh. Khoản hai nước sẽ tham khảo nhau về các vấn đề quốc tế chỉ là một khoản đề hàn gắn lại sự đổ vỡ do ông Nixon đã gây ra.

Tóm lại chuyến Nhật du của ông Ford không hơn không kém là một chuyến đi tạ lỗi với một đồng minh châu Á.

oOo

Rời Nhật, ông Ford tới Hán thành trong sự tiếp đón nồng nhiệt khác hẳn. Bức chân dung khổng lồ của Tổng-Thống Ford dựng trên đài kiểm soát phi trường Kim-Phổ đã được sửa lại nụ cười tươi thành nét nghiêm trang và đôi mắt đượm vẻ u sầu như kiểu Á-Đông. Suốt chặng đường dài gần 20 cây số Tổng-Thống Ford được trên một triệu người nghênh đón hai bên đường với những biểu ngữ: « Ford, vua của các vị vua! », với những hoa giấy tung bay và tiếng hoan hô vang dậy.

Tổng-Thống Phác-Chánh-Hy và toàn thể nội các nghênh đón Tổng-Thống Ford ngay tại phi-trường

trong một buổi lễ lâu gần một tiếng đồng hồ. Tuy thế các quan-sát-viên cho rằng cuộc tiếp đón vị Tổng-Thống Hoa-kỳ thứ 3 thăm Đại-Hàn lần này chưa long trọng so với cuộc tiếp đón Tổng-Thống Eisenhower vào năm 1952 và 1960 và Tổng-Thống Johnson vào năm 1966.

Trong quá khứ cũng như trong hiện tại Đại-Hàn đã tỏ ra có biệt tài về tổ chức quần chúng. Những đoàn ngũ chống đối chính phủ nếu có thì tức thời có những đoàn thể ủng hộ. Một đoàn thể sinh viên hội thảo đòi tự do dân chủ thì tức thời có một đoàn thể sinh viên khác làm kiến-nghị ca tụng các biện-pháp khắt-khe là cần-thiết. Việc ám sát hụt Tổng-Thống Phác tướng có thể trở thành một cơ hội cho phe đối lập hành động thì những làn sóng phong trào chống Nhật ồ ạt hàng tháng liền với những vụ chặt ngón tay tập thể đã làm quần chúng yêu nước quên đi hiện tại.

Trong hai ngày 22 và 23-11 lưu lại Đại-Hàn, Tổng-Thống Ford hội đàm với Tổng-Thống Đại-Hàn, đặt một vòng hoa trên mộ bà Phác-Chánh-Hy và một vòng hoa trên mộ chiến sĩ vô danh Đại-Hàn. Ông cũng thăm viếng và 38.000 quân nhân Mỹ tại trại Casey ở phía Bắc Hán thành lối 40 cây số gần khu phi chiến, những người lính Mỹ còn đồn trú tại Đại-Hàn sau khi chiến tranh Triều Tiên chấm dứt 21 năm.

Tại Đại-Hàn, phe chống đối cho rằng chuyến viếng thăm của ông Ford chỉ củng cố thêm chính sách độc-tài của ông Phác-Chánh-Hy hiện nay. Dự luận Mỹ cũng cho rằng

chuyến thăm Đại-Hàn không có lợi. Cựu Đại-sứ Mỹ tại Nhật, ông Edwin O. Reischauer tuyên bố :

« Sự viếng thăm Đại-Hàn là một quyết định vụng về. Dù muốn hay không nó cũng xác nhận sự ủng hộ vô điều-kiện Đại-Hàn trong lúc mà tôi không nghĩ rằng Hoa-kỳ có thể làm chuyện ủng hộ quốc gia đó trong các điều-kiện hiện nay ».

Nhưng với Tổng-Thống Ford, nếu bỏ không viếng Đại-Hàn có nghĩa là một sự thay đổi trong chính sách của Mỹ và ông lại không muốn có điều đó.

Cho nên trong bản Thông-cáo chung Mỹ-Đại Hàn, Hoa-kỳ cam kết sẽ can thiệp ngay khi Đại-Hàn bị tấn công quân sự, nhưng né tránh không nhắc nhở gì tới chuyện tự do dân chủ ở Nam Hàn.

oOo

Khi Tổng-Thống Mỹ tới hải cảng Hải-sâm-uy thuộc Tây-bá-lợi-Á, ngay biên-giới Trung-Cộng, vào ngày 23-11, ông được Tổng Bí-thư Cộng đảng Nga tiếp đón và đưa lên ngay xe lửa tới địa điểm hội nghị cách xa hải cảng lối 20 cây số giữa rừng già.

Mặc dầu ông Brezhnev đón ông Ford tại phi-trường nhưng người Nga vẫn không coi cuộc gặp gỡ là một cuộc viếng thăm chính thức nên không họp tại thủ đô, không có đoàn quân danh dự dàn chào và cũng không có quần chúng hoan hô. Thành phố Hải-sâm-uy là một thành phố khép kín với người ngoại quốc, nên không ai được ở lại. Phóng viên

Pháp và Anh không được phép vào Hải-sâm-uy.

Nơi hội-nghị giữa ông Ford và Tổng Bí-thư Cộng đảng Nga là nơi nghỉ mát sơ sài, đến nỗi một nhân viên trong phái đoàn Mỹ đã phải so sánh với « công quán Hilton », một danh từ mà các sĩ quan Mỹ bị Bắc Việt giam giữ dùng để chỉ nhà giam Hỏa-lò, Hà-nội !

Cuộc họp giữa hai lãnh tụ Nga, Mỹ diễn ra bí mật nên không ai biết rõ chi tiết ra sao mà chỉ biết tổng quát là hai bên đạt được một thỏa ước về hạn chế vũ khí nguyên tử được gọi tắt là thỏa ước SALT (Strategic Arms Limitation Talks).

Ngay trong cuộc họp báo một tuần sau khi từ Nga Sô trở về, nhiều chi tiết về thỏa hiệp cũng không được Tổng-thống Ford tiết lộ. Và lại nhiều chi tiết khác cũng còn phải bàn bạc trong các cuộc thương thuyết tương lai. Tuy vậy nếu các điều khoản được thảo luận dứt khoát thì thỏa ước có thể tóm tắt trong hai điểm chính sau đây :

1/ — Cả hai quốc gia chỉ được phép có tối đa mỗi nước 2400 giàn phóng hỏa tiễn, Giàn phóng nói chung cho cả giàn dưới đất, và hỏa tiễn phóng từ tiềm thủy đình. Phi cơ phóng pháo nguyên tử được kể là một giàn phóng mặc dầu mỗi phi cơ có thể chở trên hai trái bom nguyên tử. Nga sô đã nhượng bộ không kể các vũ khí nguyên tử chiến thuật do khối Minh Ước Bắc Đại Tây Dương đang sở hữu tại Âu-

châu là những giàn phóng nói trong thỏa ước.

Số lượng hạn chế tối đa trên khiến Nga sẽ phải giảm đi 100 giàn phóng vì hiện nay theo ước lượng Nga đã có tới 2500 giàn. Con số này gồm 1618 hỏa tiễn liên lục địa ICBM (Intercontinental Ballistic Missile), 740 hỏa tiễn trên tàu chiến và 150 phóng pháo cơ. Về phía Hoa Kỳ có quyền gia tăng số giàn hỏa tiễn. Hiện nay Hoa Kỳ có khoảng 2200 gồm 1054 hỏa tiễn liên lục địa, 656 hỏa tiễn trên tàu ngầm và 500 phóng pháo cơ.

2/ — Trong phạm vi 2400 giàn, hai nước có quyền chế tạo tối đa 1.300 hỏa tiễn đa đầu MIRV. (Multiple Independently targetable Reentry Vehicle). Nga sô tuy đã thí nghiệm loại hỏa tiễn này nhưng thực sự chưa có hỏa tiễn nào trong kho. Năm tới Nga sô sẽ thực hiện các hỏa tiễn SS 17 và SS 19 là loại có thể mang bốn đầu đạn nguyên tử trên mỗi chiếc. Nga cũng đang chế tạo loại SS 18 có thể mang tới 8 đầu đạn. Về phía Hoa-Kỳ cho tới sang năm có thể có 1046 hỏa tiễn đa đầu gồm 550 hỏa tiễn Minuteman III và 496 hỏa tiễn Poseidon đặt trên 31 tiềm thủy đình. Hoa-Kỳ sẽ đạt tới mức 1.300 hạn định vào giữa thập niên 1980 khi hoàn tất 10 tiềm thủy đình Trident kiểu mới, mỗi chiếc có thể chứa 24 hỏa tiễn đa đầu.

Nhưng vấn đề là làm sao kiểm soát được số lượng nếu hai nước vượt quá mức ấn định. Mỹ không thể tới lãnh thổ Nga để kiểm soát như kiểm soát một thuộc địa hay một nước hưởng viện trợ và Nga cũng không thể làm như vậy. Các nhà khoa học

thì nói rằng họ kiểm soát được số lượng giàn phóng bằng các vệ tinh nhân tạo. Chuyện này nghe có vẻ mơ hồ nhưng ta cũng phải tin các nhà khoa học như các ông Ford và Brezhnev đã tin khi các khoa học gia cho biết đã có thể theo dõi các cuộc chuyển quân cách xa hàng vạn dặm hay theo dõi các sinh hoạt trên các hành tinh khác bằng vệ tinh nhân tạo.

Tổng kết một chuyến đi mệt nhọc

Sau chuyến công du ba nước Á-Châu, ông Ford tỏ vẻ hài lòng về việc thiết-lập một kỷ nguyên mới trong cuộc bang giao với Nhật và giữ vững những cam kết với Đại Hàn.

Về thỏa hiệp với Nga, ông và những người ủng hộ ông còn hài lòng hơn nhiều.

Ngoại trưởng Kissinger cho đó là một tiến bộ đặc biệt, Tham vụ báo chí Phủ Tổng-Thống Ron Nessen cho rằng những điều mà ông Nixon không làm nổi trong 3 năm thì ông Ford đã làm được trong 3 tháng.

Tổng-Thống Mỹ nói: « Chúng ta đã tránh được một cuộc thi đua võ trang với một giá không ngờ. Chúng ta chấp nhận một số giàn hỏa tiễn ít hơn nhưng có một số hỏa tiễn đa đầu nhiều hơn và Nga chưa bắt kịp chúng ta về phương diện này ».

Những người chống đối thỏa ước thì cho rằng Mỹ đã nhượng bộ quá nhiều, thỏa ước vừa hợp pháp hóa việc biểu dương võ khí chiến lược trong hiện tại vừa phát triển chương trình chế tạo sau mười năm của thỏa

ước và tổn kém cho ngân sách hàng nhiều tỷ Mỹ-kim.

Trước ngày Tổng-Thống Mỹ họp báo, tại Thượng-viện Mỹ có 37 nghị sĩ chống đối Thỏa ước Salt 2. Nghị sĩ Jackson đả kích, cho rằng Thỏa ước này không ngăn chặn được cuộc chạy đua vũ trang vì Thỏa ước chỉ hạn chế số hỏa-tiến nhưng không hạn chế số đầu đạn nguyên tử. Như vậy hai bên vẫn có thể chạy đua cải tiến các hỏa tiễn để mỗi hỏa tiễn có thể mang được nhiều đầu đạn, mỗi đầu đạn nhắm tới một mục tiêu nhất định khác nhau.

Với 37 nghị sĩ chống đối, Thỏa-ước mà ông Ford vừa đạt khó có thể hội được sự phê chuẩn với đa số 2/3 số phiếu hiến-định trừ phi Tổng-Thống Ford thuyết phục nội Thượng viện thay đổi lập trường.

Dù sao thì người hài lòng nhất về chuyến đi ngoại quốc của Tổng-Thống Mỹ vẫn là ông Ngoại trưởng thích được gọi bằng « Tiến sĩ » là ông Kissinger vì chính ông là người thúc đẩy ông Ford xuất ngoại, người

mà dư luận cho là Giáo sư Ngoại giao trong khi ông Ford là cựu sinh viên vừa tốt nghiệp.

Và người thứ hai hài lòng về chuyến đi bất chấp biểu tình chống đối, tiếp đón lạnh nhạt hay dư luận chỉ trích, chính là Tổng-thống Gerald Ford.

Chả thế mà khi vừa về tới lãnh thổ Hoa-Kỳ, chưa chính thức trình bày kết quả chuyến đi cho quốc dân đã có một Thông cáo cho biết là ông sẽ đi Trung Cộng vào năm tới.

ĐẶNG TRẦN HUÂN

Đính chính

Trong Bách Khoa kỳ trước ở trang 85 đầu cột 2, bài « Hội nghị thượng đỉnh Á Rập » sắp thiếu một chữ nên câu nói của bà Meir sai nghĩa. Xin quý độc giả sửa giùm lại như sau :

« Tôi không tin rằng người Palestine có thể có một xứ sở và tôi cũng nghĩ rằng họ không cần có một xứ sở ».

Đã phát hành toàn quốc

ĐÔNG TÂY TƯỞNG THUẬT TỔNG BIÊN

của Cụ TÂM NGUYÊN, NGUYỄN KẾ NGẠN

Cụ đã trên 40 năm nghiên cứu rất công phu và thực hành đúng 100/100. Sẽ giúp quý độc giả biết trước mọi sự việc hiện tại và tương lai.

Tổng phát hành tại: 58 Công Lý Saigon

(bên hông Bộ Công Chánh Saigon)

Thế lực dầu lửa

Sự cấu kết của các quyền lợi tư bản trong kỹ nghệ dầu lửa thế giới

Kỹ nghệ khai thác dầu lửa chánh thức phát khởi vào năm 1859 là năm một người Mỹ tên Drake đã đào được một giếng dầu lửa sâu 23 thước tại một nơi gọi là *oil creek* gần Titusville, tiểu bang Pennsylvania (Hoa-kỳ) (1).

Với dầu lấy được, người ta chỉ lược và giữ lại phần có thể dùng đốt đèn, bỏ đi tất cả phần còn lại. Ngọn đèn dầu với cái tên bình dân là « đèn Hoa-kỳ » được phát minh từ đó và đã có một thời được mang biểu không tại một số nước Viễn-đông để khích lệ việc tiêu thụ dầu lửa.

Mãi đến 20 năm sau, mới có xe hơi bắt đầu tiêu thụ xăng được lọc từ dầu thô, sản-lượng cũng như mức tiêu-thụ ngày càng gia tăng cho đến ngày nay.

Giai-đoạn đầu của kỹ-nghệ dầu lửa được đặt dưới sự áp đảo của nhóm tư-bản Hoa-kỳ John D. Rockefeller qua hệ-thống *Standard Oil Company*. Nhưng đường lối kinh-doanh của nhóm này chú trọng hưởng lợi nhiều hơn trong dịch-vụ lọc dầu và chuyên chở dầu, phó mặc công tác thăm dò, đào tìm dầu cho các nhóm tiền phong mạo-hiêm khác. Lý do dễ hiểu: nguồn lợi trực tiếp do các mỏ dầu có tánh tách biệt hơn. Thực tế cũng đã

chứng minh, cả trong giai-đoạn gần đây, mặc dầu kỹ-thuật đã tiến vượt so với buổi đầu, công cuộc thăm dò địa-chất, khoan giếng tìm dầu, vẫn còn rất tốn kém và không chắc nhằm túi dầu khả thác thương mại, tức lưu lượng có khả năng bù đắp sản phí và một mức lời tối thiểu.

Từ năm 1944 đến 1948, *Creole Corporation* chẳng hạn đã bỏ ra 22 triệu Mỹ kim để khoan tìm dầu tại Guarica, Venezuela, xây cất sẵn một thành phố với đầy đủ tiện nghi trú liệu cho công nhân cư trú, nhưng kết quả chẳng có một giọt dầu nào cả (2).

Nhiều tỷ Mỹ-kim đã được các Công-ty dầu xuất ra tại Phi châu, Châu Mỹ la-tinh v.v... và đặt biệt, trong đệ-nhị thế-chiến, một Công-ty Hoa-kỳ đã can đảm bỏ ra hơn 2 triệu Mỹ kim để đào nhiều giếng sâu ngay trên đất Anh, nhưng rồi chẳng thâu hoạch được gì hết.

Trong 30 năm trước 1947, 2.000 giếng dầu đã được đào tại vùng tây Gia-nã-đại, chỉ có 2 giếng có dầu khả thác thương mại và trong một sự tình cờ, một túi dầu quan trọng đã được tìm ra chỉ khoảng 2 cây số cách một giếng khô đã được đào

(1) Henri Weiss, *Le pétrole, Paris* : Editions du Seuil, 1960, tr. 8.

(2) Leonard M. Fanning. *Foreign oil and the Free World* New York : Mc. Graw-Hill, 1954, tr. 16.

trước đó không lâu (1).

Ngoài ra, khi dầu được tìm ra rồi, còn cần một thời gian khá lâu để chuẩn bị, như trường hợp ở Colombia (Nam-Mỹ) khởi sự đầu tư từ 1915, mãi đến 1926, Hãng *International Petroleum* mới bắt đầu sản xuất được dầu.

Năm 1901, nhiều túi dầu quan trọng được tìm ra tại Tiểu-bang Texas ở miền Nam Hoa-kỳ, đã đưa đến việc thành lập 2 Công-ty *Gulf Oil* và *Texaco*; Công-ty sau này, về sau, đã bành trướng doanh nghiệp sang Âu châu, Phi châu và Úc châu.

Lúc đó, tại Âu châu, một Công-ty Anh là *Shell Transport and Trading Company*, nguyên chuyên ngành buôn bán vỏ sò, cũng vừa bắt đầu phát triển công tác chuyên chở dầu vào năm 1892, đã đóng chiếc tàu chở dầu đầu tiên, sau đó, có mua nhiều dầu của Hoa-kỳ tại Texas.

Năm 1907, *Shell Transport and Trading Company* hợp tác với Công-ty thương-mại Hòa-lan, lập thành *Royal Dutch Shell* cạnh tranh xâm nhập vào thị-trường của các Công-ty Hoa-kỳ.

Sự cạnh tranh kể trên đã thúc đẩy các nhóm tư-bản Hoa-kỳ lăn xả vào công cuộc tìm dầu ở quốc ngoại để nắm vững cơ-sở sản-xuất dầu thế-giới, thay vì chỉ chú trọng hưởng lợi trong dịch vụ chuyên chở và lọc dầu.

Kỹ nghệ dầu, trong những điều-kiện hoạt-động kể trên, đòi hỏi một số tư-bản lớn lao, một cá nhân hay một Công-ty đơn độc khó mà đài thọ

và chịu đựng nổi. Nhưng trên thực tế, kỹ-nghệ khai thác dầu lửa đã bắt đầu bằng những cuộc mạo hiểm cá nhân, sẵn sàng chấp nhận bất trắc, may rủi.

Trong kỹ nghệ dầu, người ta thường nhắc đến sự-nghiệp của Edward L. Doheny, một nhà kinh-danh Hoa-kỳ, nguyên đã thầu hoạch được nhiều tiền của trong hoạt động sản-xuất dầu tại Tiểu-bang California. Trường-hợp của Doheny tượng trưng một gương kiên nhẫn, vượt những khó khăn vật chất lẫn tinh thần, tạo dựng nên một cơ sở sản xuất dầu vĩ đại, nhưng sau cùng phải sụp đổ vì không thể dung hợp với quyền lợi quốc gia có chủ quyền trên mỏ dầu khai thác.

Năm 1900, Doheny đã cùng một số người hùn vốn khởi công tìm dầu tại Mexico. Gần 10 năm, bao nhiêu vốn liếng bỏ ra, chẳng tìm được dầu, nên không còn ai dám bỏ tiền ra thêm nữa. Riêng Doheny vẫn kiên trì tiếp tục công cuộc thăm dò, vì tin chắc là Mexico có dầu. Với sự hợp tác của một bạn thân, Doheny đã bỏ tiền ra mua một số đất nằm giữa rừng già và khởi công đào giếng tìm dầu.

Doheny và người bạn đã lang thang trên đường phố New York, tìm các nhà ngân-hàng tài-trợ cho công cuộc tìm dầu của mình. Các chủ ngân-hàng không muốn phiêu lưu, đã buộc Doheny trưng bằng có

(1) Leonard M. Fanning. *op. cit.*, tr. 184 và C.W. Harrison *oilmen and what they do*. New York. Franklin Watts. Inc., 1965, tr. 63-86.

cụ thể. Theo thỉnh cầu của Doheny, một nhà địa-chất-học đã được phái đến quan sát tại chỗ, nhưng khi trở về, thì lại phúc-trình là Doheny quá nhiều tưởng tượng, không thể có dầu được! Nhưng cũng chưa bỏ cuộc, Doheny đã cố nài nỉ các chủ ngân-hàng đích thân tới nơi quan sát. Sau đó, các chủ ngân-hàng đã chịu tài trợ cho Doheny tiếp tục công trình đào giếng tìm dầu.

Và quả thật, Doheny đã tìm được dầu tại Mexico, chứng-minh nhà địa-chất-học đã sai lầm trong nhận định. Chính Doheny đã tìm ra lối thoát cho Công-ty hòa-xa, dùng dầu thay than vì Mexico không có than; việc thay thế than bằng dầu, sau đó, được Công-ty Santa Fe là hệ-thống Hòa-xa chạy xuyên Hoa-kỳ, áp dụng luôn.

Trong kỹ nghệ dầu, thất bại của người đi trước là bài học cho người đi sau. Doheny đã cho lập hệ-thống dẫn dầu từ giếng dầu đến hải cảng cách đó khoảng 100 cây số, trước cả khi thật sự có dầu xuất hiện, bởi lẽ, trước đó, một người Anh đã phải tiêu tan sự nghiệp, vì khi dầu phun lên từ lòng đất thì không có sẵn bồn chứa và ống dẫn dầu cùng phương tiện chuyên chở, khiến dầu lan ra cả một vùng rộng lớn, lửa bắt cháy cả khu rừng trong 40 ngày đặng đặng, giếng dầu sụp xuống thành một lỗ sâu, thiêu rụi cả trăm triệu thùng dầu của toàn túi dầu tìm được.

Công trình của Doheny đã đặt cơ sở cho một số Công-ty Hoa-kỳ khai thác dầu và sản lượng dầu Mexico

sau đó đã dẫn đầu sản lượng thế-giới một thời, trước khi nhường lại cho Venezuela sau thế chiến mới chuyển sang Trung Đông.

Vào khoảng thời gian Doheny bước chân đến Mexico, thì bên kia trời Trung Đông, một người Anh tên William Knox d'Arcy nguyên đã tạo dựng được một sản nghiệp khổng lồ nhờ mỏ vàng tại Úc, cũng vừa bắt tay dẫn thân vào hoạt động khai thác dầu lửa. Nhưng trong khi Doheny thương lượng mua đất của tư nhân, thì William Knox D'Arcy, trál lại, chỉ trực tiếp với nhà cầm quyền xin cấp đặc nhượng có thời hạn.

Năm 1901, William Knox d'Arcy được Quốc-vương Ba-Tư cấp một đặc-nhượng có giá trị 60 năm trên một vùng đất rộng khoảng nửa triệu dặm Anh, hoang vu, đồi núi trọc, nắng cháy da, không có một đường giao thông nào cả.

Ba năm sau, William Knox d'Arcy lại xin được của Thổ-nhĩ-kỳ một đặc-nhượng tại Mesopotamia, nay là Iraq, lúc đó thuộc đế-quốc Thổ.

Mặc dầu giàu có, sản nghiệp của William Knox d'Arcy không đủ sức tài trợ chi phí công tác tìm dầu, nên về sau, phải hợp tác với Burmah Oil Company, đến năm 1908, mới tìm được dầu khả thác thương mại, thiết lập nên « Anglo-Persian Oil Company » năm 1909 (Công ty này về sau, được đổi thành Anglo-Iranian Oil Company vào năm 1935).

Tại Iraq, William Knox d'Arcy gặp sự cạnh tranh của Shell và nhóm

tư bản Đức thuộc *Deutsche Bank* đang nghiên cứu thiết lập đường xe lửa Bagdad. Để dễ dàng kinh-doanh, William Knox d'Arcy đã vận động và thiết lập vào năm 1912, *Turkish Petroleum Company* với các phần hùn của *Anglo Persian Oil Company*, *Shell* và *Deutsche Bank*.

Vào tháng 5 năm 1917, theo lệnh của Winston Churchill, Hải-quân Hoàng-gia Anh được biến cải, dùng dầu cặn thay than đá, đã gián tiếp hỗ trợ mạnh mẽ tư bản Anh trong doanh-nghiệp khai thác dầu lửa Trung-Đông. Chánh-phủ Anh đã xuất vốn đầu tư vào *Anglo Persian Oil Company*, kiểm soát 56% cổ phần của Công-ty này.

Trong đệ-nhứt thế-chiến, Thổ là đồng-minh của Đức nên việc tiếp tế các cơ sở khai thác dầu thuộc ảnh-hưởng của Anh bị gián-đoạn một thời.

Sau thế-chiến, nhóm tư-bản Đức thuộc *Deutsche Bank* bị loại ra khỏi hoạt động khai thác dầu lửa tại Trung-Đông; Iraq thuộc quyền bảo trợ của Anh và Syria thuộc quyền của Pháp.

Phe đồng-minh thắng trong đệ-nhứt thế-chiến một phần là nhờ dầu của Mexico, nên dầu lửa trở thành một nguyên-liệu chiến lược quan trọng, thúc đẩy sự cấu kết giữa tư-bản Anh và Pháp tại Trung-Đông. Vào tháng 4 năm 1920, Anh và Pháp ký Thỏa-ước San Remo quy định độc quyền khai thác dầu lửa, theo đó, phần của *Deutsche Bank* trong

Turkish Petroleum Company được giao cho Pháp và vào năm 1924, được chánh thức chuyển cho *Compagnie Française des Pétroles*. Trong khi đó, một vài nhóm tư-bản Hoa-kỳ cũng đang bị thu hút vào mối lợi dầu lửa Trung-Đông.

Chiếu theo Thỏa-ước San Remo và dựa vào quyền bảo trợ đối với Iraq, người Anh đã tìm cách ngăn chặn không cho người Hoa-kỳ thuộc *Standard Oil of New Jersey*, *Socony* và *Mobil Oil* vào Iraq thăm dò địa-chất tìm dầu. Việc ngăn chặn này đã gây tranh luận sôi nổi giữa Bộ Ngoại-giao Hoa-kỳ và Bộ Ngoại-giao Anh, bên nào cũng biểu lộ lập trường cứng rắn để bảo vệ quyền lợi tư-bản của quốc-gia mình.

Trước thế kẹt đó, Chủ-tịch *Standard Oil Company* bèn thương lượng trực tiếp với Chủ-tịch của *Anglo Persian Oil Company*, đưa đến lối thoát là mãi đến 1928, người Hoa-kỳ mới được chấp nhận cho vào Iraq góp phần vào công cuộc tìm dầu.

Năm 1931, *Turkish Petroleum Company* trở thành *Iraq Petroleum Company*, phần hùn được phân chia cho các Công-ty: *Anglo Persian Oil Company*, *Royal Dutch Shell*, *Compagnie française des Pétroles*, *Standard Oil of New Jersey*, *Mobil Oil* và đặc biệt có một cá nhân người Armenia tên Gulbenkian là một nhà địa-chất nguyên đã có công trong việc môi-giới thiết lập Công-ty này.

Sau khi được vào hoạt động trong lãnh thổ, các Công-ty Hoa-kỳ, cũng như các Công ty Anh, Pháp liên hệ,

phải tôn trọng đường ranh đỏ do Thỏa-ước San Remo quy định, cam kết hợp tác chặt chẽ với nhau nhưng không ra ngoài ranh giới lãnh địa đế-quốc Thổ-nhĩ-kỳ cũ bao gồm Thổ-nhĩ-kỳ, Iraq, Syria và toàn bán đảo Á-Rập trừ Ai-cập, Kuwait và các địa điểm đã được chuyển nhượng trong vùng biên-giới Thổ-Ba Tư.

Năm 1930, một Đại Công-ty Hoa-kỳ không bị ràng buộc bởi đường ranh đỏ kể trên là *Standard Oil of California* đã được cấp một đặc nhượng trên đảo Bahrain, trong vịnh Ba Tư, từ đó, có thể nhìn thấy lãnh địa Á-Rập Saudi. Đến năm 1932, *Standard Oil of California* tìm được dầu khả thác thương mại và lập nên *Bahrain Petroleum Company*.

Một Đại Công-ty dầu Hoa-kỳ khác là *Gulf Oil* đã mon men vào Kuwait, chuẩn bị hợp tác với người Á-Rập Kuwait thì bị người Anh cản trở, vì Kuwait thuộc quyền bảo-hộ của Anh. Do đó, *Gulf Oil* phải xoay qua thương lượng hợp tác với *Anglo-Iranian Oil Company* lập nên *Kuwait Petroleum Company*, sau đó, tìm được túi dầu quan trọng, nhưng kỹ nghệ dầu chỉ được phát triển mạnh mẽ tại đây từ sau đệ-nhi thế-chiến.

Năm 1933, do sự giới thiệu của một kỹ-sư hầm mỏ Mỹ lúc đó giúp việc cho Quốc-vương Abdul Aziz ibn Saud, *Standard Oil of California* được cấp một đặc nhượng với thời hạn 60 năm, sau đó được gia hạn đến 66 năm, tại Á-Rập Saudi.

Standard Oil of California ít bị cạnh tranh, vì đặc nhượng được cấp trong

giai đoạn khó khăn của nền kinh tế thế giới và nhưt là trước đó, một nhóm người Anh thuộc *Eastern and General Syndicate* cũng đã được đặc nhượng, nhưng đã bỏ cuộc vì không tìm được dầu khả thác thương mại, lại thiếu tài chánh tiếp tục công cuộc thăm dò địa-chất. Riêng các Đại Công-ty Anh Pháp thuộc *Iraq Petroleum Company* thì lại bị ràng buộc bởi đường ranh đỏ, nên chỉ dự thầu cho toàn nhóm, nhưng lại nghi kỵ, đối nghịch nhau, dụng ý chánh không phải để có thêm dầu khai thác mà chính là chỉ để kèm hãm nhau mà thôi, nên không thể bỏ giá cao để cạnh tranh được.

Mặt khác, lợi điểm của *Standard Oil of California* lúc đó là Quốc-vương Á-Rập Saudi cũng đang nghị kỵ người Anh, cho rằng người Mỹ ở xa, giao tiếp có lẽ dễ thở hơn.

Qua giai-đoạn dò tìm cam go. được khích lệ do việc dầu đã được tìm ra tại Kuwait kế cận, *Standard Oil of California* mới nhận ra cái may bất ngờ là túi dầu Á-Rập Saudi là nguồn dự trữ dầu lửa quan trọng nhưt thế-giới.

Standard Oil of California sau đó đã giao lại quyền khai thác cho *California Arabian Standard Oil Company*. Đến năm 1936, *Texaco Inc.* thủ đắc được phân nửa quyền lợi Công ty và năm 1944, danh hiệu được đổi lại là *Arabian American Oil Company* viết tắt là ARAMCO, nắm giữ quyền lợi tư bản Hoa-kỳ lớn lao nhất tại Trung Đông.

Standard Oil of New Jersey và *Socony-Vacuum* có thị trường, cần thêm dầu, nhưng lại không thể vượt lẫn ranh đố, tham dự lẻ loi vào hoạt động sản xuất dầu tại Á-Rập Saudi. Để có lối thoát, 2 Công-ty này, vào năm 1946, đã chánh thức thông báo cho tác phe liên hệ rõ là Thỏa-hiệp về lẫn ranh đố đã bị coi như hủy bỏ từ năm 1942 là năm mà hai thành viên *Compagnie française des Pétroles* và Gulbenkian đứng về phe nghịch, sau khi Đức chiếm đóng Pháp. Do đó các, phe liên-hệ không còn bị ràng buộc bởi lẫn ranh đố nữa.

Năm 1947, *Compagnie Française des Pétroles* đã vào đơn khởi-tố các phe liên-hệ phủ nhận lẫn ranh đố, tại Tòa-án Anh-quốc, xin tuyên bố Thỏa-hiệp vẫn còn hiệu lực, nhưng bị xử thua. Vào năm 1948, các phe liên-hệ thương lượng ký Thỏa-ước mới chánh thức hủy bỏ điều khoản về lẫn ranh đố.

Standard Oil of California, Texas, Jersey, Socony phối hợp lại, hùn nhau, gần 250 triệu Mỹ-kim thiết lập *Taplinc* đặt ống dẫn dầu xuyên qua các nước Á-Rập chạy dài gần 2.000 cây số từ các giếng dầu Á-Rập Saudi đến gần bờ biển Địa-Trung-Hải để các tàu biển chở mang đi khắp nơi trên thế-giới.

Với sự lớn mạnh nhanh chóng của ARAMCO tại Á-Rập Saudi, tập đoàn tư bản Hoa-kỳ lẫn hồi đã tạo được một thế đứng áp đảo, có khuynh hướng làm lu mờ vị thế của tư bản Anh tập trung trong *Anglo Iranian Oil Company* với cơ sở vững vàng và nhà máy lọc dầu lớn nhất

thế giới Abadan, cộng thêm phân nửa phần hùn trong *Kuwait Oil Company* và *Iraq Petroleum Company*. *Iraq Petroleum Company*, khi mới thiết lập, được xem là có lợi thế chiếm hữu tất cả cơ sở sản-xuất dầu ngoài Ba-Tur, trong lãnh địa Đế-quốc Thổ cũ, nhưng trên thực tế, qua các giai-đoạn ngấm cạnh tranh, Công-ty này chỉ đạt mục-tiêu ở xứ Qatar nhỏ bé mà thôi.

Quyền lợi tư-bản Anh lại bị sút mẻ thêm nữa khi vào năm 1951, Thủ-tướng Ba-Tur Mossadegh quyết định quốc-hữu-hóa *Anglo Iranian Oil Company* và buộc Công-ty này đóng cửa tất cả cơ sở sản xuất và nhà máy lọc dầu Abadan.

Vì Abadan là nguồn tiếp liệu dầu cho phi cơ Đồng-minh tại Âu-châu, e Liên-xô xen vào sẽ rất bất lợi, nên Hoa-kỳ đã can thiệp: Chánh phủ Mossadegh bị lật đổ, Quốc-vương Ba-Tur trở lại ngôi báu, nhưng đồng thời, người Mỹ cũng xen vào chia phần trong cơ cấu sản xuất dầu lửa Ba-Tur được tổ chức lại thành một *consortium*. Trong *consortium* này, *Anglo Iranian Oil Company* được biến thành *British Petroleum Company* cùng với các Công-ty lớn Hoa-kỳ *Standard Oil of California, Socony*, Công ty Pháp *Compagnie Française des Pétroles...* góp vốn khai thác, còn phần tích sản như mỏ dầu, các cơ sở sản xuất thì được đặt thuộc một Công-ty quốc gia *National Iranian Oil Company* làm chủ. Cổ phần của người Anh qua *British Petroleum Company* trong *consortium* kể trên tuy vẫn còn chiếm 40%, nhưng với sự hiện diện của các

nhóm tư bản thuộc nhiều quốc tịch khác nhau, nhất là nhóm tư bản Hoa-kỳ, trong tổ hợp; người Anh dĩ nhiên không còn lợi thế trội yếu tại Ba-Tur như trước nữa.

Riêng đối với tư-bản dầu lửa Hoa-kỳ, sự trực tiếp tham dự vào tổ chức sản xuất dầu tại Ba-Tur càng tạo thêm uy thế vững mạnh, nhưng mặt dầu sản lượng dầu của Ba-Tur có một thời dẫn đầu thế giới, trung tâm quyền lợi của tư bản dầu Hoa-kỳ lại nằm trong ARAMCO tại Á-Rập Saudi có túi dầu dự trữ quan trọng nhất thế-giới. Do đó, nhu cầu dầu lửa của nền kỹ nghệ khổng lồ của Hoa-kỳ tùy thuộc vào nguồn tiếp liệu dầu Á-Rập Saudi là một điều dễ hiểu.

Với vị thế áp đảo của các quyền lợi tư-bản Hoa-kỳ trong hoạt động khai thác dầu lửa Trung Đông, các Công ty Dầu tổ chức rất qui mô, Phân chia thị trường, can thiệp vào tất cả giai đoạn sản xuất, lọc dầu, chế biến các phó sản và phân phối trên thị trường. Các Đại Công-ty mẹ, tùy theo mục tiêu giai đoạn hoặc trường kỳ, lần lượt để ra những Công ty con đóng vai trò chi nhánh hoặc biệt lập trên hình thức, tạo thành một hệ-thống phức tạp bảo vệ quyền lợi, sẵn sàng chống lại mọi sự xâm nhập của các nhóm quyền lợi tư bản không cùng hệ thống.

Theo tài liệu do tạp chí kinh tài quốc tế Fortune công bố, trong số ấn hành tháng 5 năm 1973, qua các phúc trình niên đề chánh thức, người

ta được biết số thương vụ của :

— EXXON (trước là Standard Oil of New Jersey)	: 20, 3 tỷ Mỹ kim
— Royal Dutch Shell	: 13, 6 tỷ Mỹ kim
— Mobil Oil	: 9, 1 tỷ Mỹ kim
— TEXACO	: 8, 6 tỷ Mỹ kim

Riêng EXXON sử dụng 141 ngàn nhân viên.

Để bảo vệ quyền lợi chung, các Đại Công-ty trong tổ hợp, như đã trình bày trong đoạn trước, thỏa hiệp kềm hãm nhau để tránh những chi tiêu vô ích nhằm vào việc cạnh tranh, khiến sản phí gia tăng. Đồng thời, một chánh sách sản xuất cũng được ấn định vừa đủ để cung ứng thị trường, khiến không xảy ra dư thừa có thể khiến thị-trường phải tùy thuộc vào các nguồn tiêu thụ.

Về giá cả cũng vậy, Tổ-hợp của các Đại Công-ty dầu đã đưa đến một thể thức tính giá khác thường, biểu lộ bản chất trực lợi rõ rệt, không ai kiểm soát nổi. Đề định giá dầu thô quốc-tế, tại một địa điểm nào trên thế giới, người ta xem như là dầu đó được chở từ Mexico tới, nên tính theo giá đang áp dụng tại Mexico, đồng thời cộng thêm giá phí chuyên chở giả định từ Mexico tới.

Thể thức này đã mang lại mỗi lợi to tát cho các Đại Công-ty dầu tại Trung-Đông, vì giá thành ở đây hạ hơn và lại được hưởng thêm phần tồn phí chuyên chở giả-định nữa. Trong đệ-nhi thế-

chiến, các tàu chiến nhận dầu tại Abadan (Ba Tư) được coi như nhận tại Mexico và được chở từ đó đến Abadan ! Sự vô lý này đã được một Ủy-ban hậu kiểm soát của Hải-quân Anh điều tra và phát hiện ; về sau phải bỏ giá phí chuyên chở đi nhưng giá dầu thô tại Mexico vẫn được dùng làm giá căn bản.

Năm 1947, các Đại Công-ty của Cartel ký Thỏa-hiệp Achnacarry ấn định New York (Hoa-kỳ) làm cứ điểm thay Mexico và cho tới nay cứ điểm định giá dầu thô vẫn là bờ biển Đông Hoa-kỳ.

Hoạt-động của Cartel đã gây sôi nổi trong dư-luận quần chúng Hoa-kỳ một dạo, vì tại Hoa-kỳ có những đạo luật (antitrust law) cấm liên kết ngăn trở tự do cạnh tranh như vậy.

Ủy-ban Mậu-dịch Liên-bang Hoa-kỳ trong năm tranh cử Tổng-Thống 1952 đã lập một bản phúc-trình về hoạt động tổ hợp này, nhưng sau đó được giữ mật vì liên-hệ đến bang giao với các nước Trung-Đông.

Vấn đề cũng đã được Tòa án Liên-

bang Hoa-kỳ thụ lý, nhưng lại bị kẹt vào vấn đề thẩm quyền, vì hoạt động của Tổ-hợp bị chỉ trích lại nằm trên lãnh thổ các nước Trung Đông, trên nguyên-tắc, là những nước có chủ quyền biệt lập với Hoa-kỳ.

Các Đại Công-ty bị tố cáo đã biện-minh dựa vào lập luận dầu lửa hiện trở thành lẽ sống còn của các nước có mỏ dầu, và cơ cấu giá cả được hình thành như vậy là theo một diễn-trình mậu-dịch trong vùng, dựa vào những điều-kiện thích ứng tại chỗ : Và lại, hoạt động của các Đại Công-ty dầu đang phát triển thuận lợi, mang lại khối lượng dầu cần thiết cho nền kỹ nghệ của Hoa-kỳ v.v... Ngoài ra, cùng các Công-ty đó đang hợp tác với nhau trong các dự-án khai thác, tiếp thị... thì làm sao vừa hợp tác và vừa cạnh tranh được ?

Các thắc mắc chìm dần theo thời gian và tổ hợp 7 Đại Công-ty dầu tiếp tục áp đảo kỹ-nghệ dầu Trung Đông và thế-giới.

... 3

DOHAMIDE

Nhà đóng sách LÁ BỐI

Lô O số 104 Chung Cư Minh Mạng Saigon 10

(đối diện với nhà xuất bản Lá Bối)

Đóng sách mạ chữ vàng, chữ Việt có dấu

Mỹ thuật, đẹp, chắc chắn, giá vừa phải.

Hữu Kính, Hữu Kiến hay Hữu Cảnh ?

Giai phẩm Bách Khoa số xuất bản vào tháng 3-1973, trong bài « *Kêu tên cho đúng* » (tt. 23-31), Ông Nguyễn văn Hữu có đề cập đến tên của Lê Tài Hữu : Chữ 鏡 phải đọc làm sao cho đúng tên của vị Chương cơ ấy ?

Nguyên tắc Ông Nguyễn văn Hữu đưa ra là « có tên gì phải được kêu đúng tên ấy, thì sự kêu tên mới có ý nghĩa ».

Đó là một nguyên tắc rất đúng. Và bởi nó đúng, nên chúng tôi xin thử góp thêm ý kiến về tên thiệt của Lê Tài Hữu, vì chưa thỏa mãn với lập luận của Ông Nguyễn văn Hữu về vấn đề này.

Trước hết chúng tôi nhìn nhận rằng nhân dân Miền Nam có quyền gọi Nguyễn Hữu 鏡 là Nguyễn Hữu Cảnh. Nhưng gọi như thế có đúng tên thiệt không lại là chuyện khác.

Nếu bảo rằng từ gần 275 năm nay, dân chúng Miền Nam đều gọi là Nguyễn Hữu Cảnh, mà kết luận ngay rằng tên thiệt của Ông là Cảnh, thì không cần phải đưa tên này vào câu chuyện « *Kêu tên cho đúng* » làm chi.

Nhưng Nguyễn Hữu 鏡 không phải là người riêng của Miền Nam, và dân số Miền Nam chỉ bằng khoảng 1/3 dân số toàn quốc, vậy, để cho công bằng, chúng ta nên tìm hiểu 2/3 số người Việt-Nam còn lại gọi Ông như thế nào. Họ thường phiên âm chữ «Kính» như thế nào, là họ gọi

Ông như thế ấy.

Theo chỗ nhận xét của chúng tôi, thì người Bắc đều phiên âm chữ 鏡 là Kính.

Chúng ta còn nhớ câu đối của hai anh em Đoàn Luân, Đoàn thị Diễm :

*Đối kính họa mi, nhất diễm phiên
thành lưỡng diễm.
Lâm trì ngoạn nguyệt, chích luân
chuyển tác song luân.*

Các sách quốc âm in ở Hanoi ngày xưa đều chép câu đối ấy với chữ *kính*. Các sách in ở Saigon mà có lập lại câu đối ấy cũng in là *kính* (Trần Gia Thoại, « *Giai Thoại Văn Chương* ». Nhà in Kim-Ngọc Saigon, 1952, t. 45).

Ông Nguyễn văn Hữu mách rằng trong quyển « *Việt Nam Sử Lược* », Trần Trọng Kim viết là Nguyễn Hữu Kính.

Nhà thơ Phan Mạnh Danh, người Hưng-Yên, phiên dịch một câu thơ cổ như sau (Bút Hoa, Trí-Đức Thư-Xã, Hanoi, 1953, t. 61) :

Đồng kính dao cầm bất nhãn khan.

Ngô Tất Tố, trong quyển Đường Thi (Khai-Trí Saigon, tái bản 1961), chép bài « Xuân Giang Hoa Nguyệt Dạ », có câu (t. 21).

*Khả liên lâu thượng nguyệt bởi hồi
Ứng chiếu ly nhân trang kính đài*

Bài « *Tương Tiến Tửu* », có câu (t. 69)

*Hữu bất kiến cao đường minh kính
bi bạch phát...*

Giáo sư Nguyễn Đăng Thục, trong quyển «*Thế Giới Thi Ca Nguyễn Du*» (Kinh Thi, Saigon, 1971) phiên dịch 2 câu kệ trong một bài thơ chữ Hán của Nguyễn Du (t. 173 và t. 351) :

*Minh kính diệp phi đài
Bồ đề bản vô thụ*

Sách đã dẫn, tt. 294 và 304 có câu
Đạt nhân tâm kính quang như nguyệt,
t. 316, có câu

Minh kính hiền tàn khai lão sấu

Chúng ta thử rút một quyển sách nào khác, do người Bắc dịch. Quyển «*Lĩnh nam Dật sử*» (Trung Tâm Học Liệu, Saigon, 1968, do Bùi Đán dịch) Q. II. t. 218, có bài thơ của Nại Am Tử, cặp đầu như sau :

*Tây đô hữu giai nhân
Độc tọa lām minh kính*

Hoặc lấy quyển Hoàng Việt Văn Tuyển, tập I (Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc trách Văn hóa, 1971), của Tô-Nam Nguyễn Đình Diệm, người Ninh Bình, dịch. Trang 26, chú thích số 20, chép bài thơ của Trương văn Trâm vịnh cuống sen có câu :

Bộ bộ lãng ba đạp minh kính.

Ông Đào Duy Anh là người Thanh-hóa. Ông có dạy học ở Đồng hới (Quảng Bình) và đã ở Huế nhiều năm. Quyển Hán Việt Từ Điển của ông, nơi chữ Kính có chua chữ Hán 鏡 (không ghi thêm là cũng đọc cảnh) ; nơi chữ Cảnh, không có chữ 鏡.

Nữ-sĩ Cao Ngọc Anh, người Diên-châu, Nghệ-An, trong tập «*Khuê sâu thi thảo*», xuất bản tại Saigon, có hai câu thơ chữ Hán, rất được truyền tụng, chính tác giả phiên âm như sau :

*Nhất phiến u hoài giang thượng
nguyệt*

Bán sinh trần mộng kính trung hoa

Vào đến Huế, chúng ta hãy dẫn những người Huế chính cống ; Trong quyển Tùng Thiện Vương của Nguyễn Phúc Ưng Trình và Nguyễn Phúc Bửu Dưỡng, (Saigon, 1970), t. 65, chúng ta đọc :

*Học nhân khuy đắc tây dương kính,
(Trên lầu Minh Viễn)*

và tại t. 104, câu đối trước của Ký Thường Viện :

*Châm lưu tây nhĩ, thấu thạch lê xỉ
Không đàm tả xuân, cồ kính chiếu
thần,*

Rồi vào Quảng-Nam, thì Ông Nguyễn văn Hầu lại mách cho chúng ta biết là Sử-gia Phan Khoang viết tên Ông Chưởng là Nguyễn Hữu Kính (VS Xứ Đàng Trong).

Chúng tôi không được rõ Ông Nguyễn Tạo, dịch giả bộ Đại Nam Nhất Thống Chí, là người vùng nào, nên về phần ông, chúng tôi không theo thứ tự từ Bắc vào Nam. Chẳng hiểu sao bản in mà Ông Nguyễn Văn Hầu dẫn lại viết là Nguyễn Hữu Kiến. Nhưng bản in năm 1961, tập số 9 về hai tỉnh Quảng Trị và Quảng Bình, t. 178, thì rõ ràng là viết Nguyễn Hữu Kính. Vậy chúng ta có thể loại trừ cái thắc

mắc về tên « Kiến » mà ông Nguyễn Văn Hầu đã nêu ra nhân một bản ĐNNTC.

Chúng ta có thể tóm tắt như sau : người Miền Nam gọi Lê Tài Hầu là Nguyễn Hữu Cảnh; người Miền Bắc và Miền Trung (ít ra là đến Nam Ngãi) thường gọi ông là Nguyễn Hữu Kính, vì có khuynh hướng đọc chữ 鏡 như vậy.

Thực ra, hai miền Bắc, Trung, cũng có nơi có người đọc chữ 鏡 là Cảnh hay Kính.

Chính giáo sư Nguyễn Đăng Thực trong sách « *Thế Giới Nguyễn Du* » mà chúng ta đã thấy chữ năm lần chữ « kính » (tt. 173, 294, 304, 316, 351, đã vô tình lặp lại một câu với chữ « cảnh » (t. 322) :

*Đạt nhân tâm cảnh quang như
nguyệt.*

và có vài chỗ khi phiên âm thì viết là « kính » mà khi dịch nghĩa lại viết là « cảnh » (tt. 295, 304).

Cũng là người Thanh-Hóa như ông Đào Duy Anh, mà thi sĩ Tchya viết, khi phiên âm bài « *Tương Tiến Tửu* » của Lý Bạch :

Cao đường minh kính bi bạch phát

(*Nội-san Trường Vinh, số năm 1969-1970, t. 42, theo băng thu âm giọng đọc của chính Tchya*)

An-Đình Trần Kinh, người Huế, làm Đốc-Học tỉnh Quảng-Bình, trong quyển « *Địa Dư Tiện Địch* » của ông, thì viết :

Những ông tướng võ có tài

Hữu Đạt, Hữu Cảnh, mấy ai dám bị
(« *An Đình Thi Tập* », bản đánh máy của Giáo-sư Trần Vỹ)

Thì ra một chữ 鏡 mà chính hai miền Bắc Trung đọc đến 3 cách : kính, cảnh và kinh.

Số là, một số khá nhiều chữ Hán, khi chuyển qua tiếng Việt-Nam, đã biến thành hai ba âm khác nhau. Một âm là do ảnh hưởng của quan lại Trung-Hoa các thời Bắc-thuộc, họ phần đông nói tiếng miền Bắc nước Tàu (quan thoại) ; một âm chịu ảnh hưởng của quân lính hay thương nhân Trung-Hoa, đa số là người Quảng-Đông, Quảng-Tây, v.v. Một vài âm khác là biến thể của hơi âm ấy.

Trường hợp chữ 鏡, chúng ta có hai âm chịu trực tiếp ảnh hưởng Trung-Hoa và hai âm biến thể : kính, cảnh, kinh và kiếng.

Kính là do âm quan thoại. Người Tàu ghi âm trong các tự điển mới là 41Z, *Jing*. Ta có thể đọc là «chinh».

«Cảnh» là do âm Quảng-Đông. Người Quảng-Đông đọc là kếng.

Tiếng «kính» lấy vận của tiếng kính và thính của tiếng cảnh. Do tình trạng tương tự, chữ « kính » là kính trọng đã biến thành « kinh » (kính trọng), chữ « kính » là đường nhỏ, có nơi đọc là « kinh » (cúc kính).

Sự biến dạng thành tiếng kiếng lại qua vận của tiếng cảnh. Trong tiếng Việt, vận *anh* thường biến thành *iêng*. Như anh hùng, biến thành yêng hùng, thành tâm biến thành thiêng tâm, cảnh (phong cảnh) biến thành kiếng :

*Thương cha nhớ mẹ thì về
Nhược bằng thương kiếng nhớ quê
thì đừng.
(Ca dao)*

Do đó mà chữ 鏡, đã có âm cảnh, cũng biến thành kiếng, như ta nói kiếng soi, kiếng mắt.

Vậy một 鏡 là chữ Hán 鏡, đã để ra 4 tiếng Việt : kính, cảnh, kinh và kiếng.

Người Nam khi phiên âm chữ Hán ấy thì dùng chữ « cảnh », và khi nói thì hay dùng tiếng « kiếng » (hay viết sai chánh tả thành « kiến »).

Người Bắc Trung khi phiên âm, thì thường dùng chữ kính, một đôi khi dùng chữ kinh hay chữ cảnh, như chúng tôi đã nhận xét ở đoạn trên.

Nhưng trong văn chương, thì họ có khuynh hướng dùng âm kính thường hơn hai âm kia. Tại sao vậy ?

Chúng tôi nghĩ rằng các nhà nho ngày xưa có quan niệm rằng ảnh hưởng của quan thoại là ảnh hưởng chính thống, và cho rằng những tiếng Hán Việt đọc theo âm quan-thoại đều văn vẻ thanh lịch hơn là những âm được cấu tạo trong dân gian.

Và khi các cụ dùng chữ Hán mà đặt tên, thì nhất định là gọi tên theo cái âm thanh lịch của chữ.

Chúng ta có thể chắc chắn rằng trong các gia-đình có văn-học ở miền Bắc và Miền Trung, khi một người được đặt tên với chữ Hán là 鏡, thì người ấy gọi tên là Kính.

Bây giờ chúng ta hãy tìm xem Lê Tài Hậu sinh trưởng ở miền nào,

thì biết tên ông là Cảnh hay Kính

Sử sách cho biết ông là người Miền Trung. Tuy là hậu duệ của Nguyễn Trãi, nhưng ông thuộc một hệ phái di cư vào trang Gia-Miêu, huyện Tống-sơn, tỉnh Thanh-Hóa, đã nhiều đời rồi.

Khi Nguyễn Hoàng vào trấn Thuận-Hóa năm 1559, thì tồ-phụ của ông là Nguyễn Triều Văn đi theo, và được cất làm tham tướng. Triều Văn đến nhập tịch xã Phước-Long, huyện Khang-Lộc, thuộc phủ Tân-Bình (bây giờ là phủ Quảng-Ninh, tỉnh Quảng-Bình). Phụ thân của Lê Tài Hậu là Chiêu Quận-công Nguyễn Hữu Dật, một danh tướng của họ Nguyễn. Dật có văn tài từ nhỏ, 16 tuổi đã được cho giữ một chức quan văn, về sau mới cải qua nghiệp võ. Anh của Lê Tài Hậu là Nguyễn Hữu Hào, làm cai cơ, cũng có văn tài.

Sinh trưởng trong một vọng tộc, có văn học truyền nối lâu đời, có nhiều thế hệ làm quan như thế, thì những tên đặt cho Lê Tài Hậu không thể là những danh từ bình dân, mà đã lấy từ chữ Hán với âm thanh lịch của nó, khi chữ Hán có nhiều âm.

Qua tước Lê Tài Hậu, Lê Thành Hậu, chúng ta biết ông Chương-cơ này lúc nhỏ còn có tên là Lê. Lê là do chữ Hán mà gọi. Vậy tên sau của ông, tất cũng lấy chữ Hán mà đặt, chứ không phải là một tên « nôm », về sau mới tìm một chữ Hán mà viết.

Chúng tôi kết luận rằng, khi thân phụ ông đặt cho chữ 鏡 làm tên, (hoặc có thể là ông tự chọn chữ ấy).

thì tên được gọi chính thức của ông là Kính, tức là âm chính thống của chữ.

Thế thì tại sao tên Nguyễn Hữu Kính đã biến thành Nguyễn Hữu Cảnh ở Miền Nam ?

Chúng tôi nghĩ đó là do tục kiêng tên của người Việt-Nam mình. Người Việt-Nam kiêng tên để tỏ lòng kính trọng, như đối với cha mẹ, ông bà, đối với vua chúa, đối với những nhân vật có công đức lớn với dân với nước. Họ cũng kiêng tên vì sợ, như đối với thần thánh, đối với các quan lớn ở địa phương, v.v...

Khi kiêng tên của Nguyễn Hữu Kính, thì dân chúng có nhiều cách. Hoặc là họ dùng chức, mà gọi là Ông Chưởng (cơ). Hoặc dùng tước mà gọi là Lễ Tài Hầu, Lễ Thành Hầu. Khi phải nói đến tên, thì họ đọc trại đi.

Chữ "Kính" có ba cách đọc trại :

- Gọi là *Kiến* thì quá nôm na.
- Gọi là *Kinh* thì quá giống.

— Chỉ còn cách dùng âm Cảnh mà gọi, vừa khác âm, vừa viết đúng chữ 鏡 nữa.

Về công nghiệp của Nguyễn Hữu Kính đối với Miền Nam, Đại Nam Liệt-truyện Tiền Biên chép rằng : " Năm Mậu Dần (1698), mùa xuân, vua cất Ông làm Thống-suất, đem binh kinh lược Chân-Lạp, Ông lấy đất Đông-phố làm phủ Gia-Định, chia đất ra : lấy xứ Lộc-dã (Đông-Nai) làm huyện Phước-Long và lập

Dinh Trấn-biên, lấy đất Sài-Côn (Saigon) đặt làm huyện Tân-bình và lập Dinh Phiên-trấn.

" Ông lại mở rộng đất đai ngàn dặm, dân số hàng 40 chục ngàn người. Ngoài ra, Ông mộ dân từ châu Bô-chính đưa vào Nam và thiết lập bộ dinh ».

Cái công mở mang lãnh thổ Việt-Nam trên đất Chân-lạp, cái công di cư một số đông dân Bình Trị vào đó sẽ khai hoang lập ấp, và đặt nền móng cai trị đầu tiên ở Miền Nam, của Nguyễn Hữu Kính đáng kể là công đầu. Cái công ấy đã được nhân dân Miền Nam nhìn nhận với câu đối viết trước mộ của ông tại Cù lao Phố (Biên-Hòa) :

" Thủy triệu cuộc Nam châu
Sơ khai biên giới thổ. »

Và ông được sùng bái cùng biết ơn một cách sâu xa rộng rãi. Tựa sách Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh của Ông Nguyễn văn Hầu có đoạn : " Người ta đã dùng uy danh của ông (Lễ Thành Hầu) mà đặt tên cho sông, cho đất. Người ta đã lập đền thờ ông khắp nơi, từ Biên-hòa đến Kim-biên... »

Nhân-dân Miền Nam biết ơn và sùng kính Nguyễn Hữu Kính như thế, thì việc kiêng tên Ông là lẽ dĩ nhiên. Người ta bắt đầu kiêng tên Ông từ khi Ông bước chân vào đất Chân Lạp (1698), người ta lại càng kiêng kỹ hơn từ ngày Ông mất tại Sầm-giang ngày 16 tháng 5 năm Canh Thìn (1700), vì từ đó Ông đã trở nên một vị Thần.

Do đó mà chữ Kính đã biến mất ở Miền Nam. Chữ Hán 鏡 chỉ còn được đọc là «cảnh», cái gương soi, cái kính đeo mắt chỉ còn được gọi là kiếng. Cho đến chữ «kính» 敬 cũng biến thành «kiếng», như nói cúng kiếng.

Trừ Nam Bộ Chính trở vào đến huyện Minh-Linh, hai Miền Bắc Trung không biết công và không đội ân.

Chúng ta không lạ gì mà thấy Tôn Thọ Tường (1825-1877) viết :

Đài cảnh biếng soi màu phấn lợt

(Đĩ già đi tu)

và Liên Phong, tác giả quyền Điều cò hạ kim thi tập, viết bằng quốc ngữ, đã gọi Lễ Tài Hầu là Nguyễn Hữu Cảnh. Sách này chỉ có thể viết sau năm 1861 là năm người Pháp đặt ra trường Thông ngôn và bắt học chữ quốc ngữ thay thế cho chữ Hán và chữ Nôm, có thể chắc chắn là sau cả năm 1865 là tờ Gia-Định Báo ra đời. Vì tục kiêng tên, mà chỉ độ vài chục năm sau khi Lễ Tài Hầu mất, không ai còn biết tên thật của Ông nữa, huống chi hơn 150 năm sau, thì còn làm sao mà biết đề chính danh.

Trên đây, chúng tôi nói chữ «kính» đã biến mất ở Miền Nam. Sự thật, nó còn duy trì tại một địa điểm. Đó là nơi có đền thờ và mộ của Nguyễn Hữu Kính, trên Cù lao Phố, tỉnh Biên Hòa. Dân địa phương gọi đền thờ này là đền Bình Kính, vì nó được xây cất tại ấp Bình Kính.

Đại Nam Nhất Thống Chí, quyền Biên-Hòa và Gia-Định, có nói đến

đền thờ Lễ Công, Tráng Hoàn Hầu Nguyễn Hữu Cảnh, tại châu Đại Phố, thôn Bình Hoành, huyện Phước Chính, là nói về đền này.

Chúng tôi thấy tên Bình Kính này được đặt ra với chủ ý lưu niệm hai tên : Nguyễn Hữu Kính và Quảng Bình. Nguyễn Hữu Kính là người đại ân nhân của Miền Nam, và Quảng-Bình vừa là quê hương của Ông, vừa là quê hương của gần 40 ngàn dân Ông đã đưa vào khai hoang lập ấp ở hai huyện Phước Long và Tân Bình ngày xưa. Nếu không có dụng ý ấy, thì tại sao tên Kính, vì được tôn trọng mà không ai dám nói đến, lại được đem đặt nơi mà Ông có mộ, có đền thờ, nơi mà người ta phải kiêng Ông kỹ nhất ? Và có lẽ đặt tên Bình Kính không chỉ để lưu niệm mà thôi, mà còn nhắc nhở cho con cháu đời sau biết rằng tên thật của Lễ Tài Hầu, tên do cha mẹ đặt ra, hoặc là do Ông tự chọn lựa, là Kính, bởi vì chữ Hán 鏡 chỉ tên Ông đã phải đọc theo âm mà các người có văn học, các gia đình quan lại đương thời cho là âm văn vẻ, âm chịu ảnh hưởng chính thống của tiếng quan thoại Trung-Hoa, như trong câu thơ :

Đập cò kính ra tìm lấy bóng

(Tự Đức ? : Khóc Thị Bằng)

TRẦN THƯƠNG TÙNG

MỘT BỘ BÁCH KHOA ĐÓNG TẬP từ năm 1957 đến 1973 (thiếu khoảng 20 số) gồm 45 tập, bìa carton, gáy simili-cuir. Giá 50.000đ. Giao tại 160 Phan Đình Phùng Saigon.

Y-học Tần và Hán (*)

Từ trước đến nay, thời-đại Tam Hoàng Ngũ Đế vẫn được mệnh-danh là thời-đại truyền-thuyết trong lịch-sử của dân-tộc Trung-Hoa. Dùng khái-niệm này người ta thường quá chú-ý đến nghĩa bóng của từ truyền thuyết mà cho đó là một thời-đại đầy rẫy những chuyện hoang-đường không có thật, chẳng hạn — đề chỉ riêng bàn đến lĩnh-vực y-khoa — chuyện Thần-Nông dùng gậy thần thử dược-thảo để biết vị lành vị độc, chuyện Du-Phụ tiến-hành giải-phẫu để chữa bệnh, chuyện Vu-Hàm sáng tạo ra nghệ-thuật bốc sắc thuốc thang.

Thực ra khái-niệm thời-đại truyền thuyết chỉ có nghĩa là một thời-đại lịch-sử được dựng lại bằng những chuyện khẩu truyền, không có những bằng-cớ chắc chắn của các tài-liệu thành văn, và nếu hiểu theo ý này, thì thời-đại truyền thuyết không nhất thiết phải là một thời-đại hoàn-toàn bịa-đặt. Vì dù sao đi nữa, truyền thuyết cũng chứa đựng ít nhiều sự thật lịch-sử.

Chúng ta đều biết, trong những thời-đại xa xưa đã xảy ra biết bao nhiêu sự kiện phức-tạp, ly kỳ, rắc rối. Những sự kiện lịch-sử như thế chỉ có thể truyền được bằng miệng từ đời này sang đời khác. Mãi về sau, khi chữ viết ra đời thì một số rất nhỏ trong muôn ngàn sự kiện lịch-sử đó mới được ghi chép lại.

Trung-Y không thoát khỏi thông-

lệ ấy. Cho nên, tìm hiểu buổi bình-minh của lịch-sử y-khoa Trung-Hoa qua những câu chuyện có bề ngoài hoang-đường là một điều rất hấp dẫn và lý-thú. Nhất là khi ta đem đặt song song với các sự kiện xảy ra đồng thời trong lịch-sử văn-hóa thượng-cổ hoặc cổ-đại của đất nước ta — chẳng hạn qua *Lĩnh Nam Chích Quái*, qua *Việt Điện U Linh* — ví dụ tục xam mình, tục nhuộm răng, lối xay vỏ cây quang-lang làm bột, lối dùng củ gừng “chế” muối.

Nhưng đây là một việc làm hết sức khó khăn. Vì vậy, chúng tôi xin tạm mở phần lịch-sử y-học Trung-Hoa ở một chương thuộc thời-kỳ đã có một nền y-khoa thành văn vững chãi : thời-kỳ Tần-Hán. Và chẳng, với nhà Tần cũng khởi nguyên những giờ phút tinh mơ của buổi đầu thống-nhất đất nước nòi Hán, và sự kiện lịch-sử này không phải là không lưu dấu ấn đậm nét lên bộ thông-sử y-thuật Trung-Quốc.

Bối-cảnh lịch-sử

Diệt xong lục quốc và đặc-biệt là nước Tề vào năm thứ 26 của triều đại mình (-221), Tần Vương Doanh-Chính lên ngôi Hoàng-đế, xưng là Tần Thủy-Hoàng, hủy bỏ chế-độ cát

(*) Trích từ cuốn « *Lược-thảo Lịch-sử Y-học Trung-Hoa* », (Phần « *Y-khoa qua các Triều-đại* ») do chúng tôi soạn, sẽ xuất-bản trong thời-gian tới. (Vì điều-kiện ấn-loát của tờ giai-phẩm, phần lớn các hình-ảnh đã phải loại bỏ.)

đề bắt đầu thiết-lập một chính-phủ trung-ương tập quyền đại qui-mô trên một quốc-gia thống nhất. Đối ngoại, do tư-tưởng «bình thiên-hạ» chính-sách nhà Tần đặt nặng vấn-đề bành-trướng bờ cõi, xâm lấn các nước láng giềng; đối nội nhà vua, theo đề-ngị của Thừa-Tướng Lý-Tư, chủ-trương xây dựng một nền kinh-tế, văn-hoá và hành-chánh đồng nhất. Sự kiện cưỡng-bách toàn-quốc phải dùng một thứ chữ viết và những phép cân đo giống nhau do Tần triều chủ-xướng đã đóng góp nhiều vào sự phát triển của nền văn-minh Trung-Quốc.

Nhà Tần chỉ kéo dài được mười lăm năm, nhưng các cải cách do triều-đại này đưa ra gần như được nhà Hán (-206 đến 219) giữ nguyên. Lưu-Bang, thành-lập nhà Hán năm 206 trước TCGS, theo một đường lối chính-trị nhằm hoà-giải các lực-lượng cát cứ và củng-cố đế-quyền. Chính-sách này được các vua đời sau tiếp-tục và càng ngày càng đưa nền vương-thống đến thành-công và thịnh-vượng. Vũ-đế (-140 đến -88) vốn là một vị vua thượng tôn quân-sự đã mở rộng mạnh-mẽ lãnh-thò Trung-Quốc. Nhà vua rất hiếu chiến và xây-dựng nên một đế-quốc hùng-mạnh, bao-la nhất thế-giới thuở bấy giờ, và do đó, uy-tín Vũ-Đế lên rất cao ở quốc nội cũng như quốc ngoại. Đương thời, cương-vực Trung-Quốc phía bắc và tây bao-quát cả Mông-cô, Tân-cương, suốt Trung-Á, đến tận biên-giới lãnh-thò Nga, phía đông-bắc gồm bán-đảo Triều-tiên

đến tận Hán-thành, phía nam tóm thâu bắc-phần Việt-nam ta. Oai-danh nhà Hán lừng-lẫy bốn phương.

Nhìn chung, hai triều-đại Tần và Hán tạo thành một giai-đoạn rực-rỡ trong lịch-sử Trung-Hoa, và chính trong giai-đoạn ấy, giai-đoạn hồi phục và thống-nhất quốc-gia, nền móng y-học Trung-Quốc đã được xây-đắp. Có nhiều yếu-tố giải-thích sự phát-triển này.

Thực vậy, hai thế-kỷ đầu trước TCGS là một thời-kỳ dài ổn cố chính-trị, phát-triển xã-hội và kinh-tế. Kỹ-thuật canh-nông và điều-kiện sinh-sống của đại-chúng đều được cải-thiện. Một khi dân đã đủ cơm ăn áo mặc thì tự nhiên là họ chú tâm tìm kiếm thuốc men để điều-trị bệnh-tật, và vì trong lối sống hằng ngày, họ chủ-yếu mưu sinh bằng nghề nông nên thường-xuyên tiếp-xúc với các loại cây cỏ, do đó trong bước đầu dùng thuốc, họ làm quen trước hết với dược-tính của thảo-mộc. Chẳng hạn, người dân rút kinh-nghiệm rằng Ba đậu (*Croton Tiglium* L.) là một vị thuốc xổ, Ma hoàng (*Ephedra sinica* Stapf) giúp hạ sốt, Qua đế (*Curcumis Melo* L.) khiến nôn mửa. Vì thế mà tám mươi phần trăm các dược-phẩm trong *Thần Nông Bản Thảo Kinh* đều có nguồn gốc thực-vật, và tác-phẩm này thực ra cũng chỉ là một tổng-hợp những tri-thức truyền từ lưu tôn do nhiều thế-hệ nông-dân gom góp lại mà tạo thành, đúng như danh-xưng của tư-liệu chỉ rõ, chứ chẳng phải do một ông vua đầu thú mình người nào

viết (!) ra hết, vì viết sao được vào cái thỏi quốc sơ, khi mà con người chưa có chữ viết, đến nỗi phải « kết thảng vi chính » (lấy việc kết dây để cai-trị) !

Về mặt kỹ-nghệ thì ba nền kỹ-nghệ lớn của đời nhà Hán là cất muối bẽ, khai quặng sắt và đúc tiền. Qua kỹ-nghệ làm muối, con người nhận ra rằng nước muối có thể dùng để rửa mắt cho mắt thêm tinh-tường, rằng Mang-tiêu — tức sulphat natri — có công-năng tẩy xỏ. Những tiến bộ trong nghệ-thuật điều-chế sắt dẫn đến sự phát-minh và nhất là sử-dụng thép trong chế-tạo một số y-cụ tinh-vi, chẳng hạn chín loại kim châm-khoa (*cửu châm*). Bước thêm bước nữa, người công-nhân luyện thép, dựa vào kinh-nghiệm hành nghề thường-nhật của mình, phát-giác ra rằng bột sắt (Thiết phấn) có tác-dụng tư dưỡng, bồi bổ. Kỹ-nghệ sắt thép càng phát-triển thì nhu-cầu khai-quặng càng gia-tăng, với kết-qua là những khoáng-chất như Chu-sa, Thần-sa, Thủy-ngân trở nên ít khan hiếm hơn, và do đó, sự sử-dụng chúng trong mục-đích điều-trị phổ-thông hơn, giúp thu-thập nhiều hiểu biết hơn về dược-tính.

Từ thế-kỷ thứ hai trước TCGS, giấy đã được phát-minh, nhưng kỹ-thuật dùng giấy trên một qui-mô tương-đối lớn thì mãi đến thế-kỷ thứ hai sau Công-nguyên mới khá phổ-biến. Dưới đời Tần Hán, sách vở phần nhiều chỉ là những thẻ tre và thẻ gỗ ghép lại. Các y thư đời Hán mà nay ta kể thừa đều thuộc

loại này, và chữ viết được khắc bằng những vật nhọn, bén.

Tần Thủy Hoàng Đế rất tin-tưởng hai phái âm dương gia và đạo gia cũng như rất tôn-sùng lý-thuyết ngũ hành. Nhà vua tập-trung một số lớn phương-sĩ, thuật-sĩ tại triều và ủy-cho họ nhiệm-vụ đi tìm thứ cỏ sống lâu. Góp công vào vi-nghiệp này, Từ-thị, người đất Tề (phía đông Sơn-đông), cho biết rằng nơi biển Đông có ba hòn đảo, đấy là nơi non bồng nước nhợt, có thể có thuốc trường-sinh. Đi tìm « bất tử chi dược » là động-cơ thúc đẩy mạnh-mẽ các công-trình thử-nghiệm, bào-chế, đưa đến sự hình-thành bí-thuật luyện kim, tiền thân của bộ môn hóa-học hiện-đại, mà quê cha đất tổ chính là đất Hán.

Tuy nhiên với Luru-Bang thì tình-hình có phần thay-đổi. Lúc Hán Cao-tổ mới tức vị, ảnh-hưởng của Lão-giáo còn rất quan-trọng, nhưng đến đời Hán Vũ-đế thì nhà vua lại đề cao Khổng-học, tôn vinh đức Vạn thế sư và xem bậc quân-tử như một vị á-thánh. Dầu vậy, giới sĩ phu đương thời vẫn trung-thành với học thuyết ngũ-hành, và vào khoảng thế-kỷ thứ nhất sau TCGS thì hệ lý-luận này trở thành bộ môn sấm vĩ, một hình-thức địa bốc và tử vi phối-hợp, chuyên luận bàn những việc cát hung, vận số. Vương Mãng (9 đến 22 sCN) và Lưu Tú, tức vua Quang-vũ nhà Hậu-Hán (25-57 sCN) rất coi trọng những đường-hướng tư duy này và đem áp-dụng cả vào thuật trị nước. Cho nên chính dưới

Hình 3.- Binh-Thư Tôn-Tấn khắc trên thẻ tre.

Khai-quật vào tháng tư năm 1972 từ hai ngôi mộ thời Tây-Hán trong một công-trường xây cất vùng Ngân-Tước-Sơn, huyện Lâm-nghi, tỉnh Sơn đông. Số thẻ tre được khai-quật lõi 4.900 thẻ.

Gần đây hơn (Đại Công Báo, tháng 8-1974) tại vùng ngoại-ô Trường-sa thuộc tỉnh Hồ-nam, còn khai-quật thêm được nhiều thẻ tre khắc ghi-khắc bộ sách Lão-tử và bộ Chiến Quốc Sách. Đặc-biệt trong số này có hai trăm thẻ ghi lại một bộ y-thư mà phong cách rất giống phong cách bộ *Hoàng-Đế Nội-Kinh*. Giới nghiên-cứu nghĩ rất có thể đây là bộ *Hoàng-Đế Ngoại-Kinh*, mà hiện nay không còn bản nào truyền lại.

(Trong hình chụp, bên cạnh các thẻ tre là những dòng chữ Trung-hoa viết theo lối hiện-đại).

triều Lưỡng-Hán học-thuyết ngũ-hành đã được xây-dựng, dựa trên quan niệm mâu-thuần thống-nhất của chất sống và sự sống, nhằm giải-thích sự biến hóa của hiện-tượng tự nhiên từ các qui-luật chi-phối các hiện tượng mà bản thân giới tự nhiên vốn sẵn có. Xuất phát từ căn bản lý-luận ấy, y-học mạnh-dạn chấp-nhận một thái-độ tương-đối tiến-bộ và khoa-học, nhằm cắt nghĩa những tiến trình sinh-lý bệnh-lý như sinh đẻ, già cỗi, ốm đau, chết chóc.

Nhưng trên một mặt khác, phép dưỡng-sinh của giới thuật-sĩ cũng nhiều khi đưa đến những chứng-bệnh do ăn uống lệch lạc và thiếu

thốn, giúp người thầy thuốc sơ-bộ biết chẩn-đoán giám-biệt giữa những chứng-trạng ấy với các trường-hợp bệnh-lý nhiễm-trùng. Rồi người môn đệ Lão học lại phát-kiến những thứ thuốc cường dương, trong mục-dịch phục-vụ các lãnh-tụ chính-trị, nhưng đồng thời, cũng đặt nền móng cho phép trị-liệu bằng kích-tố.

Cuối cùng, dưới hai triều-đại Tần Hán, đế-quốc Trung-Hoa trải rộng, và cùng với sự bành-trướng lãnh-thò, nhiều mối giao-lưu y-học mới và xa cũng hình thành giữa những dân-tộc dị-biệt, trong công cuộc chiến-đấu chung chống lại bệnh-tật. Chẳng hạn, Trung-Y bắt đầu biết đến

bệnh thổ tả lúc bấy giờ hoành-hành ở Quảng-Đông (thuở đương thời có tên Nam-Việt), bệnh thử thấp (phong thấp) ở đất Thục (Tứ Xuyên), bệnh đậu mùa ở Tạng-quận và nơi sắc-tộc Hung-nô.

Về sinh-hoạt và phong-tục, nhìn chung lối sống của người dân dưới hai triều Tần Hán có nhiều thay-đổi nếu so với các đời trước, nhất là đối với thị-dân.

Khi Tần Thủy-Hoàng cưỡng bách mười hai vạn gia-đình hào phú về quần cư ở Hàm-dương thì kinh-đô nhà Tần đã biết đến những ngày cực huy-hoàng. Nhờ giao-lưu thương-mãi với các nước ngoài, người Tàu làm quen với nhiều xa-xỉ-phẩm mà trước kia chỉ có giai-cấp thống-trị mới mua sắm nổi.

Đến đời Hán, người dân tuy vẫn tiếp-tục ngồi dưới đất nhưng nhà cửa được xây-dựng rộng-rãi và vững chắc hơn. Thông thường thì một ngôi nhà trung-lưu có hai tầng và mái nhà tựa lên những chiếc cột gỗ chạm-trổ tinh-vi. Trên tường có treo tranh. Đồ đạc trang-trí trong nhà thì chỉ có ghế lùn và bàn thấp. Không có tủ. Áo quần, sách vở... chứa trong hòm và thúng, nhiều khi tô sơn mài và trang-trí rất đẹp. Để ngăn cách phòng này với phòng khác, thay vì xây vách có cửa, người ta ưa dùng bình-phong.

Trang-phục so với đời trước không thay đổi mấy, nhưng vải vóc và màu sắc thì phức-tạp hơn. Người ta cài vạt áo với những cây cài áo

bằng ngọc, bạc hay vàng, chế-tạo rất tinh-xảo. Người ta buộc áo bằng lụa dài, buông lơ lửng hai đầu trên mặt đất. Đàn ông mặc quần ống phồng, có lẽ là theo cách ăn vận của cư dân miền Trung-Á.

Đàn-bà khoác trên vai những khăn choàng dài và rộng và khi ra đường thì dùng các khăn này để che mặt. Họ thường cạo lông mày và dùng mực đen hay xanh để tô lông mày giả (*hoạ my*). Lối kẻ lông mày thay-đổi theo thời-trang. Dưới đời Vũ-đế (140-87 trước TCGS), kẻ theo hình chữ bát. Đến thế-kỷ sau, dưới thời Đậu-hậu (77 sau TCGS) lại kẻ theo hình vòng cung dài. Nữ-giới đánh phấn ở mặt, cổ và vai, xoa phấn má rất đậm, gắn hoa-tử hai bên mép và ở trán, tô son môi bằng thuốc màu đỏ. Trâm cài tóc rất dài và điêu-khắc rất tinh-vi. Ở tai có vòng tai, ở tay thì đeo xuyến.

Thanh lâu xuất-hiện cùng với tình-trạng kinh-tế phồn thịnh.

Chế-độ đa thê hết sức thịnh-hành : người đàn ông trung lưu có ba bốn nàng hầu ; giới thượng lưu có từ sáu đến mười hai vợ bé ; hàng hoàng thân quốc thích, danh tướng, công khanh đại thần thì có không dưới ba mươi thê thiếp. Hoàng-đế lập rất nhiều quý-nhân, mỹ-nhân, hậu-cung bên cạnh Hoàng-hậu.

Nhận diện bệnh tật

Những bệnh-tật đầu tiên được học-hỏi chi tiết là các loại bệnh nhiễm. Khoảng thế-kỷ thứ nhất sau TCGS, dân số gia-tăng mạnh-mẽ,

đồng thời các gia-đình trung lưu và hào phú có khuynh-hướng sống tập-trung. Theo tổ-chức hành-chánh địa-phương của nhà Hán, ở các quận, huyện, dân gian tụ-hợp thành từng nhóm, cứ một trăm nhà là một lý, có chức khôi cầm đầu, cứ mười lý là một đình, do chức đình trưởng lãnh-đạo, cứ mười đình là một hương, đặt dưới quyền cai-trị của một tam đầu-chế với vị Tam lão coi việc giáo hóa, chức Sắc-phu xử kiện tụng, thu thuế, chức Du-triệt phụ-trách an-ninh.

Khuôn mặt tổ-chức xã-hội chặt-chẽ này tạo môi-trường cho các bệnh truyền-nhiễm bộc-phát và lan-tràn dễ dàng. Sử-liệu ghi-nhận có đến bảy trận dịch hoành-hành từ năm 37 đến năm 50 sau TCGS, và từ năm 171 đến năm 185, lại có năm trận dịch khác. Chiến-tranh cũng tiếp tay cho dịch tễ lan-tràn. Chẳng hạn, dưới thời Vương-Mãng vào năm 16 sau Công-nguyên, đại-tướng Phùng-Mậu đã mất đến 60-70% quân-số dưới quyền vì dịch hạch. Hơn thế nữa, mùa đông năm ấy, đói khát và dịch lệ đã gây tử vong nặng-nề cho tập-thể quân-lực Hoàng-triều. Trong hồi-ký của mình, viên quan cai-trị đế-đô là Phùng-Anh đã ghi nhận như sau : «Trong bốn mươi năm, các giống man-di miền Tây-nam liên-tục nổi dậy, và quan quân đã phải vất vả đánh dẹp. Tham-gia vào những cuộc viễn-chinh ấy, binh lính Thiên-triều đã mất đến 70% lực-lượng vì lệ khí (sốt rét)». Mã-Viện, trên lãnh-thò Giao-châu, đánh bất-lực chứng-

kiến từ 40 đến 50% quân-lực dưới quyền bị chứng ngược (sốt rét) tiêu diệt, và bản-thân danh-tướng Phục-Ba cũng da ngựa bọc thây năm 48 sau TCGS không phải vì chiến-thương mà vì là nạn-nhân của một trận dịch quét gần trọn đoàn quân viễn-chinh Trung-Quốc và sắc-tộc địch-quân Vũ-Lăng. Năm +162, khi Hoàng-phủ-Quy thống-linh một chiến-đoàn hùng-hậu bình-định miền Long-Hữu, lúc bấy giờ là một đơn-vị hành-chánh bao gồm một phần Cam-túc, Tân-cương và Thanh-hải, thì từ 30 đến 40 phần trăm binh-lính đã mạng vong vì ôn dịch. Cuối cùng, thời Tám-Quốc, đám quân binh của Tào-Tháo đã phải thất-bại nặng-nề trước binh-lực của Tôn-Quyền năm 208 sau TCGS vì đã trả một giá quá đắt cho thần dịch tễ.

Y-giới học-hỏi được rất nhiều qua những trận dịch ấy, học phân-biệt các bệnh nhiễm, học nhận diện các dấu-chứng. Giới quân-sự cũng được dịp kết-luận rằng sự thất-bại của Mã-Viện trước quân-lực Vũ-Lăng và sự thua trận của Tào-Tháo trước Chu-Du nơi dòng Xích-Bích là do sự hoành-hành khủng-khiếp của thần sốt rét, chứ chẳng phải hoàn-toàn nhờ sức gió Đông như Đỗ-Mục cảm-khái trong Xích-Bích hoài cò « Đông phong bất dữ Chu lang tiện » ! Bộ *Trừu hậu phương* của Cát-Hồng (+281 đến +340) chỉ rõ rằng chính cuộc viễn chinh của Mã-Viện chống lại hai vị anh-thư họ Trưng của ta đã mang về Trung-Hoa chứng đậu mùa, lúc bấy giờ gọi là *phu sang*. Đây

là tư liệu y-học đầu tiên đề-cập đến đậu mùa trong kho tàng sách vở y-khoa toàn thế giới. *Trương-Trọng-Cánh* đã mô-tả chứng thương-hàn. Trong một tài-liệu bàn về dịch-khí do *Tao-Thưc* viết, có một chứng-trạng được mô-tả rất gần-gũi với bệnh thỏ tả.

Tóm lại, dưới đời Hán, có vẻ như người lương-y đã biết phân-biệt một số chứng bệnh nhiễm và ký-sinh như sốt rét, đậu mùa, thương hàn, thỏ tả.

Các bệnh-tật thuộc bộ tiêu-hoá thường được mô-tả dựa vào những triệu-chứng chủ-yếu. Chẳng hạn các từ *vị phiên*, *thủy nghịch* đi đôi với nôn mửa; *lưu ảm* có nghĩa là viêm vị trường.

Về bệnh dinh-dưỡng thì y-giới nhân diện được bệnh đái đường (đường niệu chứng) dưới tên *tiêu khát* *Tổ vấn* mô-tả bệnh tiêu khát là do người bệnh ăn nhiều các nhất phi mĩ (béo ngọt). Chất béo khiến người phát sinh chứng nội nhiệt, chất ngọt khiến sinh chứng trung mãn, cho nên khí tràn lên chuyển thành bệnh tiêu khát (Tổ Vấn, Chương 47, Kỳ bệnh luận thiên). Thời sơ-điệp nhà Hán chẩn-đoán bệnh đái đường trở thành khá phổ-thông, và lúc bấy giờ, các đấng cha mẹ đều biết rõ lời khuyên không nên gả con gái cho bệnh-nhân tiêukhát. Nhất là vào thế-kỷ thứ hai sau TCGS một danh-sĩ là *Tư Mã Trương Như* bị đái đường, thì nghề y lại càng chú-tâm học-hỏi bệnh này hơn nữa. *Lý-Thương-Ẩn*, một thi-sĩ lớn đời Văn Đường, đã viết :

«Thị thần tối hữu Trương Như khát»
(*Hán Cung Từ*)

(Thị thần nhiều người bị bệnh tiêu-khát giống Trương-Như).

Chứng *trúng phong* được mô-tả trong hàng ngũ các bệnh về tuần-hoàn não bộ. *Thuần-Vu-Ý* báo-cáo trường-hợp đầu tiên vào thế-kỷ thứ hai trước TCGS. Do hai đặc-điểm : thứ nhất, bệnh phát-khởi rất đột-ngột, thứ hai, tiên-lượng của bệnh cực kỳ trầm-trọng, cho nên nhiều trường-hợp tử vong của những nhân-vật lừng danh trong lịch-sử đã được ghi chép. Cả *Chu-Kham* lẫn *Lưu-Ngao* (tức vua Thành-Đế) đời Hán đều chết vì trúng phong.

Vua *Quang-Vũ* nhà Hậu-Hán và *Tào-Tháo* đời Tam Quốc, qua bộ Tam Quốc Chí chẳng hạn, rõ ràng là đều bị *tam xoa thần kinh chứng*, tức là đau nhức đôi thần-kinh não thứ năm.

Trong ngoại-khoa, bộ *Lễ ký* đề-cập đến những trường-hợp bệnh ung bên cạnh những chứng mụn, nhọt, loét, vết thương làm độc và gãy xương. Sách *Thuyết Uyển*, do *Lưu-Hương* viết, kể đủ những sự tích xưa nay, cũng nhấn mạnh rằng bệnh - nhân mắc chứng ung thì không thể nào sống nổi. *Á-Phủ*, một chính-trị-gia nổi danh của thế-kỷ thứ ba trước TCGS, là nạn-nhân của chứng ung ở lưng. Bệnh *phong đòn gánh* cũng được biết đến, dưới danh-xưng *kim sang kế túng*. Câu chuyện *Phí-Di* không chịu phục-vụ dưới quyền Công-tôn-Thuật năm 36 sau Công-nguyên chứng tỏ rằng bệnh *hủi* không còn là một bệnh

xa lạ : họ Phi đã dùng sơn bôi khắp mình mây và tuyên bố là mình bị lệ-phong.

Ung-thư có vẻ như chưa được biết đến. Bà Lã-Hậu, vợ Hán-Cao-Tồ, chết vì một bướu lớn ở nách sau bốn tháng ốm đau triền miên : đây có thể là một ca bướu ác-tính.

Về lĩnh-vực *nhãn-khoa*, *Đỉnh Tích* (232-202 tr. TCGS) đã bị chứng *trọng đồng* nghĩa là chứng mỗi mắt có hai con ngươi. Đây là bệnh án đầu tiên trong y-sử về chứng *polycoria*. *Nhâm-Vĩnh* và *Phùng Tín* từ-chối cộng-tác với Công-Tôn-Thuật, viện có bị chứng *thanh-manh* (*glaucoma*). Cuối cùng chứng *blepharitis marginalis* thời ấy có tên *miệt* cũng đã được nhận diện.

Xây-dựng các phương-pháp chẩn-đoán

Vào thế-kỷ thứ hai trước TCGS, khi *Thuần-vu-Ý*, một y-sĩ phục-vụ dưới trướng Hán Vũ-Đế (-179 đến -158) học y-khoa thì chủ-yếu họ Thuần học bắt mạch, học quan-sát thần sắc, nghiên-cứu các bản-thảo và các cỗ phương. Khi chính *Thuần-Vu-Ý* trở thành một bậc thầy trong y-giới thì tiên-sinh cũng lại dạy cho đám môn-sinh về mạch chần và vọng chần, tức là hai phương-pháp chẩn-đoán đã có nền móng khá vững chãi trước thế-kỷ thứ hai trước Công-nguyên. Thời lượng tập nghề lúc bấy giờ thay-đổi từ một đến hai năm.

Quan-sát thần sắc

Thần sắc tức là tinh-thần và khí sắc người bệnh. Thần sắc biểu-lộ rõ-

rệt ở nét mặt, tia nhìn, giọng nói, hơi thở v.v... Nếu thần sắc thay đổi có nghĩa là sức khỏe bệnh nhân thay đổi. Cho nên *Linh Xu* viết : « ngũ tạng an-định, huyết mạch hòa lợi, tinh-thần nãi cư ». Y-sĩ lần lượt quan-sát mắt, mũi, lưỡi, môi, răng, lợi, tai, tóc. Sự chẩn-đoán thường dựa vào lý-thuyết ngũ hành, căn-cứ trên mức liên-hệ giữa màu sắc và bệnh tật. Đây là một bước nhận bệnh bắt buộc trong quá-trình chẩn bệnh ở thế-kỷ thứ ba trước TCGS. Bước kế tiếp là *vọng hình thái*, tức là xem bệnh-nhân khang kiện hay gãy còm, ngực nở thịt chắc hay ngực lép thịt teo ; da dẻ hồng hào hay xanh xao phù thũng ; có phát kinh hay không , vân vân.

Tổ Vấn rất coi trọng vọng-chần, đặt lên hàng đầu trong tứ chẩn, và khẳng-định : « Nhìn mà biết được bệnh gọi là thần ».

Trong y-sử, có lẽ vọng-chần là phương-pháp chẩn-đoán xuất-hiện sớm nhất, vì cặp mắt là giác-quan tiên-đạo thiết-lập giao-tình thầy thuốc bệnh nhân.

Mạch chần.-

Bắt mạch là một nghệ-thuật chẩn-đoán tối cổ của Trung-Y, đặc-dụng từ thế-kỷ thứ sáu trước TCGS, và lúc nhóm y-sĩ cộng-tác vào công-trình biên-soạn cuốn *Tổ Vấn* bắt tay vào việc thì đã trở nên một kỹ-thuật chuyên biệt. Thoạt tiên, mạch chỉ có một nghĩa rất thô sơ : bắt mạch là để biết người bệnh còn sống hay đã chết. Nhưng rồi lần hồi nó trở thành một phương-pháp chẩn-đoán. Có ba

vi-trí thuận-lợi cho việc chẩn mạch : động-mạch thái dương ở đầu, động-mạch quay ở cổ tay và động-mạch lưng chân nơi bàn chân. Các chương như «Mạch-yếu tinh vi luận», «Tam bộ cứu hậu luận» v.v... trong *Tổ Vấn* đều là những chương khét tiếng bàn về mạch chẩn. Nhưng rồi dần dà y-giới nhận ra rằng bắt mạch ở hai cực trên và dưới của cơ-thể có phần bất tiện, và ấn mạch nơi cổ tay trở nên đặc dụng một mình. Đến thế-kỷ thứ hai trước Công-nguyên, y-sĩ chỉ bắt mạch nơi động-mạch quay mà thôi⁽¹⁾ mặc dầu Trương-Trọng-Cảnh, người được tôn vinh là Hippocrate Trung-Hoa, không hẳn chia xẻ lập-trường này. Sau đó, khai-triển lý thuyết tam bộ cứu hậu của Nội-Kinh, y-sĩ cổ-truyền bắt đầu chia mạch vùng cổ tay ra làm ba bộ vị : *thốn, quan, xích* với ba hình-thái mạch cho mỗi bộ vị : *phù, trung, trầm*. *Tổ Vấn* mô-tả lối hai mươi loại mạch, nhưng cho rằng chỉ có sáu loại là có thể đo ngón tay tế-nhận được. Trong sách, có nhiều đoạn trước sau ý-kiến không thống nhất, chứng-tỏ rằng tư liệu do nhiều tác-giả cùng cộng lực hoàn-thành. Số lượng mạch và các loại mạch do Thuần-Vu-Ý (hoặc Thương Công) mô-tả trong sách của mình, ra đời vào khoảng thế-kỷ -2, rất giống với các dữ-kiện liên-hệ trong *Tổ-Vấn*, có lẽ vì các tác-giả của những công-trình này đều sinh sống cùng thời. Tuy nhiên, trong tác-phẩm *Thương Hàn Luận* của Trương-Trọng-Cảnh, xuất-biên lối thế-kỷ thứ hai sau TCGS, số mạch và tên mạch vẫn còn rất tương cận.

So sánh *Tổ Vấn* với các công-

trình của Thuần-Vu-Ý và Trương-Trọng-Cảnh, ta thấy có những từ sau đây đều được dùng trong cả ba tài-liệu để mô-tả tính mạch : đại, tiểu, hoạt, sắc, phù, trầm, tri, sắc, khần, cấp, hoãn, kiên, tán, huyền, trường, nhược, tế, hư, thực, đại (1) và đoản. Bên cạnh, tác-phẩm của Thuần-Vu-Ý hoặc Thương-Công còn đề-cập đến bốn loại mạch khác : táo, bất nhất, bất bình và thanh thuận ; trong khi bộ *Thương Hàn Luận* của Trương-Trọng-Cảnh ghi nhận : động, kết, xúc, giảm, khâu, phục, nhu và cách.

Những loại mạch chính đã được biết đến từ thế-kỷ thứ ba trước TCGS. Trong vòng năm thế-kỷ sau đó, y-giới không phát-triển được gì nhiều trong kho tàng mạch chẩn.

Thời Hán, người lương-y cũng đề tâm đến tần-số của mạch. Muốn đo nhịp mạch, y-sĩ căn-cứ vào hơi thở của mình, cứ mỗi cử-động hô-hấp (một lần hít vào và một lần thở ra) bình-thường thì tương đương với bốn lần mạch nhẩy. Nếu có sự thay-đổi lớn, theo cả hai chiều tăng hay giảm, thì đều phải xem là bệnh-lý. Thực ra thì những tính-từ như hoạt, sắc, cấp, sắc, tri, hoãn đều chỉ là những từ do nhiều tác-giả sử-dụng trong *Tổ Vấn*, đề chỉ hai loại mạch nhanh và chậm, với một vài tiêu-dị.

Tiết-diệu của mạch, như tán, đại cũng rất được coi trọng. Trong *Thương Hàn Luận*, mạch tán bao gồm hai loại mạch khác nhau : kết và xúc nhưng trong thực-tế, thực

(1) Đại là thay đổi.

không dễ gì phân-biệt nổi hai loại này. Có lẽ ta có thể qui-nạp một cách tổng-quát rằng mạch đại hay tiểu là nhằm chỉ tình-trạng của động-mạch ; trong khi mạch phù hay trầm biểu-lộ áp-lực của dòng máu.

Trên phương-diện liên-hệ giữa mạch và bệnh, Tố Vấn chủ-yếu chỉ mô-tả mạch như là một chứng-tích về tổng-trạng của cơ-thể, nhưng với Trương - Trọng - Cảnh trong Thương Hàn Luận thì lý-thuyết về mạch được khai-triển nhiều và những đường dây tương-ứng giữa mạch và dược-liệu, giữa mạch và triệu-chứng đã được thiết-lập vững vàng.

Tóm lại, vào thế-kỷ thứ ba trước Công-nguyên, giới lương-y Trung-Quốc đã nhận chân được tầm mức quan-trọng của các biến-thiên tâm-

mạch trong bệnh-lý-học và đã cố-gắng nhiều, qua mạch chẩn, phát-giác các triệu-chứng do những bất-thường của mạch tố-cáo.

Lý-thuyết mạch-học ấy của Trung-Y là một dòng sữa đầy chất dinh-duỡng của một người mẹ có sức sống rất dồi dào, đã chảy tràn lan để tỏa-chiếu ảnh-hưởng vào nhiều nền y-học nước ngoài : người Nhật hấp-thụ học-thuyết ấy vào khoảng thế-kỷ thứ bảy sau TCGS, người Ả-rập vào thế-kỷ thứ mười và người Ấn-độ vào thế-kỷ thứ mười hai sau Công-nguyên.

Đây là một trong những cống-hiến độc-đáo của y-học Trung-Hoa vào y-thuật thế-giới.

TRẦN VĂN TÍCH

Kỳ tới : Phát kiến dược-liệu hữu hiệu

CÁO LỖI

Trong bài « *Thuốc Nhật* » của Bác sĩ Trần văn Tích trên Bách Khoa số 419 ngày 2-12-1974, vì khuôn khổ hạn hẹp của trang báo nên bản kềm ở trang 24 đã phải xoay ngang và bỏ mất phần trên. Do đó nên mất đi những hàng chữ liên hệ đến các vị thuốc : Rau bấp, Mộc thông, Rễ tranh, nói ở phần « 2.— » đầu cột 2.

Xin chân thành cáo lỗi cùng quý bạn đọc.

Ban Chủ trương BÁCH KHOA

Ngôn ngữ Việt-Nam *trước ngã tư quốc-tế*

— BK : Ô. Phạm Trọng Nhân là một cây bút rất quen thuộc với bạn đọc Bách Khoa vào những năm 1964 - 1965 với những bài biên khảo về chính trị dưới tên thực của ông và dưới bút hiệu Phạm Lương Giang. Ông đã từng giữ nhiều nhiệm vụ ngoại giao ở ngoại quốc. Tối thứ ba 10-12-74 vừa qua ông có nói chuyện tại thính đường Hội Việt-Mỹ về đề tài trên đây trước một số rất đông thính giả. Vì bài nói chuyện khá dài mà khuôn khổ Bách Khoa lại hạn hẹp, nên chúng tôi chỉ xin phép diễn giả được trích lại một vài phần để giới thiệu cùng bạn đọc trong 2 kỳ liên tiếp.

O Nội dung buổi nói chuyện đã được diễn giả nêu lên bằng một số câu hỏi mà diễn giả sẽ giải đáp sau đó đây đủ :

« Ngôn-ngữ Việt-Nam đã gặp ngôn-ngữ ngoại-quốc trong những trạng-huống như thế nào ? Nhân những cuộc gặp-gỡ lịch-sử hay ngẫu-nhiên ấy, con người Việt-Nam tâm-trạng ra sao ? Ngôn-ngữ Việt-Nam đã nhận được những gì từ ngôn-ngữ ngoại-quốc, và đã cho ngôn-ngữ ngoại-quốc những gì ? Có những điều gì hay, có những điều gì dở ? Cái gì dở phải làm sao để tránh ; cái gì hay phải làm sao để tài-bồi ? Và chúng ta có những bồn-phận gì trước vấn-đề ngôn-ngữ Việt-Nam, là linh-hồn quốc-gia, là tinh-thần dân-tộc ? »

Trong hai phần đầu, diễn giả trình bày về những bối cảnh trong đó ngôn-ngữ V.N. đã gặp-gỡ ngôn-ngữ ngoại-quốc như thế nào, cùng là những trường-hợp xuất xứ cũng như định-nghĩa của một số danh-từ ngoại-lai được coi như điển-hình. Sau đây chúng tôi chỉ trích đăng từ phần thứ ba nói về những danh từ V.N. thoát thai từ ngôn ngữ Trung Hoa, Pháp, Nhật, Anh, Mỹ mà thôi.

...A. Có rất nhiều danh-từ Việt-nam hoá thoát thai từ ngôn-ngữ Trung-Hoa, mà chúng ta đã Việt-nam-hóa thật tinh vi, liên-tục, đến mức nhiều khi chúng ta tưởng chừng chúng là Việt nam, mà người Trung-Hoa đã bắt chước hay vay mượn. Có tới 80% tiếng Việt-Nam văn chương xuất xứ từ tiếng Trung-Hoa. Những danh từ thông-dụng nhất, thường gặp hàng ngày : quốc-gia, dân-tộc, kinh-tế, tinh-ly, liên-tinh, bu-rơ-đi-ê-n, hương-

lộ, quốc-lộ, thủ-đô, thủ-phủ, tổng-thống, tổng-trưởng, nhân-cách, phạm-cách, quốc-phòng, tài-chánh, đại-sứ, ngoại-giao, luật-sư, y-sĩ, tham-những, độc-tài, dân-chủ... Từ ngày xa xưa, người thường-dân Việt-Nam nói tiếng nôm, còn giới thượng-lưu hào hoa phong nhã học chữ Hán, nói tiếng nho, rồi phiên-âm ra tiếng Việt, đọc theo lối Việt.

Tuy nhiên, có những chữ mà người Trung-Hoa hiểu một nghĩa, và người Việt-Nam hiểu một nghĩa.

Trong Chợ-lớn, có tiệm may y-phục phụ-nữ, bảng hiệu là « Xu-thời ». Chúng ta dùng phạm-từ này để chỉ con người vô cá-tính, thiếu phạm-cách, chỉ biết có phù-thịnh vì tư-lợi, ngoài ra không còn biết gì là thủy-chung liêm-sĩ nữa... Nhưng xu-thời theo nghĩa Trung-Hoa không hề có ý miệt-thị khinh-khi ấy. Người Trung-Hoa dùng chữ xu-thời để chỉ tất cả những gì thuận với thời-thế, hợp với thời-trang. Nếu chuyển sang tiếng Pháp, tiếng Anh, có thể tạm dịch là : à la mode, à la page, up to date...

Chữ « thân-phận » theo Trung-Hoa và Nhật-bản, chỉ những đặc-diểm liên-quan đến một cá-nhân. (Tấm thẻ căn-cước của tôi do Bộ Ngoại-giao Nhật-bản cấp, rất trịnh-trọng ghi dòng chữ vàng in nổi trên nền da màu nâu thẫm : Ngoại-giao quan thân-phận chứng-minh phiếu). Trong khi chúng ta, hể dùng đến chữ « thân-phận » là như đã có ngụ-ý than thân trách phận hăm-hiu, chẳng bằng người.

Chữ « quan », theo Trung-Hoa hay Nhật-bản, có nghĩa là viên-chức, công-chức, người giữ một chức-vụ hay trách-nhiệm gì, có thể là rất khiêm-cung. Chữ « quan » hiểu theo Việt-Nam, trái lại, có nghĩa là làm to, làm lớn, — có bao-hàm ý-nghĩa. quan-liêu, kênh-kiệu.

Có nhiều chữ, nhiều tiếng Trung-Hoa, ta cứ để nguyên đem sử-dụng. nhất là trên lãnh-vực âm-thực hay du-hí. Định-nghĩa có thể được giữ lại, hay thay đổi tùy theo nhu-cầu, hoặc lăm-lẫn vì không nắm vững.

Chúng ta đi khiêu-vũ ở một « hộp đêm », phải nhờ người « tài-pán » làm trung-gian để chọn mời các vũ-nữ ngồi bàn. Đêm khuya đói bụng, trước khi về nhà, tạt qua một tiệm « mì gia » làm một chầu « sủi-dề ». Sáng hôm sau, trước khi đi sở làm, hay là sáng chủ-nhật được nghỉ, có thể cùng với các bạn bè đi ăn « tím-sấm » hay « sủu-mại »...

« Hộp đêm » là dịch ở chữ « boîte de nuit » hay « night club » ; « tài-pán » (mà ta gọi nôm là « cai gà ») lấy ở chữ « vũ nữ đại-ban » ; « mì-gia » là nhà hàng bán mì xào, mì nước, mằn thắn... ; « sủi-dề » là âm tàu của chữ tiêu-dạ, nghĩa là tiêu hóa ban đêm, tiếng Pháp gọi là souper ; còn « tím-sấm » là điềm-tâm ; « sủu-mại » là âm tàu của chữ tiêu-mại, vì bán lặt-nhất từng món đựng trong các đĩa chén nhỏ...

Đi đêm qua các ngã đường Duy-Tân, Tự-Do, Cách-Mạng... du khách thường gặp các cô gái « mái dâm ».

Gọi như vậy, là sai. Mãi là mua ; — mại là bán. Các cô gái đó bán dâm, phải được gọi là « gái mại dâm ». Khách chơi hoa, đi mua dâm, phải được gọi là « khách mại dâm », mới đúng.

Trong giới thương-mại Hoa-Việt không ai không biết danh từ « mại-bản » (comprador), bắt nguồn từ chữ « mại biện », nghĩa là người làm những việc liên quan đến mua bán. Vai trò này là của người đứng « môi-giới ». Về chữ này, người Việt-Nam đôi khi cũng dùng không đúng nghĩa, hay đôi sai chữ. Môi là môi-trường ; giới là giới-thiệu. Nói chung là người đứng trung-gian, không làm mất lòng ai, có ý dung hòa quan-điểm không giống nhau, của hai bên.

Còn chữ « má chín » cũng có nghĩa là trung-gian, môi-giới, bắt nguồn từ chữ Anh, « merchant », mà nên, có lẽ xuất xứ từ Hương-Cảng.

Tại các xí-nghiệp, người cai-quản điều khiển một toán thợ đàn em, được kêu là « súp phù », tiếng Pháp kêu « cap rang » do chữ Caporal. Chữ « súp phù » là âm tàu của chữ sư-phụ. Vì trước đây, ở Trung-Hoa cũng như ở Âu-châu và ở ngay Việt-Nam, các thợ học việc phải tôn-trọng thầy nghề là sư-phụ.

Ta còn dùng chữ « số dách », để chỉ cái gì tốt đẹp, hạng nhất. « Dách » đây là do chữ « nhất », người Trung-Hoa đọc là « dất ». Ngày nay, các trẻ em thường dùng chữ « nam-bờ oăn » (number one) cho hợp thời-trang.

Đề bổ-túc cho bảng kê những

danh-từ Trung-Hoa thường được sử-dụng trong các giới hào-hoa phong-nhã Việt-Nam, tôi xin phép ghi lại nơi đây công-trình sưu-tầm của ông bạn vong-niên Lãng-Nhân Phùng-Tất-Đắc, trích trong cuốn « Chơi chữ » vừa tái bản lần thứ tư :

Cai : âm Tàu của chữ *giới* là răn, cử. Ta không nói cử thuốc phiện, nhưng nói cai thuốc phiện.

Tây-chay : âm Tàu của chữ *đề chế*, có nghĩa là chống lại sự áp-chế. Ngày nay, ta nói tây-chay chớ không nói đề-chế nữa. Lại có nghĩa là cắt đứt giao-thiệp với ai, không mua hàng của ai : tây-chay hàng Tàu, hàng Nhật...

Hên sui : âm Tàu của chữ *hưng suy*, có nghĩa là thịnh-vượng và suy-sụp. Nay ta nói hên sui theo nghĩa may rủi.

Cắc : âm Tàu của chữ *giác* là đồng hào. Tiền lẻ, ta gọi là bạc cắc.

Ầu-tả : âm Tàu của chữ *âu-đả*, có nghĩa là đánh lộn. Ta dùng rộng khi nói : viết ầu viết tả, hay : làm ầu...

Lì-sì : âm Tàu của chữ *lợi-thị*, có nghĩa là mua bán có lời. Ta dùng theo nghĩa : cho tiền mừng tuổi, tặng tiền hoa-hồng v.v...

... Cũng ở nơi thính-đường này, quý vị đã có lần được nghe nói chuyện người Việt-Nam học chữ Nho theo điệu Việt-Nam : « Thiên trời, địa đất, cử cất, tồn còn, tử con, tôn cháu, lục sáu, tam ba... »

Hôm nay, tôi cũng muốn cống

hiến quý vị một vài vần thơ lai Hoa Việt.

Đây là cảnh một cô gái quê, lấy chồng Tàu, tưởng sớm muộn rồi cũng được hưởng cái cảnh « cung quế Hằng-nga », « màn lan trướng huệ ». Có ai ngờ, anh chàng giàu mà « keo » đến mức cô gái phải than vãn thở dài :

« Từ ngày lấy chú, tôi chẳng biết gì...
Chỉ biết phán sì là củ khoai lang... »

Hay một cô gái quê khác, kinh-nghiệm bản-thân giao-du thân-mật với mấy chú con Trời hào-phóng. Cô nhăn-nhủ rủ-rê các bạn :

« Tội gì mà ở chính-chuyên,
Một đêm là sá-m-cô-sin ai cho ? »

(Sá-m-cô-sin nghĩa là ba đồng bạc. Cứ kê ra với thời-giá xa xưa, thì sá-m-cô-sin cũng nhiều thực. Vì một con vịt giá có 12 xu, ăn thịt xong còn bán được 1 xu rưỡi bộ lông, làm nệm...)

... Có một ông Tây thuộc-địa, vờ-vờ biết chút ít chữ Nho và tiếng Việt. Ông là một tín-đồ trung-thành của Á Phù-dung, nghĩa là ông nghiện thuốc phiện. Một hôm, ông xin một vị đại-khoa một bức tranh thủy-mặc, với mấy chữ tả tình tả cảnh. Vị đại-khoa vẽ cảnh chim yến bay trong rừng, mùa thu lá rụng. Ở dưới, ghi mấy chữ Nho thật rồng bay phượng múa : *Phi Yến Thu Lâm*. Nghĩa là con chim yến một mình bay trong rừng thu. Nghe thật nên thơ và cao-thượng. Mặc-khách tao-nhân đến thế là cùng. Mãi sau mới có người giải-thích : ông bạn là người Pháp,

nói tiếng Việt lơ-lớ, nếu đọc chậm-rãi từ-tồn, sẽ thành : *Phiên thu lâm*, nghĩa là... « hút thuốc phiện thú lắm... »

B. — Hết tiếp xúc với người Trung-Hoa, nay ta hãy tiếp xúc với người Pháp. Tuy là kỹ-nguyên Pháp-thuộc nhưng trong thực-tế, đôi khi ngôn-ngữ Trung-Hoa vẫn tiếp-tục góp phần vào ngôn-ngữ Việt-Nam, song-song với phần góp của ngôn-ngữ Pháp.

Người Pháp mới sang xứ ta, — một số người Việt-Nam học lỏm truyền khẩu các con số :

Đít mười, oong một, xăng trăm.

Toa ba, huyết tám, xanh năm, min nghìn.

Vạn thời tiếng gọi đít-min...

Học các con số chưa đủ, còn phải học những chữ thường dùng, cần-thiết hàng ngày, mà phải nhớ như kinh nhật-tụng :

Tôi đi là mỏa a-lê, (moi aller)

Rê-vây thức dậy, cú-xê đi nằm, (reveil, coucher)

Toa ba, cát bốn, xanh năm.

Sa-lông phòng khách, la-xăm cá; buồng. (salon, la chambre)

Hay :

Bồi : người hầu, bắt nguồn từ chữ Anh (boy), được thông-dụng trong giới Pháp ở thuộc-địa. Sau dùng làm phạm-tử : tiếng tây bồi ; hay với nghĩa mỉa-mai : làm bồi cho ai...

Mắm-sốt : même chose, sau ta biến-chế thêm thành « mắm sốt siêng », siêng là « chien » ý nói món thịt cầy hay giả cầy. Lại có khi trở thành,

« mắ m sốt cá mề m » cho có vẻ bay bướm.

Tuốt m o : tout le monde, sau dùng theo nghĩa : tất cả

Cầm : comme, nghĩa là giống nhau ; như chữ same (sêm-sêm) sau này. Còn có nghĩa là commissaire (ông cầm, ông cò).

Soong : ở chữ casserole ; Mùi-xoa : mouchoir ; Biệt : piastre ; Sú-bấp : soupape ; Bù-loong : boulon ; Lốp : enveloppe ; Xe thồ-mộ : tombereau ; Loong-tocng : planton ; Xếp : chef ; Nhà la-ga : gare ; Sà-lim : cellule - Cỏ-vê : corvée Hòn bi : bille ; Sà-lông : salon ; Sà-bông : savon ; Xe cher, thân-thiết ; Súp : soupe ; Sà-lách : Salade ; Bà-dầm : madame ; Gác : garder ; giữ lại ; Đi xe gác-dê : garder ; Gác măng-dê : garde-manger ; Com-mốt : commode, tủ đựng áo ; Phó-mát : fromage ; Phòng : fond, cảnh sân khấu ; Ba-dờ-suy : Par-dessus ; Mạch-lô : matelot ; Gác-dan : gardien ; Cạp-răng : caporal, cai ;

Xăm : chambre à air, ruột bánh xe đạp, xe hơi. Còn có nghĩa là chambre d'hôtel là phòng khách-sạn. Ta dùng chữ « nhà xăm » với ý nghĩa châm-bếm, mỉa-mai.

Phi-phi : fille, con gái yêu đối với bố mẹ.

Đồng ván : đồng hào hai mươi xu, ở chữ vingt, đọc chệch thành ván.

Tông tông : tonton, chú, bác, cậu, khi gọi thân tình.

Ta-ta : tata, cô, dì, thím, mợ, khi

gọi thân tình.

Về sau, cái vốn sơ khởi đã thực hiện, kho tàng trở nên mỗi ngày thêm phong phú. Chúng ta được biết thêm nhiều chữ mới, không phải chỉ áp dụng với người Pháp mà còn giữa người Việt-Nam với nhau, dùng quá quen đến nỗi không còn nhớ đến xuất xứ nữa :

Ba (Papa) ; Me (Mère) ; Mắ m (Maman) ; Taxi (xe hơi thuê chuyển đi trong thành phố ; Vũ nữ ở các tiệm nháy) ; Phùa (Fois) Đúp (doubler) ; Cú (coup) ; Cúp (coupe) ; đê-bô (dépôt) ; Mốt (mode) ; Gu (goût) ; Kềng (Americain, điện kềng, sang-trọng như Mỹ...) ; Lạc-soong (la solde) ; Ba (bar) ; Moi, Toi, Vous, Lui, Elle... ; Cua (môn học ; lại có nghĩa tán tỉnh ai, faire la cour...) ; De (arrière, rút lui) ; Nơ (noeud) Cà-vạt (cravate) ; Bật (bête) ; — Tách (tasse) ; — la de (la bière) . Ma-cà-bông (có lẽ ở chữ vagabond) măng-phú (m'en fous vv...

Riêng chữ « xe buýt » thì quả là một nhân-chứng lịch-sử. Cũng là cái xe, thời Pháp-thuộc ta gọi là « xe buýt ». Cũng một xuất-xứ vì viết chữ như nhau, nhưng với kỷ-nguyên Hoa-kỳ, ta lại gọi là « xe bốt... » Cũng như với kỷ-nguyên Hoa-kỳ, những tiệm may trước đây thời Pháp-thuộc, mang tên Liên, Linh... thì nay đổi thành Lien's, Linh's...

Có những tiếng Việt mà người Pháp không đọc được, nên phải gọi chệch đi, khiến sau này những danh-từ đó xâm-nhập ngôn-ngữ Việt-Nam

một cách đáng thương-hại. Đồi Thông gọi là Tong, — Núi Dẹo gọi là Núi Đèo, — Hương-bì gọi thành Uông-bí, — Hạ-long gọi thành A-long... Nhưng vô-tình mà cũng như hữu-ý, người Việt-Nam cũng đã trả đũa, khi gọi đường Alsace-Lorraine là Hàng Sắt Lò Rèn, và đường Mac-Mahon là Bạc Má Hồng... Hay câu Doumer ở Hà-nội được phiên-âm thành một cái tên chẳng thơ-mộng chút nào, nhất là khi tên đó lại được kêu bằng giọng Huế...

... Năm 1948, nước Việt-Nam độc-lập có một vị Thủ-tướng Pháp-tịch, do nước Pháp chỉ-định. Vị Thủ-tướng lại là một Thiếu-tướng trong quân-đội Pháp, nước Pháp cho Việt-Nam mượn. Vì vậy, mà có bài thơ đức-tụng sau đây, nửa Tây nửa

Ta, nghe cũng vui tai :

Depuis xây cuộc binh-đao,
Sampan Nam-Việt gian-lao vô cùng.
Très peu các bậc anh-hùng,
Sortir chèo giúp non sông một chèo,
Vous seul giữa lúc hiềm nghèo,
Corps vieux khôn quân cổ liêu
thân ra.

Debout lo việc sơn-hà,
Dans ce cas chỉ vous là có công,
Bắc Nam ra sức vẫy-vùng,
Mong sao nước được oai-hùng
hơn xưa.

Pháp Nam sont tous một nhà,
Corps Nam coeur Pháp an hòa cả
hai...

PHẠM TRỌNG NHÂN

Kỳ tới : Ngôn ngữ V.N. tiếp xúc với ngôn ngữ Nhật, Anh, Mỹ.

Hãy tìm đọc :

LỮ QUÁN GIẾT NGƯỜI

Bản dịch của MINH QUÂN và MỸ LAN

Phục Hưng tái bản và phát hành tháng 12-74

Chuyện một cô gái quê ngây thơ, trong trắng, xinh đẹp vì lòng hiếu kính và muốn giữ tròn lời hứa với người mẹ quá cố mà phải dấn thân vào nơi hoang vu xa lạ.

Thân gái đơn côi liệu có đương đầu nổi với bọn người tàn bạo, lương?

Tình yêu thương, lòng thù hận, người lương thiện, kẻ gian hùng gặp nhau trong một bầu không khí căng thẳng kinh hoàng...

Câu chuyện lôi cuốn từ đầu đến cuối, khiến ta không thể ngưng đọc nửa chừng, cá tính nhân vật nổi bật do hành động chứ tác giả không cần triết lý dài dòng.

Lá thư Minh-Đức Hoài-Trình

Anh Ch,

Chưa đi, còn được ở lại với quê hương thêm ít lâu nữa, vì nghe báo tình hình sẽ có nhiều mục vui cho con người. Đúng là ham vui, anh có chê như vậy không? Tôi biết, đọc thư này, rất nhiều người sẽ muốn đổi với tôi, nhất là một số ký giả ngoại quốc mà ngày nay vì không có quân đội Hoa-Kỳ nên cái tầm quan trọng của xứ ta cũng nhẹ xuống. Chủ báo không gửi ký giả sang V.N. nữa. Vì vậy nghe tôi cứ ở lì, các bạn ganh quá. Nhất là về đây tôi được xem khá nhiều, ai cũng sẵn sàng làm hướng dẫn đưa đi xem nơi này nơi khác. Hơn hai tháng trời tôi thâu nhận được mấy bề kinh nghiệm. Buồn có, mà vui cũng có, tuymang lên cân, chưa biết bên nào nặng kí hơn.

Một điểm ghi trước hết là xứ ta bắt đầu bỏ máy lạnh. Tại Ấn-độ nghe báo cũng cấm, như thế thì mấy ông thợ nề, thợ mộc lại được một phen phát tài, vì người ta lại phải mượn các ông ấy đến đục tường làm cửa. Những lối xây cất bít bùng ngày xưa bây giờ phải sửa chữa lại hết. Ai ngờ cái vấn đề Do-Thái với Ả-Rập hận thù nhau, xa xôi như thế mà lại có ảnh hưởng mấy ông thợ nề, thợ mộc nhỉ.

Xứ mình mấy dạo này coi bộ "chớp bề mưa nguồn" khá nhiều. Ai cũng muốn mang râu đội mào ra sắm tuồng cả, có nhiều người sắm tuồng hơi lâu, khán giả xem phát buồn ngủ mà họ cứ lì ra chẳng chịu rời sân khấu.

Anh biết Saigon ta thiếu chất gì không? Thiếu cây cỏ, thiếu công viên, có nhiên còn thiếu nhiều thứ nữa nhưng mà mỗi một chuyện ấy thôi cũng thấy rằng đáng thương rồi. Người dân thiếu khí trời, chỉ người giàu mới được phép lợc phôi, nhà

nghèo không có xe bốn bánh thì phôi bàn ráng chịu.

Thanh niên ở đây chỉ thấy hai môn giải trí là nhảy và nghe nhạc ở các phòng trà. Nhà giàu thật giàu thì mới có những vụ như bơi thuyền hoặc trượt nước.

Ngoài ra chẳng có gì để cho người dân giải trí cả mà hình như đó là một vấn đề rất cần thiết. Bên Âu hay có những cái hội chợ nhỏ lưu động hoặc những hội chợ thường xuyên gọi là "foire du trône", tha hồ cho người mua kẻ bán, bên cạnh có đủ thứ giải trí cho trẻ con và cả người lớn. Những xứ uống "la-de" lại có hằng năm, một tháng trời « Đại hội la-de ». Người ta chuẩn bị hằng mấy tháng trước, ở một bãi rộng để cất rạp, cất nhà tôn thật lớn. Bên trong có ghế, bàn, các nhà sản xuất bia phụ trách việc mua bán. Có nhiên là bên cạnh cũng đủ thứ trò chơi, phức tạp có, đơn giản có, làm cầm có. Ai muốn lái máy bay nhào lộn trên không, tông xe hơi vào

nhau, bắn súng, cưỡi ngựa gỗ, ăn giải hay là không ăn giải gì cũng có. Hiệu ăn chiếm đa số, nhất là món xúc xích nướng, luộc, chiên, ăn với bắp cải chua, với bánh mì, rồi thì nhất định phải uống vào từng chực lít bia cho trôi những thứ ấy.

Vào đây thì ai đạo mạo mấy cũng có quyền đùa nghịch như trẻ con, tha hồ leo trèo, hò hét, ăn uống. Lắm cô hầu bàn bảo rằng chỉ cần làm một tháng ở đó thôi là có thể nghỉ cả năm vì kiếm được rất nhiều tiền. Nhưng họ quen nghề; sức khỏe, trí nhớ và sự nhanh nhẹn là ba yếu tố ăn tiền nhất. Trước hằng 5, 7 trăm người khách, ồn ào tiếng nhạc tiếng cười nói, cô phải nhớ là bàn nào gọi gì, bao nhiêu thứ. Hai tay cô phải mang một chuyền ra vào năm bảy cái cốc lớn bằng đá bọt, đầy cả lít bia cho bàn này bàn khác. Xong rồi phải nhớ tính tiền. Đừng có lầm lẫn mà mất việc. Tiền lương và tiền nước của khách tặng, giúp cho cô sống được suốt năm mà chờ hội năm sau thì đủ biết là cô kiếm được khá nhiều. Người ngoại quốc và nhất là người dân trong nước đều công nhận cái tháng «La-de» đó rất cần thiết. Thiếu nó con người dễ phát điên, quanh năm cứ phải đóng mãi cái vai đạo mạo. Anh có đồng ý như thế không? Lễ này tổ chức vào mùa Thu, tháng Mười nên họ cũng gọi là Lễ tháng Mười. Vào độ lễ thì máy bay thường hết chỗ, nếu anh không lo giữ chỗ trước. Chọn tháng Mười hẳn ban tổ chức đã khôn ngoan vì những tháng

kia thì hoặc còn nóng hoặc lạnh quá, tuyết có thể rơi đầy đường, tha hồ mà bắn thiêu.

Lễ này nếu ông Chủ hãng 33 xứ ta có muốn bắt chước chắc cũng sẽ gặp nhiều khó khăn, vì đàn bà xứ ta đâu có biết uống rượu, xứ người, đàn bà uống gần bằng đàn ông. Mà đàn bà là yếu tố thúc đẩy guồng máy kinh tế hữu hiệu nhất.

Các nước Cộng-sản Âu-châu lại còn uống nhiều hơn nữa; thanh niên buồn nên hay tìm đến rượu để vui buồn; anh nào viết được thì viết nhưng viết chỉ để đọc với nhau thôi. Thấy họ uống mà ngán luôn. Tôi có một bà bạn, nữ văn sĩ, đi đâu phải mang theo cái chai chứa hai lít «eau de vie», một thứ rượu như rượu đế xứ ta mà hình như cao độ hơn. Bà ấy bảo mỗi sáng phải điềm tâm một cốc rồi sau đó làm gì mới làm. Có lần đi hội văn-nghệ ở Phi-châu, hai chúng tôi ngồi cạnh nhau độ bảy tiếng đồng hồ máy bay mà tôi thấy bà ta uống và đưa mời tôi đến ba lần. Cái cốc hằng cái cốc súc miệng nhà ta ấy, ghê không, mà bà vẫn chẳng say. Tôi không uống đâu nhé, chỉ thử một tí thôi mà thấy eo ôi là cay và nồng.

Ngoài ra ở những xứ ấy còn một nguồn vui nữa là «làm con». Mỗi năm ở Nga quốc có trên 7 triệu vụ phá thai, vì nếu không cho phá thì nhà nước phải nuôi 7 triệu miệng ăn, mà là cái thứ miệng ăn vô dụng cho đến 16 tuổi mới ra làm việc trả lại được. Nghèo mất còn chi, nhưng cũng vì

vậy mà dân Nga ngày nay già cỗi, số người già nhiều — nhờ khoa học, thuốc men — cũng lại là một vấn đề khác, bắt ông nhà nước phải giải quyết. Khôn nhất chỉ có xứ Đông Đức, ai già trên 60 mươi là cho phép di cư sang Tây Đức mà ở, bắt bên kia gánh cái số người không còn sức đề sản xuất cho bỏ ghét.

Anh có thấy ngày nay sao dễ ra nhiều vấn đề không. Chẳng biết thời xa xưa ông Nghiêu, ông Thuấn, họ làm thế nào mà được đời sau khen dữ vậy. Nếu mang các ông ấy đặt vào cái khung cảnh xã hội hiện tại thì họ có « bình thiên hạ » được như ngày ấy không? Chắc là không. Thuở ấy làm gì có vấn đề dầu hỏa, làm gì có sự giao thông nhanh chóng để phổ biến điều tốt cho mọi người.

Hết cái giai đoạn văn minh máy lạnh rồi, mặc dầu nghe tin xứ ta có tìm được dầu hỏa, nhưng chỉ sợ nhà vườn ăn cau sấu, có bao nhiêu dầu, mang ra chợ bán hết. Trở về với nền văn minh hậu máy lạnh, bây giờ phải chịu đựng lại cái cảnh « ra-dô » nhà láng giềng mở cái lương hoặc tân nhạc bắt cả xóm nghe chung. Anh hỏi các ông bác sĩ bạn xem ai có phương pháp gì bít tai mà đừng khó chịu xin đăng lên báo cho anh em nhờ.

Anh có nhớ một bức thư nào tôi kể anh nghe cái trại văn nghệ sĩ ở cách Paris 100 cây số không? Nơi đây có một kẻ hảo tâm cũng đã nghĩ đến, tiếc rằng chưa đủ thanh bình nên bà ấy chưa bắt tay vào chương trình đó thôi. Anh nghe có mừng không?

Những kẻ có lòng ở xứ ta không thiếu. Tôi còn chứng kiến một cảnh xảy ra trong một hiệu sách lớn kiêm cả nhà xuất bản ở đây, cảnh mấy em bé đến hiệu sách ghi chép vì không đủ tiền để mua, và chủ hiệu trông thấy thế gọi đến cho mượn về nhà chép vì đứng ở đấy quá đông. Cừ chỉ đẹp chưa?

Đoạn trên tôi nói với anh rằng ở đây chỉ thấy có hai môn giải trí là nhảy và nghe nhạc nơi phòng trà. Hôm qua tôi được biết một thứ giải trí nữa, đó anh thứ gì? Đi xem đá bóng. Có bà bạn mê đá bóng, rủ lang quân đi, chàng không đi, thế là bà điện thoại đến dụ dỗ tôi. Nhân lúc đang thất nghiệp nên tôi cũng không từ chối. Đông ơi là đông, và có một điểm đặc biệt là con người trên thế giới gặp nhau ở chỗ rất cuồng nhiệt, dị kích — Ở đây còn thấy rõ tinh thần quốc gia tiềm tàng trong mỗi người và kẻ ác ý có thể dùng một trận đá bóng để gây hận thù và gây chiến tranh giữa hai nước rất dễ dàng.

Tôi dám chắc là hai người Việt-Nam, dầu khác chính kiến, nhưng đi xem đá bóng với một nước khác thì hai anh Việt Nam sẽ cùng hồi hộp, cùng la lối khi thấy cầu thủ xứ mình đá hay, hoặc tồi.

Tôi kể anh nghe, chẳng phải chỉ có xứ mình mà thôi, xứ nào cũng mang chung cái bệnh ấy. Năm 1972 tôi đi xem Thế-vận-hội, đến cái ngày đua ngựa, khi kỳ mã Đức ra thì dân chúng im lặng, có kẻ nhịn cả ho, chung quanh ai xi xào một chút là

bị «suyt», bị mắng mỏ, vì họ e con ngựa sẽ sợ mà không nhảy qua được mấy cái chướng ngại vật. Trái lại khi ngựa của xứ khác ra thoi thì tha hồ cho họ huýt sáo, la lối, cố ý cho ngựa kia mất tinh thần nhảy hụt bước chơi. Nhất là một quốc gia giàu hơn lại càng bị ức hiếp hơn.

Chỉ có trời là không thích đá bóng vì trời hôm ấy mưa ghê quá; anh có tưởng tượng nổi, cô ký của các anh ngồi dưới mưa mà xem đá bóng không? Nhưng xin nhớ là tôi không hò hét như mọi người đâu nhé. Chủ trương cắt tình cảm vào tử sắt mà; vui, buồn, giận ghét gì cũng phải giữ cái mặt như đá mới hay. Chưa đạt đến trình độ tượng đá ở Angkor-wat đâu, nhưng có một ngày nào sẽ đến.

Sáng hôm qua tôi đến thăm một vị ngoại giao xứ người, ông già hỏi tôi đã về Huế chưa, tôi bảo về rồi và có đi ngủ đò ở sông Hương nữa rất là «romantic» Ông ngoại giao nói, có nghe tiếng đò, ngủ đò là một niềm vui kỳ diệu và «romantic» nhưng chính phủ VNCH không cho chúng tôi được hưởng cái thú ấy. Người ta đưa tất cả phái đoàn ngoại giao vào khách sạn chắc là hạng nhất rồi, nhưng mỗi khi ông Đại sứ này tắm thì tất cả mấy ông Đại sứ kia phải bó gối ngồi chờ, vì nước không lên, tuy phòng nào cũng có phòng tắm!

Nói với anh, may ra có đến tai ông xếp hãng du lịch để ông lưu ý, vì du khách nghe ở đâu mà thiếu thứ tiện nghi ấy là sợ nhất, chẳng muốn dừng chân, dầu phong cảnh có lời

cuốn đến bao nhiêu. Nhất là khi khách sạn lại nằm trên bờ sông Hương!

Hai hôm nay tôi được mời đi làm quan sát viên một cuộc họp bàn về «thức ăn, dân số và năng lượng» do các chuyên viên Hoa-Kỳ và Việt-Nam tổ chức, Giáo sư sử địa Norton Ginsburg, Nhà Kinh Tế học Nathaniel Guyol và Ông Frederic Hill, Giáo sư ở Viện Đại học California, vừa là Chủ tịch Bộ thực vật ở Hoa Kỳ. Phía ta có Quốc Vụ Khanh Phan Quang Đán và Ông Âu Ngọc Hồ. Ngoài ra có độ 40 nhân vật được mời đến tham dự, bàn cãi. Tôi không nói đến nội dung của buổi họp vì thư này đến tay thì anh đã đọc bài tường thuật ở các nhật báo rồi. Chỉ nói riêng với anh một điểm mà tôi đã nhận định trong buổi họp là thấy các bà (tuy số được mời rất ít) đã tỏ ra tích cực hơn các ông trong cuộc bàn cãi. Từ hình thức đến nội dung cuộc thảo luận.

Tại sao tôi đưa ra vấn đề này? Tại tôi có một người bạn ngoại quốc, sau khi sống cả chục năm trên xứ Việt-Nam, đọc được sách, nói được tiếng, ông ta viết một thiên luận án về người đàn bà Việt Nam sau cuộc chiến 30 năm.

Người điển-hình nhất là bà giáo sư Nguyễn văn Bông mà hiện là Giám Đốc văn hóa ở Hội Việt Mỹ. Trông bà ta vừa giản dị, vừa xinh đẹp, lại vừa học thức đầy đủ. Bà điềm thường chẳng mấy khi chịu đi chung với nhau. Con người ấy đã chôn trong lòng một cái tang nặng nề mà

vẫn giữ được quân bình, vẫn tươi cười tuy không dấu nổi khổ tâm. Trong câu chuyện giữa tôi với bà chỉ có mấy phút tôi nghe bà ấy bảo : đến muộn vì ở nhà mãi dạy con học, « lắm khi cũng tui ». Bà ấy đã không ngần ngại mà dùng cái động từ « tui » làm tôi lạnh người. Một người đàn bà có nhiều nam tính và ngạo ngược không bao giờ dùng đến chữ ấy hay nghĩ đến chữ ấy.

Về đây hơn hai tháng rồi, lần đầu tiên được ở lâu như thế, nghĩ đến chuyện phải đi trở lại mà ngán quá. Chẳng muốn tí nào, như cây đã mọc rễ mà phải nhổ lên mang trồng chỗ khác. Anh cứ ra vườn hỏi mấy gốc cây thì biết, chúng nó sẽ nói cho anh nghe. Đặc biệt là ở xứ ngoài khi nghĩ đến chuyện về lại không ai nghe tôi than bao giờ, tuy rằng sang bên ấy thì cũng có nhiều bạn bè có sẵn nhà cửa với đủ cả mọi thứ chờ đợi, mà vẫn buồn. Giá đổi được cho ai nhỉ, thôi ngừng kéo hết khôn dòn

đến đại, sẽ có người la rầy.

Đoạn này anh cho tôi nhắn với tất cả các anh em, các độc giả mà tôi đã được và chưa được hân hạnh gặp và quen, Minh Đức xin có lời gửi thăm từng người, và cảm ơn một độc giả nào đã hiểu và nói với bà bạn của Minh Đức rằng : Tôi quen với M Đ lắm, mỗi tháng chị ấy viết cho tôi những bức thư... thật là có một sự cảm thông, như có lần tôi đã nói với các anh là từ người mang chữ A đầu đến chữ Z cuối, và từ hải giai huynh đệ. Bộ xương khô nào chẳng giống nhau, người Việt Nam nào chẳng giống nhau.

Chỉ có những kẻ bệnh hoạn mới thấy rằng mình khác người.

Thôi, xin ngừng, ước mong cho tờ báo, ông bà chủ báo và tất cả độc giả B.K đều mạnh mẽ còn dịp gặp nhau. Giấy vắn đất và tình vắn dài, các anh chị mạnh.

MINH-ĐỨC HOÀI TRINH

LỚP DẠY ĐÀN HUẾ

do Bà ĐỐC TRAI và Cô HOÀNG OANH hướng dẫn

- ĐÀN TRANH
- ĐÀN NGUYỆT
- ĐÀN TỖ BÀ

dạy theo phương pháp cổ truyền và phương pháp ký âm

DẠY TỪNG KHÓA HOẶC DẠY RIÊNG TỪNG NGƯỜI
THEO GIỜ HẸN

Xin hỏi tại nhà số 10 Cư xá Kiến Thiết Tân định
19 đường Nguyễn Hữu Cảnh Saigon — Đ.T 97.854 ngoài giờ làm việc

thuốc ho viên

Pectal
FORT



trị các chứng **HO**



ho gà, ho khan
ho từng cơn
ho ra đàm
cảm, suyễn
sưng cuống phổi

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

thuốc ho viên

PECTAL
FORT

trị các chứng **HO**

ho gà ho khan
ho từng cơn
ho ra đàm
cảm suyễn
sưng cuống phổi

Bán tại các nhà thuốc tây.



Bổ máu Chuông vàng
Soluté B₁, B₁₂, Fer

FERAMIN

Mệt mỏi — Đau mõi khỏi — Ăn
không tiêu — Bần thần mõi mệt

Viện bào chế **TENAMYD**

Đậy kỹ và giữ trong tối

Ngọn khói hân hoan

Chuyến xe lam cuối ngày đưa tôi về thánh đường Y. Quang cảnh tàn tạ hai bên đường làm cho người ta nghĩ đến mùa đông về đã qua lâu, một mùa đông già trước thời gian ấn định của nó trong không gian.

Lũy tre dù đã mất hết màu xanh của lá cũng đủ sức làm nổi bật cái tháp chuông cũ kỹ với một vài đường nét dịu dàng mà ánh hoàng-hôn vẽ sẵn tấm phông từ trước. Một ngày đông không mưa có lẽ hứa hẹn một cơn bão lớn đang đợi ở nơi nào đó, người nữ tu đồng hành trên xe cho tôi biết kinh nghiệm như vậy rồi hỏi :

— Thầy về đây lần đầu ?

— Dạ.

— Năm nào tôi cũng về dự lễ Giáng-sinh ở đây, anh tôi làm cha sở ở giáo-xứ này. Nữ tu tiếp, thế thầy ở đâu ?

— Thưa ma sceur, cha mẹ tôi cũng ở đây.

Người nữ tu lộ vẻ vui mừng, giới thiệu cho tôi biết, tên đời, tên thánh' nữ tu là người duy nhất được nhà dòng cho theo học văn-hóa ở một trường công lập trong lúc chờ đợi ngày khấn-trọn-đời, hội đồng Bề-trên nhà dòng coi đó như một thời gian đề thử thách. Năm đó, tôi vừa lên chức thầy hai, về quê nhà ăn giáng-sinh cũng là một ân-huệ đặc biệt trong đại-chủng-viện, sau khi trang

trí máng cỏ lộ thiên vĩ đại cho nhà dòng mà hình dáng và màu sắc được đa số linh-mục và chủng-sinh đồng viện xem như hòa hợp và gần gũi với cảnh vật nguyên thủy ở cánh đồng Bết-lê-hem nhất.

— Thầy bao giờ trở lại dòng ?
Nữ tu hỏi trước khi bước xuống xe

— Thưa ma soeur, sau lễ vài ngày

— Tối mai thầy đến dự lễ chứ.

Tôi gật đầu, chào nữ tu rồi đi vào xóm. Con sông đào chạy theo con đường tôi đang đi nở vài cánh hoa lục bình, dường như những cánh hoa đó phải nở trước khi ngày chằm dứt. Màn đêm bao giờ cũng là kẻ thù số một cho những loài hoa có màu sắc sặc sỡ, một tu sĩ nào đó đã nói như vậy. Về đến căn nhà, cha mẹ tôi như đã biết trước đề sắm sửa vài chi tiết tiếp đón tôi, điều ấy làm cho tôi cảm thấy man mác buồn.

Mẹ tôi vẫn là người vui mừng nhất :

— Mới mấy tháng mà má thấy con lớn quá. Sao con vẫn thường chừ. ?

— Cám ơn má, con vẫn thường.

Đêm ấy, như thường lệ, cha tôi cũng đem một vài câu chuyện đời— thường là lấy ở trong kinh thánh — đề ngụ ý khuyên nhủ tôi đem hết

can đảm và nghị lực trên đường hiến thân phụng vụ. Cha tôi nói với nụ cười dịu dàng, con biết vua Sa-lô-môn giàu có như thế nào không, ngài có một chiếc ngai bằng vàng ròng sáu nấc lên cao vọi vọi tượng trưng cho sự vững bền của địa vị, ngài làm ra vàng bạc như sỏi đá và cây bá hương nhiều như cây sung mọc ở nơi đồng bằng, thế mà, lúc chết ngài vẫn ra đi hai tay không. Ngừng lại đốt thuốc, sợ tôi chưa hấp thụ được, cha tôi nhấn mạnh,... trở về với đất hai bàn tay không như một kẻ ăn mày... đầu đường xó chợ.

Tôi xin phép đi ngủ sớm. Sáng hôm sau, khi thức dậy tôi đã thấy bóng một người con gái áo trắng thấp thoáng ngoài vườn hoa của ba tôi. Tôi nhìn kỹ thì ra người nữ tu hôm qua đang đứng nhìn chăm chú một vài cây hoa có nở hoa tươi. Tôi bước ra vườn :

— Masoeur cần những cánh hoa đó sao ?

Người nữ tu mỉm cười :

— Không, tôi cần mấy giọt sương đậu trên ấy thôi.

Tôi cũng cười :

— Làm sao mà hái nó được.

— Phải, vì đụng đến thì nó vỡ tan mất.

Như sợ hãi cái khung cảnh ấy, tôi mời người nữ tu vào nhà, giới thiệu với cha mẹ tôi, uống nước trà và nói chuyện học hành, nhưng chỉ được một lúc, nữ tu lại xin phép ra

ngắm cây cối ngoài vườn. Lần này tôi phải gọi bé Đức, em tôi, đi theo. Giọng nữ tu trở thành thân mật hơn.

— Thầy xem tôi sáng nay có khác gì chiều qua không ?

— Tôi chẳng thấy gì khác cả.

Nữ tu ngắt một cánh hoa nhỏ đặt lên môi :

— Có chứ, ngày hôm qua tôi mặc áo đen, nay áo trắng.

— Nhưng cũng là áo dòng cả.

Tôi nói thật nhanh cùng lời theo những bước chân vọi vàng qua các luống hoa đủ màu, có một vài loại hoa tôi được thấy hằng ngày trong vườn hoa của chủng-viện, nơi người lính mù mắt giải ngũ cầm cái chổi liên tục quét bầy chim giữa bầu trời, nơi trang trí cho một lối đi độc nhất đưa ra nghĩa địa dành riêng cho những người tu-sĩ chết già,

Bé Đức chen vào một câu chuyện cũng không kém phần ý nghĩa :

— Trong vườn hoa này, ba nói cũng có một cây hoa biết lành, biết dữ.

Nữ tu bắt ngay vào câu chuyện :

— Nhưng dành cho mấy chú ong, chú bướm thôi chứ.

Bé Đức chân thật :

— Các chú ấy liệu hồn sẽ bị đày làm bọ rầy, bọ xít mất.

Rồi bé Đức hỏi tôi :

— Anh có muốn mọc thêm hai cánh nữa không ?

Tôi đùa :

— Em hỏi ma soeur có thích không ?

Nữ tu cười ánh lên trong nắng :

— Nhưng nếu có thêm hai cánh nữa thì phải bay đến chân trời nào đẹp nhất chứ.

— Ai cũng ao ước như ma soeur, nhưng tiếc quá, trên đời này không có một chân trời nào cả.

Nữ tu vin một nhánh cây ; tiếng nói nghe xa vời :

— Ở thế giới khác chắc phải có một chân trời.

Tôi nghe buồn lây : Ánh nắng làm rộng thêm khu vườn. Có một con chim nhỏ vừa đến đậu trên luống đất sạch sẽ. Tôi ngắt một nụ hoa cúc vàng thơm ngắt đưa cho nữ tu :

— Ngày nào ma soeur khấn trọn đời, tôi sẽ về dự thánh lễ và tặng thêm một đóa nữa.

Nữ tu, cũng bằng một cử chỉ thận trọng, ngắt một cánh hoa cúc vàng trao lại cho tôi :

— Ngày nào thấy thọ phong linh mục, tôi về dự thánh lễ cũng sẽ tặng thêm thầy một đóa nữa.

Nói xong câu ấy nữ tu bỏ chạy ra đường. Tôi đứng lại thật lâu với nụ hoa trên tay. Một hồi chuông ngân lên, âm thanh chỉ để đuổi đi những đám mây xám đục còn ngái ngủ trên nóc thánh đường.

oOo

... Suối Đức Chúa Trời đầy nước
Khi Chúa chế đất, thì sấm sửa ngũ

cốc cho loài người

Các bước Chúa đặt ra mờ

Các bước Chúa đặt ra mờ trên
đồng cỏ của đồng vắng,

Và các nông đều thất lạng bằng sự
vui mừng.

Đồng cỏ đều đầy bày chiêm

Các trũng được bao phủ bằng ngũ
cốc :

Khắp nơi ấy đều vui mừng và
xướng hát.

Vị Linh-mục già chắm dứt thánh lễ nửa đêm bằng những câu thơ của vua Đa-vít làm cho thầy nhạc-chánh. Con mưa trước đó mấy phút cũng đã đồng ý với ngài nên chắm dứt sớm hơn thường lệ vì tình hình an ninh không lấy gì bảo đảm lắm. Các bồn đạo lặng lẽ ra về sau khi đã cầu nguyện tràn trề ân sủng trước ánh nến soi rõ hai bàn tay Chúa Hải-đồng rộng lượng, trang trải. Tôi cũng ra về với lời cầu nguyện, xin Chúa đốt thêm cho một bó đuốc soi sáng con đường quá gập ghềnh mà tôi đang đi, tôi muốn tới được điểm cuối.

Ra đến con sông đào bỗng nghe phía sau có bước chân chạy đuổi. Tôi dừng lại và nhìn ra người nữ tu trong dáng điệu không được bình thường. Vừa thở nặng nề vừa trao cho tôi một chiếc hộp nhỏ :

— Xin thầy cứ nhận để làm kỷ niệm. Sáng mai, tôi về tỉnh sớm, chắc không gặp được thầy.

Tôi cầm lấy chiếc hộp và cả bàn tay đầy hơi ấm của nữ tu. Mặt nước sông dâng lên cơn thủy triều thường

lệ của đêm. Bên kia sông, xóm ngoại đã ngủ từ lâu, chẳng có một đốm lửa nào, kể cả bầu trời thường xuất hiện nhiều sao. Cây cỏ thụ đầy bóng im mà hằng ngày tôi thường thấy sum sê giờ chỉ còn là lưới gươm sắc bén đâm thủng bầu trời.

Chúng tôi đứng yên lặng bên dòng sông thật lâu rồi sau đó chia tay. Trong chiếc hộp nữ tu trao tôi có một con bướm nhỏ bị nhuộm bằng mực xạ đen, với miếng giấy mang mấy chữ: *đây tặng thầy, chú bướm cả gan đậu trên cây hoa biết lành biết dữ trong vườn*. Tôi đưa con bướm lên vùng ánh sáng, dù đã bị nhuộm đen nhưng đôi cánh của nó vẫn óng ả với màu sắc thiên nhiên. Bé Đức đòi xin để ép xác nhưng tôi muốn thả nó ra. Và, cuối cùng nó được tung cánh bay đi từ một hành lang âm tối. Tôi biết chẳng bao giờ nó trở lại với tôi nhưng cũng chẳng bao giờ nó bay ra khỏi khu vườn hoa của ba tôi.

oOo

Trên đây là một mùa Giáng-sinh tôi còn nhớ mãi trong đời. Những gì đã xảy đến, tôi chẳng bao giờ đem ra suy gẫm hay bình luận. Với tuổi trẻ tôi có quyền ôm ấp những kỷ niệm đẹp. Ba năm sau, tôi nhận được quyết định của nhà dòng, để về đời. Trước khi chấp nhận cái hung-tin không mấy ngạc nhiên ấy tôi đã được rất nhiều an ủi như một đặc ân tiền-lệ. Một trong những người làm nhiệm vụ ấy nồng nhiệt nhất là Cha Giám đốc; ngài vạch cho thấy một con đường trước mắt

mà tôi sắp sửa bước tới, không phải là con đường mà người ta thường tưởng tượng, nó cũng đẹp đẽ và quan trọng không kém gì con đường hiến thân làm việc tông đồ. Ngài nói: chắc con đã biết, nước Thiên đàng không phải để dành cho một quốc gia, một đảng phái, một nhóm người nào. Con đường đi lên Thiên đàng hẳn là một đại lộ, người giữ chìa khóa mở cổng Thiên đàng cũng phải là một người công bằng, tự do và dễ dãi. Ngài còn thắp cho tôi một tia hy vọng; nếu sau này con muốn làm việc ở đây, cha sẽ ưu tiên giúp đỡ, như đề trang trí máng cỏ, xếp đáng lồng đèn hay có thể thay thế người lính gác vườn hoa chẳng hạn. Tôi cảm ơn ngài và xin phép được từ giã vào một dịp đông đảo anh em đồng viện, đồng chức.

Một người bạn đưa tôi ra xe, cầm tay tôi thật chặt lúc chia ly, chúc mừng về bằng an, từ đây may có thêm hai cánh nữa. Lời cầu chúc của người bạn bỗng gọi lại khung cảnh khu vườn đầy hoa cùng với người nữ tu mấy năm về trước. Ngày ấy tôi đã khẳng định một cách chắc chắn là chẳng có một chân trời nào trên trần gian này cả. Dĩ nhiên ngày nay, tôi cũng không ao ước thêm được một phương tiện nào khác nữa. Công việc của tôi nghĩ đến là phải làm một việc gì đó để có tiền nuôi mẹ và an ủi người khi ba tôi mới qua đời.

Tôi mở một tiệm vẽ ở ngoại ô thành phố, nhận vẽ bất cứ cái gì mà

khách hàng cần. Dù không phải là một họa-sĩ, tôi cũng tìm ra một nét vẽ độc đáo nhất là gọi lên được những kỷ niệm đã mất.

Có người đến thuê tôi vẽ một con chim vừa bay ra khỏi lồng. Người khác thuê vẽ một con ngựa thật hiền hậu trong tàu cũ. Người khác nữa muốn tôi vẽ lại một sợi dây đàn tỳ-bà đã đứt, một cái hồ ôm ấp những đám mây hồng mà mùa hạn hán đã làm khô đi, vân vân...

Tôi làm việc cặm cụi, chuyên cần như một sở thích. Cho đến một hôm có một người lạ đến thuê tôi vẽ một căn nhà mà người ấy gọi là căn nhà hạnh-phúc. Mặt trong trình bày la-liệt những đồ đạc thời trang với những tiện nghi, tranh ảnh. Mặt ngoài là, một hành lang treo đầy hoa lan rừng, một khu vườn toàn cây ăn trái, một chiếc võng màu hồng treo giữa hai cây nhãn nhiều bóng mát. Tóm lại, người khách muốn vẽ lại một ngôi nhà lý tưởng, cho phép tôi được tô điểm thêm những đường nét mà chỉ nhìn phớt qua cũng biết ở trong đó có một không khí ấm áp. Tôi vẽ xong, khách lạ trả tiền và nói :

— Xin lỗi họa sĩ, cho tôi được đốt bức ảnh này.

Trước sự ngạc nhiên và bức bối của tôi, khách lạ giải thích :

— Vâng, tôi phải đốt, họa-sĩ dù có tài ba đến đâu cũng không diễn tả được ngọn lửa tàn bạo đã thiêu cháy ngôi nhà tôi đang ở và mai táng cả người tình thân yêu của tôi

trong ấy.

Nói xong, khi tôi định hỏi thêm một vài điều thì khách đã vội vã bước ra khỏi tiệm, tan biến vào dòng phố đang sinh hoạt bình thường.

Tôi ngồi nhìn đống tro than, một vài ngọn khói từ trong côi âm u đó bay ra, lượn vòng, lơ đãng, phiêu bạt.

Và cũng từ hôm đó, tôi quyết định từ bỏ cái nghề đang làm. Lúc vào nghề cũng như lúc bỏ nghề lòng tôi đều thoáng nghĩ tới một sự mất mát.

Trước khi xin phép mẹ tôi được một chuyến đi xa, tôi trở về tu viện X. để thăm người nữ tu năm trước như một hồi thúc tự đáy lòng dâng lên.

Tu viện X. hôm đó rộn rã, tưng bừng.

Sau mấy phút ngồi đợi ở phòng khách, nữ tu hiện ra với nét mặt vui tươi :

— Thầy có nhận được tin tôi nhắn không ?

Tôi trả lời gọn gàng :

— Thưa ma soeur, tôi không còn là thầy nữa, tôi về đời lâu rồi.

Nữ tu buồn bã :

— Về đời rồi sao ?

Một lúc sau, nữ tu cố đánh tan sự lạnh lùng ấy :

— Hôm nay là ngày khấn trọn đời tập thể, trong ấy có tôi, thầy cũng vui mừng chứ.

Tôi thành tâm :

— May/mắn lắm mới gặp dịp này.

nhưng tôi không thể mang một cánh hoa cúc về như đã hứa.

Nữ tu mời tôi uống nước trà :

— Thôi đủ rồi. Thầy có về thăm quê không ?

— Không, ở đó bây giờ mất an-ninh, nhưng tôi có vẽ sẵn nó luôn luôn mang trong mình.

— Thầy cho tôi xem lại một chút được không.

Tôi đưa cho nữ tu tờ giấy cũ trong ấy có vẽ ngôi thánh đường lở lói, hoang tàn, nằm giữa một thôn xóm quanh hiu. Nữ tu chăm chú nhìn kỹ những chi tiết trong đó rồi nói :

— Thầy vẽ thiếu một con đường chạy theo sông. Thầy quên con đường ấy rồi sao ?

— Thưa ma soeur, nhớ chứ, nhưng tôi không dám vẽ ra.

Nữ tu nhìn tôi đôi mắt đục mờ. Tiếng chuông báo hiệu buổi lễ khởi đầu. Nữ tu lấy trong quyền kinh ra một tấm ảnh đưa cho tôi, ảnh vẽ một cảnh hoa huệ trắng, phía sau có đề hàng chữ : « xin cầu nguyện cho tôi và cuộc hôn nhân với Chúa được vuông tròn ».

HỒ MINH DŨNG

Huế 10-1974

Vitaplex
CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



· CON NIT MAU
· BIẾT ĐI
· CỨNG XƯƠNG.
· MẠNH KHỎE .
· NGƯỜI LỚN
· CỨNG RĂNG .
· ÍT ĐAU RĂNG .
· YẾU PHỔI .
· MỆT MỎI .

LABCHADZER
VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ!

Còn một ít

NGUYỄN CƯ TRINH

SÃI VÃI

do LÊ NGỌC TRỤ và PHẠM VĂN LUẬT sao lục và chú thích

BÙI HỮU NGHĨA

KIM THẠCH KỶ DUYÊN

Tuồng hát bộ này do Giáo sư TRẦN VĂN HƯƠNG và LÊ NGỌC TRỤ trình bày và chú thích.

NGUYỄN KHẮC ĐẢN

TUÔNG KIM VÂN KIỀU

Tức là bộ Lâm Túy Hiên truyện, được Thế Tải TRƯƠNG MINH KÝ kinh lục và phiên âm ra chữ quốc ngữ. Giáo sư TRẦN VĂN HƯƠNG và LÊ NGỌC TRỤ trình bày và lược chú.

NGUYỄN ĐIỀU

NGŨ HỔ BÌNH TÂY

Tuồng hát bộ này do cụ tú Nhơn Ân NGUYỄN ĐIỀU soạn, cụ ĐÀO TẤN sửa một đoạn, nay được Giáo sư TRẦN VĂN HƯƠNG và LÊ NGỌC TRỤ sao chép và trình bày.

Những sách trên đây mỗi quyển dày 224 trang, khổ to in trên giấy trắng tốt, hiện còn bày bán tại :

Nhà sách KHAI TRÍ, 62 Lê Lợi Saigon. ĐT. 20.348

Sách mới

— **Suối mây hồng**, Tuổi thơ lên mây, tập thơ của Trần thị Tuệ Mai do Văn Chương xuất bản và tác giả gửi tặng. Thi phẩm thứ 7 của tác giả gồm trên bốn chục bài thơ và gần ngàn giòng lục bát. Mẫu bìa Lê Tài Điền. Bản giấy trắng. Giá 450 đ. Bản giấy thường 350đ.

— **Đời mãi ở phương Đông** tập thơ của Du Tử Lê, do Gìn Vàng Giữ Ngọc xuất bản và tác giả gửi tặng. Tập thơ thứ 5 và tác phẩm thứ 15 của tác giả dày 154 trang, gồm gần bốn chục bài thơ, tranh bìa của Thái Tuấn, phụ bản nhạc của Hoàng Quốc Bảo, Phạm Duy, Từ Công Phụng. Giá 600đ.

— **Mặc võng ru người** tập thơ của Trần Kiên Thảo do Cơ sở xuất bản Sông Ngân (Cần Thơ) in ronéo gửi tặng các thân hữu để bảo tồn bản thảo. Sách dày 96 trang gồm 36 bài thơ.

— **Sau lưng mặt trời** tập thơ của 11 tác giả do Nhập Cuộc xuất bản (thi phẩm thứ 25 của Nhập Cuộc) dày 20 trang. Giá 100đ.

Nhận diện « Tập san Thương mến của học trò Trung Học » số ra mắt, Chủ trương anh em Lạc Hồng, liên lạc, bài vở : Nguyễn Trần Nguyễn. Hộp

thư 72 Gia định, Mỗi số khổ 10 x 26 dày 32 trang, in ronéo, gồm truyện, đoản văn, thơ, các bài phổ thông kiến thức. Giá 40đ.

— **Không quân thời chiến**, tập thơ, truyện của 33 nhà thơ, nhà văn viết về Không quân (văn nghệ Không quân) Vàng Sơn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 580 trang, mỗi truyện hay thơ đều có thủ bút của tác giả và cuối sách là tiểu sử cùng tác phẩm đã và sẽ xuất bản của tác giả. Ngoài ra còn đầy đủ hình ảnh của hơn ba chục nhà văn nhà thơ có văn trích tuyền : Nguyễn Mạnh Côn, Cung Trầm Tưởng, Toàn Phong, Phan Nhật Nam, Trần văn Minh, Thế Phong v.v. Giá 1680đ.

— **Thơ Kim-Tuấn** do Gìn Vàng Giữ Ngọc xuất bản và tác giả gửi tặng. Tập thơ dày 100 trang gồm ngót bốn chục bài thơ làm trong 10 năm (1962-1972) nhiều bài đã được phổ nhạc. Phụ bản nhạc : Phạm Duy, Y Vân, Nguyễn Hiền. Họa : Hạ quốc Huy, Nguyễn Thanh Hiền. Bản đặc biệt. Giá 500đ.

— **Nửa vòng tay mộng** tập thơ của Toàn Mỹ do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 60 trang gồm ba chục bài thơ, Lê Viết Triều giới thiệu. Bản giấy trắng. Giá 300đ.

Đón đọc :

VIẾT CHO CÁC BÀ MẸ SANH CON ĐẦU LÒNG

của B.S. ĐỖ HỒNG NGỌC

- * Tất cả những điều cần biết cho người mẹ trẻ từ lúc bé chào đời đến tuổi lên ba.
- * Món quà tặng ý nghĩa và hữu ích cho những đôi vợ chồng mới cưới..

LA NGÀ xuất bản

Phát hành giữa tháng 12/74

TIN MỪNG

Được tin Anh **NGUYỄN LIÊN**, Giám đốc Nhà in và Nhà xuất bản Trí Đăng, sẽ làm lễ thành hôn cùng **Chị NGHIÊM THỊ TUYẾT** vào ngày 29 tháng 12 năm 1974 (nhằm ngày 16 tháng 11 âm lịch) tại Saigon,

Xin chân thành chúc mừng Anh Liên và Chị Tuyết trăm năm hạnh phúc.

Ông Bà Lê văn Vinh, Nguyễn thị Hảo, Vũ Hạnh, Võ Phiến, Lê Phương Chi, Đỗ Hồng Ngọc, Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Mộng Giác, Lê Ngô Châu, Tôn Thất Hàm, Nguyễn Huy Nhân, Văn Thanh, Minh Đức Hoài Trinh.

TIN MỪNG

Chân thành chúc mừng

Anh **ĐÀO TRƯỜNG PHÚC**

và **Chị BUI THỊ HOA**

trăm năm hạnh phúc

LÊ NGỘ CHÂU — DOHAMIDE — TRẦN PHONG GIAO.

TIN MỪNG

Được tin Nhà văn **VÕ PHIẾN** đã làm lễ thành hôn cho Thứ nam **ĐOÀN THẾ LONG** cùng Cô **LÊ THỊ NGUYỆT ANH** và Hôn lễ đã cử hành tại Saigon ngày 10-11-1974.

Xin chân thành mừng Anh chị Võ Phiến và chúc hai cháu trăm năm hạnh phúc.

Ông Bà Lê Ngô Châu và các văn hữu **BÁCH KHOA**

TIN MỪNG

Được hồng thiệp báo tin Văn hữu **NGUYỄN VĂN AN** đã làm lễ thành hôn cho Thứ nam là **Antoine NGUYỄN VĂN BÌNH** cùng Cô **Catherine MÃ THỊ PHƯƠNG LIÊU** và Hôn lễ đã cử hành tại Thánh đường Dòng Chúa Cứu Thế Saigon ngày 04-11-1974.

Xin chân thành mừng Văn hữu Nguyễn-Văn-An và chúc tân lang cùng tân giai nhân trăm năm hạnh phúc.

LÊ NGỘ CHÂU

Phác vẽ một tương lai

Thơ ĐÔNG TRÌNH

Gửi các em Giáo-sinh Sư-phạm Đà-nẵng
vừa mới chọn nhiệm sở

Ngôi trường tôi dạy ở rất xa Thị trấn,
Chiều mưa bay, mây xuống thấp như đời.
Sáu năm trong nghề, chưa có một ngày vui,
Từng hy vọng khóa đi theo bụi phấn.

Nhưng yêu nghề nên tôi yêu đời sống,
Tự nhủ lòng : Phải thấy được Ngày Mai.
Trên bục cao, tôi phấn khởi đưa tay
Vẽ một chân trời bằng niềm tin rất thật.

Và học trò tôi, trong nụ cười ánh mắt
Đã thầm gọi nhau hẹn một ngày về.
Vì những cánh diều chết gió trên đê
Vẫn gửi hồn bay dưới trời mùa hạ.
Vì câu chuyện phải dừng bên bếp lửa
Đã đến hồi người đỗ Trạng vinh quy.
Vì con chim Đại-bàng vỗ cánh bay đi
Chưa đến ơn bác nông dân hiền thực.
Vì Công chúa còn nằm trong nhà ngục
Nên Thạch-Sanh phải có lúc dương cung,
Vì ngựa sắt của Phù-Đông Thiên-Vương
Đã khắc lửa vào bọn giặc Ân xâm lược.
Vì Loa Thành ta xây bằng sắt thép
Nên không ai đánh tráo được Nỏ Thần.
Ôi những cuộc đời đã hóa đá ngàn năm,
Giữa thế kỷ hai mươi bỗng thành hiện thực.
Chúng ta, những con trai ngậm ngọc,
Mỗi tiếng cười rớt một hạt trân châu...

Chiều hôm nay tôi phấn khởi bắt đầu
Bài thứ nhất cho một niên học mới.
Ngoài kia, sau những khung cửa tối
Tôi mơ hồ nắm chặt những bàn tay
Trên bục thầy, phác vẽ một tương lai.

Đà-nẵng, tháng 11-1974

Áp ủ đưa theo những
chuyến đi dài

Thơ VŨ HỮU ĐỊNH

Gởi anh Tường Linh

Ra đi thả lại con diều giấy
Gởi lại trên không tiếng sáo mùa
Gởi núi giữ giùm mây tháng chạp
Gởi đồng hương lúa vụ Giêng hai
Cũng gởi cho sông bầy cá đại
Gởi đụn tranh hang mấy chú chồn
Những ồ chim trên nhánh vắt vẻo
Đôi ba tháng có bầy chim chèo bẻo
Vườn sẽ thêm đông chim chóc hợp đàn
Cũng gởi cây đa cho đất của làng
Màu tre thắm gởi cho trời đất giữ
Tiếng cu gáy gởi tâm hồn tự lự
Của những đứa em chưa thể xa làng
Hoa dại ven đường gởi lại các em
Tiếng giã gạo gởi cho người mất ngủ
Trăng mười bốn gởi tâm hồn thiếu nữ
Trăng mười lăm gởi những kẻ yêu nhau
Mưa đông xuân gởi dây bí dây bầu
Những nụ mướp giàn su đất mới
Gió tháng chạp gởi hương mùa xuân tới
Gởi những gốc mai lá ít hoa nhiều
Gởi thân tre dài hồn sẽ dựng nêu
Nhấn nhủ mấy cũng không làm sao hết
Bao lâu nữa đã tới ngày hội tết...

Hồn của quê hương không gởi được cho ai
Áp ủ đưa theo những chuyến đi dài
Trong gian khổ tôi biết lòng sẽ ấm.

Thơ VÕ NGỌC THANI

NHƯ NHỮNG NGÀY NẮNG HẠ

Thác tóc em đổ vào chiều nắng hạ
Tiễn một ngày về cuối bãi hoàng hôn
Cát vàng in nấn nót dấu chân buồn
Em cúi xuống, hôn niềm thương đã mất

Chuyện ngày xưa qua rồi em có biết
Ân tình nào rồi cũng vỡ tan đi
Buồn mà chi, thương tiếc nữa mà chi
Lỗi hẹn bởi người đi quên trở lại

Em hãy khóc, nhưng đừng chờ nữa nhé !
Thôi về đi cho đường phố lên đèn
Thôi về đi cho tròn ánh trăng lên
Trăng soi bóng nhân tình em trong đó

Nếu một mai, em một mình — Ai hỏi...
Sao u hoài, em chỉ cuối hàng mây
Tình không thương nên tình vượt tầm tay
Em còn đó như những ngày nắng hạ

Thơ NGUYỄN HUY CHƯƠNG

TẮM BIỂN

Cởi quần áo nhảy ào xuống biển
Chợt đất trời động chuyển trong ta
Tưởng đâu trời đất bao la
Ai ngờ vũ trụ chỉ là nắm tay

TÌNH CỜ

Trời mưa ngón mỏng tay che
Lên hiên chợt té em đê nụ hoa
Tình cờ ta bước chân qua
Ngỡ đâu hạnh phúc vừa sa xuống trần

CÁC BẠN SINH VIÊN KHOA HỌC Ở MỌI BAN, MỌI TRÌNH ĐỘ, TỪ NGƯỜI MỚI BƯỚC VÀO ĐẠI HỌC ĐẾN CAO HỌC, CÙNG MỌI NGƯỜI MUỐN PHONG PHÚ HÓA KIẾN THỨC,



hãy tìm đọc cuốn sách tối cần thiết :

VẬT LÝ TIẾN HÓA LUẬN

của Albert Einstein
và Leopold Infeld

Nhà bác học vĩ đại nhất của thế kỷ mà *Thuyết Tương Đối* đã coi như tập đại thành mọi nỗ lực nhiều thế kỷ của khoa học muốn đưa một *Lý Nhất Quán Về Vũ Trụ*. Chính người đó đến lúc bạc đầu lên địa vị thiên thần khoa học đã trình bày cuộc tiến hóa nhiều thế kỷ của Vật Lý Học bằng phương pháp kỳ diệu là làm cho *những nhà chuyên môn với những người không chuyên môn* đều hiểu được và thích thú...

* * *

« Chúng tôi thiết tưởng cuốn VẬT LÝ TIẾN HÓA LUẬN của Albert Einsntein và Leopold Infeld mà được dịch ra sẽ là một tài liệu học hỏi quý giá biết mấy cho tất cả nam nữ học sinh các ban A, B và C ».

DOÃN QUỐC SỸ

« Góp ý kiến xây dựng quốc học »

AN TIÊM XUẤT BẢN

ĐỒNG NAI PHÁT HÀNH

NGUYỄN LANG

VĂN LANG DỊ SỬ

DỊ SỬ là lịch sử thần dị, lạ thường, là thực tại mang tính chất thi ca và thần thoại, phản ảnh tâm hồn của những con người sống trong thiên nhiên và cuộc đời với một tấm lòng cởi mở, hòa hợp, những con người còn nghe hiểu được tiếng chim, tiếng suối, còn nói chuyện được với sóng biển và sao trời.

Văn Lang ngày xưa cũng là Việt Nam ngày nay. Tuy là Dị Sử mà không khác mấy với lịch sử hiện đại. Cũng khung trời ấy, Nguyễn Lang đưa chúng ta về thăm quê hương cũ sáng đẹp nét nguyên sơ, để ta chứng kiến được chính lòng ta, nhận định được chính hoàn cảnh ta, nhìn lại được chính bản thân ta. Tiếng sóng gào thét trên triền núi Tản Viên hôm nay vẫn còn là hiện thực...

AN TIÊM XUẤT BẢN

André Gide

Dostoïevski

với chân trời văn học Nga

ANTIÊM

Thăm nghệ-sĩ Năm-Châu

Vào lúc 9 giờ sáng Chúa nhật 01-12-1974, một phái đoàn Văn-hóa thu hẹp do Giáo-sư Nguyễn-Nhã và Ký-giả Lê-Phương-Chi qui tụ, đã chọn biệt thự của nhạc-sĩ Phạm-Duy làm địa điểm tập trung để cùng đi đến tư thất của nghệ sĩ Năm-Châu cũng ở trong cư xá Chu-Mạnh-Trinh (Phú-Nhuận).

Phái đoàn gồm có cụ Nhất-Thanh (Trưởng-đoàn), nhà khảo cổ Vương Hồng Sển, các nhiếp-ảnh-gia Phạm Văn Mùi, Lê Văn Khoa, Lại Hữu Đức, nhạc sĩ Phạm Duy, Vinh Bảo, Ngô Nhật Thanh, Út Trong, Bảy Hàm, Nghiêm Phú Phát, nữ nghệ sĩ Thanh Nga, Đỗ Quyên, Luật sư Phạm Duy Tân, các ký giả Vương Hữu Bột, Trần Thế Lý, Phạm Long Điền, họa sĩ Vy Ý, nữ tu sĩ Mai Thành, nữ dược sĩ Phạm Vân Loan, thi sĩ Phạm Thiên Thư, đạo diễn Hoàng Vĩnh Lộc, Kiến-trúc-sư Nguyễn-Bá-Lãng và các ông Đỗ Văn Hường (Giám đốc Công ty Kim Chung), Trần Huy Phong (Tổng đoàn trưởng Việt Võ Đạo), Nguyễn Xuân Lang (Giám đốc điều hành Tổng đoàn Công Kỹ-nghệ VN), Nguyễn Đông (Phó Giám đốc Trung tâm Học liệu), Trần Thế Đức, Nguyễn Nhật Tấn, Ưông Thế Công, Nguyễn Thị Nhị và cô Trần Thị Hiền (sinh viên Đại học Thương mại Phú-thọ) v.v...

Sau khi Giáo sư Nguyễn Nhã giới thiệu chủ khách, cụ Nhất Thanh nhân danh Đoàn trưởng, ngỏ lời vấn an và

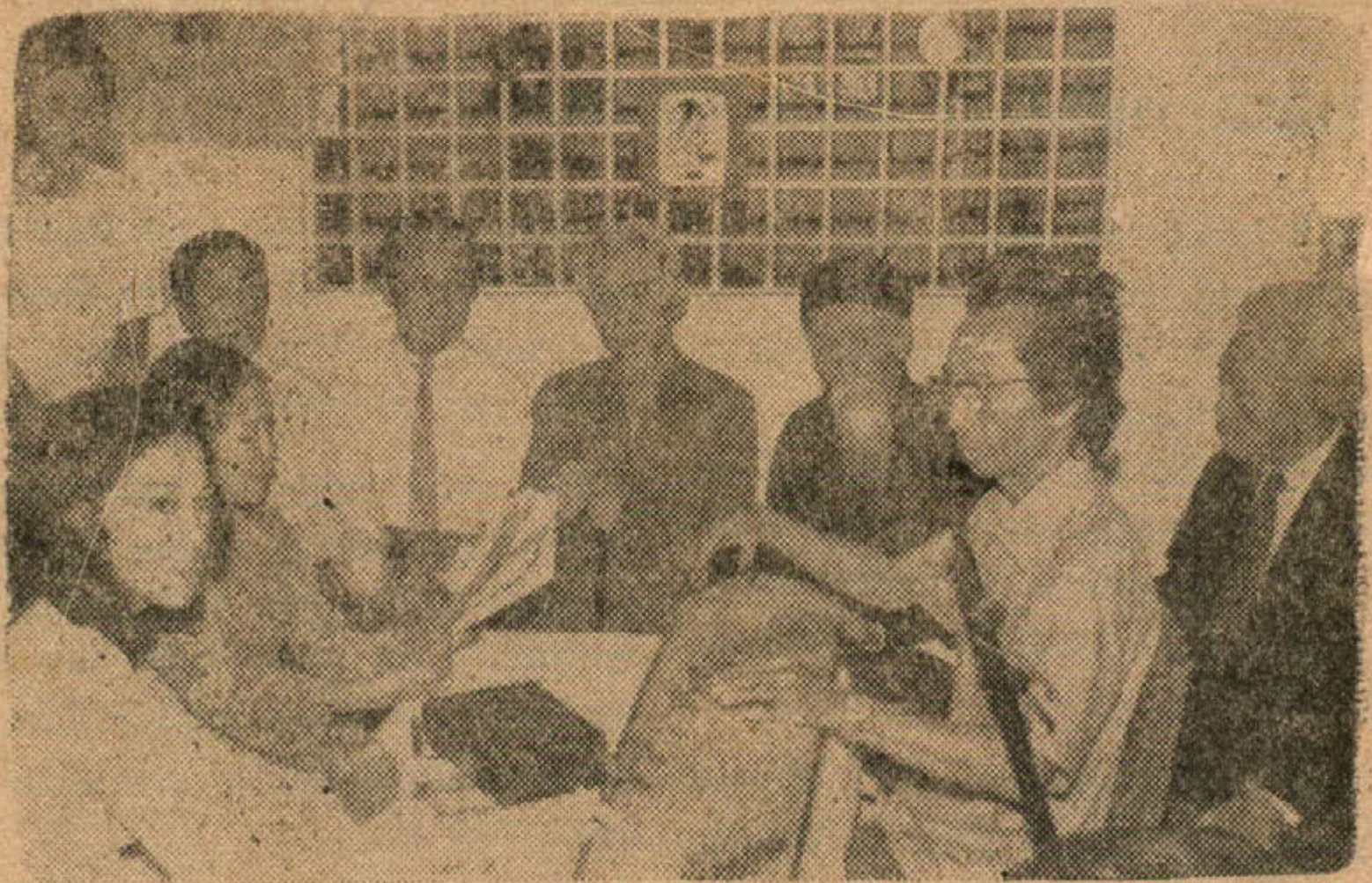
chúc thẹn ghệ sĩ lão thành Năm Châu với những lời lẽ rất cảm động làm cho nghệ sĩ Năm Châu rưng rưng nước mắt. Cụ Nhất Thanh đã nói:

« ... Với tình ý đề cao tinh thần kính lão, hôm nay chúng tôi nhân danh cả Nhóm, đến chào mừng lão trưởng, cầu chúc tuổi thọ diên trường, tinh thần tráng kiện hầu tiếp tục hoạt động bồi đắp cho nền Văn-hóa nước nhà....

« Thật vậy, huynh đài sớm có tài năng nảy nở về nghệ thuật ngay từ buổi thiếu thời. Thử hỏi mấy ai đã biết ham mê đàn hát từ 9, 10 tuổi, đã thấy thích thú viết tiểu thuyết từ khi mới 14 tuổi, và năm 16 tuổi đã soạn tuồng đề hát chơi. Rồi từ đấy cứ tiếp tục soạn đều đều 34 vở tuồng Cải lương, 13 vở Kịch, 12 Truyện Phim, và hiện đang tiếp tục viết Truyện phim cho hãng Mỹ Vân. Nhiều vở Thi, Thoại kịch được huynh đài đặt thành Thi ca nhạc kịch há chẳng phải là tài thi ca của Văn thi sĩ đó sao? »

Rồi cụ Nhất Thanh nhấn mạnh với lời lẽ thật chân thành:

« Với ngàn ấy vở Tuồng, Kịch, Phim, giúp cho sân khấu của Việt Nam ta từ khởi sắc tiến lên phong phú, phải nhận đó là một phần lớn nhờ sự tha thiết góp công sức tâm não của nghệ sĩ lão thành Năm Châu, và chính huynh đài đã nhiệt thành tham dự chỉ huy đạo tiên phong Ca Kịch nước nhà... »



Từ trái sang phải, những người ngồi : Đỗ Quyên, Thanh Nga (đương hát) Trần Huy Phong (Việt Võ Đạo), Nguyễn Bá Lăng, Vương Hồng Sên, Nhật Thanh, Vinh Bảo (đờn tranh) và Nghệ sĩ Năm Châu. Người đứng : Kỹ giả Trần Thế Lý. (ảnh của Lê Phương Chi)

Nhà nghệ sĩ đã hơn nửa thế kỷ say mê phục vụ cho nghệ thuật sân khấu, đến nay mái tóc đã bạc phơ với đôi mắt rơm rớm, nghẹn ngào đáp lời :

« Tôi rất cảm động, tôi không ngờ vào những ngày tôi sắp già từ sân khấu, sắp già từ lĩnh vực nghệ thuật, lại được quý vị văn nghệ sĩ làm một cuộc viếng thăm quý báu như thế này. Thật là một món quà bất ngờ trong đời tôi, làm cho tôi bàng hoàng vì xúc động lẫn sung sướng, Tôi thú thật là không biết dùng mỹ từ nào cho xứng đáng với việc làm của Nhóm Nghiên Cứu và Phát huy Truyền-thống Việt-Nam hôm nay....

« Sự thực mà nói, khi tôi say mê sân khấu là chẳng qua vì tôi thích thú, vì muốn làm một nghệ sĩ mà

thôi, chớ tôi không dám có cao vọng là sẽ đóng góp cho nền văn hóa nước nhà với những hoạt động nghệ thuật của mình như quý vị đã có nhã ý đề cao tôi hôm nay.

« Tuy nhiên, từ khi bước vào lĩnh vực hoạt động nghệ thuật, tôi gặp nhiều trở ngại trong khi sáng tác tuồng cũng như khi trình diễn, cần phải khéo léo để vượt qua sự kềm chế của nhà cầm quyền từ thời Pháp thuộc và trải qua các thời kỳ dưới bao chế độ của ta đến nay, tôi càng thấy yêu mến Tổ quốc Việt-nam vô cùng. Tôi muốn đem sức hiểu biết tối thiểu để góp vào công việc đấu tranh chung của dân tộc, vì thế đã phải gặp nhiều nguy hiểm suýt nữa tôi đã bị lưu đày hoặc bị trục xuất. Cũng vì sự hăng say củ

tôi lúc thiếu thời, qua vở tuồng « Ngọn cờ hiệp nữ » tôi đã vô tình đưa lưỡi kéo kềm duyệt vào cắt xén tuồng tích Cải lương, từ năm 1927...

« Nhân buổi viếng thăm hôm nay, tôi thiết tha mong rằng nghệ thuật Cải lương sẽ được nhiều bàn tay trai trẻ góp vào, đẩy mạnh đề ngày càng cải tiến xứng đáng là một bộ môn của Văn-hóa dân tộc. »

Sau đó, giáo sư Nguyễn Nhã trao tặng bức chân dung của nghệ sĩ Năm Châu do nhiếp-ảnh-gia Phạm Văn Mùi minh họa cỡ 50 x 60 lồng trong khung kính, để ghi lại chút kỷ niệm buổi viếng thăm.

Tiếp theo, ông Đỗ Văn Hường thay mặt Công ty Kim Chung trao tặng nghệ sĩ Năm Châu một phong bì đựng một số hiện kim tượng trưng để gọi là tỏ lòng quý mến người tiên phong tạo dựng sân khấu Cải lương. Kế đến là nữ tu sĩ Mai Thành tặng một bó hoa, và Cô sinh viên Trần thị Hiền cũng trao tặng một bó hoa, cả hai đều bày tỏ sự ngưỡng mộ và biết ơn vị tiên bối đã dày công khai sáng và cải tiến nghệ thuật sân khấu Cải lương làm phong phú cho nền văn hóa nước nhà.

Mở đầu phần mạn đàm, ký giả Lê-Phương-Chi phỏng vấn nghệ sĩ Năm Châu về nguồn gốc vở tuồng cải lương « Sân khấu về khuya » và những gởi gắm của ông Năm Châu trong vở tuồng ấy.

Nghệ sĩ Năm Châu cho biết vở

tuồng phỏng theo một thoại kịch ngoại quốc, đề cao tình yêu của các nghệ sĩ cùng hát chung một sân khấu họ yêu nhau qua tình yêu sân khấu; họ cũng ghen tuông hờn giận và có những lúc xa nhau, nhưng tình sân khấu là mối dây ràng buộc làm cho họ khó quên nhau.

Nhân nói đến ghen trên sân khấu, nhà khảo cổ Vương Hồng Sển (tác giả quyển Năm mươi năm mê Hát) nhắc lại mẩu chuyện xưa, đó là vào năm 1926, khi cụ Vương còn là một công chức thời Pháp thuộc, đi xem tuồng « Mộc-quê Anh dâng cây », bấy giờ Năm Châu đóng vai Dương Tôn Bảo, cô Bảy Phùng Há đóng vai Mộc-Quê-Anh. Chẳng biết hai anh chị giận hờn nhau ở hậu trường từ lúc nào, mà khi ra sân khấu anh Năm Châu mặt còn hăm hăm cảm thương đăm Mộc-Quê-Anh những nhát đăm quá mạnh khiến cô Bảy Phùng-Há đỡ muốn hụt hơi, đến nỗi cô Bảy vừa khóc vừa hát: ! « Đăm thì tôi đỡ, ai đề hò đâu mà đăm... dữ tợn vậy ? » Cụ Vương cho biết thêm là cô Bảy khóc thiệt tình chớ không phải khóc bằng dầu Nhị-Thiên-Đường bôi vào mắt.

Sau đó, các người tham dự như nhạc sĩ Phạm Duy, Vinh Bảo, đạo diễn Hoàng Vĩnh Lộc, Họa sĩ Vy Ý, Nhạc sĩ Nghiêm Phú Phát, nữ tu sĩ Mai Thành, nhà biên khảo Phạm Long Điền v.v. đều tỏ bày cảm tưởng và cùng đề nghị Nhóm Phát-huy Truyền-thống Việt-Nam tìm cách nhắc nhở anh em nghệ sĩ nối tiếp công trình Năm Châu bằng cách đóng góp cho bộ môn Cải-lương ngày càng

tin tiến hầu đóng góp phong phú cho nền Văn-hóa Dân-tộc.

Tiếp theo đó là phần hòa ca cổ nhạc, do các nữ nghệ sĩ Kim Cúc, Thanh Nga, Đỗ Quyên, Nguyệt Thu và nghệ sĩ Năm Châu, trình bày một vài đoạn đặc sắc trong vở tuồng « *Sân-khấu về khuya* », phần nhạc có các nhạc sĩ Vinh-Bảo, Ngô Nhật Thanh, Út Trọng, Bảy Hàm đảm nhiệm.

Đặc biệt nhất, khi ca mấy câu vọng cổ của vai Giáng-Hương trong tuồng này cô Thanh Nga đã làm cho cả gia đình nghệ sĩ Năm Châu đều sứt sùi, chỉ vì cô Thanh Nga đã có giọng ca rất truyền cảm. Cô Đỗ Quyên cũng xuất sắc trong bài « *Phượng Hoàng* ».

Đề kết thúc, nghệ sĩ Năm Châu và Kim Cúc đã ca diễn một lớp Văn Thiên Tường » đề tạ lòng ngưỡng mộ của phái đoàn. Cũng trong phần

này, cô Nguyệt Thu (ái nữ của Năm Châu Kim-Cúc) góp vào phần ca nhạc một lớp « *Phượng Hoàng* » trích trong vở tuồng « *Một tối tân hôn* » (của Năm Châu).

Sau khi phái đoàn viết sổ lưu bút và chụp ảnh chung để làm kỷ niệm buổi viếng thăm, trước khi từ giã, Nghệ sĩ lão thành Năm Châu bù ngùi xúc cảm đã thốt lên mấy lời : ! « Tôi tưởng là sau năm năm qua gặp nhiều trở ngại trong hoàn cảnh cũng như trong tâm hồn, tôi không còn sáng tác được nữa. Nhưng hôm nay quý vị đến đây đã khơi dậy trong lòng tôi một niềm cảm hứng dạt dào, tôi nguyện sẽ cố gắng tiếp tục soạn tuồng, tôi sẽ viết tiếp những vở tuồng đang bị gián đoạn, đề xứng đáng với sự chiếu cố của quý vị hôm nay ».

LÊ THANH THÁI *tường thuật*

(Hình ảnh của Lê Phương Chi)

Sơ lược tiểu sử của nghệ sĩ Nguyễn Thành Châu tự NĂM CHÂU

Thân thế :

Nghệ sĩ lão thành Năm-Châu tên thật là Nguyễn-thành-Châu, sinh ngày 9-1-1906 tại làng Điều-Hòa, tổng Thuận-trị, Quận Châu-Thành, tỉnh Mỹ-Tho (Định-Tường). Vì chậm trễ trong việc khai sinh cho nên tuổi ghi rong căn cước là 14-6-1906.

Lúc nhỏ Nguyễn thành Châu theo học trường Collège Mỹ-tho (tức là trường Trung Học Nguyễn-đình-Chiều bấy giờ), đến hết năm thứ hai ban thành chung (2^{er} année), chỉ vì mê say theo đờn ca mà xao lãng việc học, bị nhà trường thu hồi học bổng. Ông Cụ thân sinh liền gửi lên Saigon để học (3^{er} année) ở Tabert, nhưng trong lúc chờ trường khai giảng, Nguyễn thành Châu vì phải ra đảo Phú-Quốc để thăm Cụ thân sinh đang làm việc (công chức Quan-thuế) ở đó, rồi bị kế tiếp một tháng trời sóng to gió lớn, không dám theo thuyền về đất liền. Khi về được thì đã trễ ngày nhập học. Từ đó, máu nghệ sĩ được dịp dâng lên nên vừa tự học vừa theo đờn ca.

Sự nghiệp :

* Năm lên 9 đã học ký âm pháp và đờn Violon từ một người lính kèn 12 và 13 tuổi tập ca theo đờn và học đờn kìm. 14 tuổi viết tiểu thuyết tình đầu tay « *Giọt lệ cương thường* »

* Năm 16 tuổi soạn tuồng *Giọt lệ cương thường* viết theo tiểu thuyết trên (nội dung chống cường hào ác bá nông thôn), diễn chơi ở xóm Xoài Hột (Mỹ tho) đầu năm 1922. Cuối năm 1922 lại soạn tuồng *Vẹn tấm lòng son*, diễn ở đình làng có bán giấy vô cửa : hạng 2 cắc, 1 cắc và 5 xu.

* Sau đó đã liên tiếp soạn các tuồng và thoại kịch sau đây : *Nghĩa bộc thủ phần* (1923 — 17 tuổi) *Tiên biệt phụ* (1923), *Tái sanh duyên* (1925 : viết tiếp tay với Ô. Năm Mạnh 3 màn) *Mồ tim Tỷ Can*, *Anh hùng nào Tây Môn Giai* (1925 : tiếp tay với Ô. Năm Mạnh) *Thất hiền quyên* (1925 : soạn chung với Tư Chơi), *Thôi Tử thi Tề Quân*, *Võ Tông sát tâu* (1925) *Mộc Quế Anh* dâng cây (1926) (Từ 1925 Ô. Năm Châu đã đóng cặp với Cô Phùng Há trong gánh hát Tài Đồng Ban về các tuồng ông đã soạn trên đây). *Tội của ai ?*, *Ngon cờ hiệp nữ*, *Đời hàm oan* (1927) *Cô đào hát*, *Tiếng nói trái tim* (1928) *Tri kỷ binh nhung* (1929 : dựa theo « 3 người ngư lâm pháo thủ »). *Hôn chinh phu* (1930), *Khi Người Diên Biệt Yêu* (1932), *Mộng Hoàn Công chúa* (1934). Cả 3 tuồng trên đều viết chung với Tư Trang) *Huyền chân nữ* (1934), *Túy Hoa vương nữ* (1936 ; sau đổi là : *Dân chúng trước pháp trường*, lại đổi thành *Khi nữ hoàng trị tội*), *Tổ Hoa Nương* (1936 : thoại kịch) *Đêm không ngày* (1936 : kịch và tuồng cải lương), *Phũ phàng* (1937 : thoại kịch), *Men rượu hương tình* (1937 : kịch và tuồng cải lương), *Tư sinh tử tức là Con không cha* (1937). *Đóa hoa rừng* (1938), *Hoa cuối mùa* (1939), *Mưa đêm Trường hận* (1939), *Vợ và tình* (1940), *Hồn bướm mơ tiên* (1944), *Tuyết Bang và bạo lực* (1946) *Nợ dâu* (1947) *Cách Lan Phương Tử* (1948), *Gió ngược chiều*, *Một tối Tân hôn* (1953), *Chiếc áo Thiên Nga* (viết lời ca vào thoại kịch của Ô. Bạch Sơn 1953), *Người kếp hát già* (1953 : thoại kịch), *Tây Thi gái nước Việt* (1954 : Đặt lời ca vào kịch thơ của Hoàng Mai, thành thi ca vũ nhạc kịch), *Trong bóng hậu trường* (1959 : thoại kịch), *Nửa đêm người về* (1960 : thoại kịch) *Sân khấu về khuya* (1966 : viết lời ca cho kịch « Trong bóng hậu trường »), *Nước biển mưa nguồn* (1967) *Ông Thầy Mẫn* (1967), *Quyền làm mẹ* (1971 : Thoại kịch diễn VTTH), *Những kẻ độc thân* (1973 : thoại kịch diễn VTTH).

* Ngoài ra nghệ sĩ Năm Châu còn viết truyện phim, viết đối thoại, làm đạo diễn, diễn viên, cho các phim : *Quan Âm Thị Kính*, *Những tấm lòng vàng* (1956), *Người đẹp Bình Dương* (1958), *Người thợ vẽ* (1959) *Mưa ngâu* (1960), *Hai người mẹ*, *Thế hệ hai mươi* (1961), *Chiều kỷ niệm* (1969),

Con ma nhà họ Hứa (1971), *Sợ vợ mới anh hùng*, *Quái nữ Việt quyền đạo*, *Năm vua hề về làng* (1974)

* Nghệ sĩ Năm Châu đã dạy về diễn xuất trong bộ môn Kịch nghệ ở trường Quốc gia Âm nhạc Saigon từ 1959, đã xuất ngoại nhiều lần trong các phái đoàn văn nghệ và hiện là người viết truyện phim thường trực cho hãng phim Mỹ Vân.

* Lê Phương Chi đã phỏng vấn nghệ sĩ Năm Châu trên Bách Khoa các số 279 và 280 (15-8 và 1-9-1968).

(Viết theo tài liệu của LÊ PHƯƠNG CHI)

Diễn tấu nhạc khí truyền thống và trống Nhật-bản

Liên tiếp mấy đêm 7, 8, 9, 10 tháng 12/74 vừa qua, tại Trung-tâm Sinh-hoạt Thanh-niên Saigon, người ta đã vô cùng thích thú được thưởng thức diễn tấu một số tuyển khúc dân nhạc và nhạc cổ-diễn Nhật-bản bằng các nhạc khí cổ truyền của Tập đoàn Nhật-nhạc (Nipponia) và nghệ thuật diễn tấu bằng trống của đoàn trống Thần Nhạc Suwa.

Trong dịp này người ta đã được thấy các nhạc khí Nhật-bản truyền thống, nhiều thứ rất lạ mắt, từ những đàn Koto 13 dây, 17 dây (Bass Koto) đàn Shamisen (Tam-huyền), đàn Biwa (Tỳ bà), các ống sáo, ống tiêu 5 lỗ, 7 lỗ, đến các loại nã bạt (Nyôhatsu), chũm chọe nhỏ Chappa), chuông nhỏ, mõ, thanh tre gõ vào nhau, hay mấy tá thanh gỗ buộc với nhau để làm phát ra tiếng mỗi khi nhạc công cho va chạm nhau (Binzasara)... Những nhạc khí này đã được Ban nhạc, gồm 16 nhạc công, sử dụng để hòa tấu liên tiếp mười mấy nhạc khúc dân ca, cổ nhạc hoặc những bài bản do các « Tác-khúc-gia » Katsutoshi Nagasawa và Minoru Miki sáng tác, dưới quyền điều khiển của một nhạc trưởng ngồi trên một chiếc ghế đầu. Người ta

cũng thấy rõ thêm được khả năng các cây đàn Nhật khi hòa tấu bản « Lý cây đa » của Việt-Nam.

Nhưng đặc biệt nhất là đoàn trống Thần Nhạc Suwa đã diễn tấu rất hùng dũng những bài trống cổ truyền hay những bản nhạc trống do Nhạc sĩ tấu trống Daihachi Oguchi sáng tác, với đủ mọi loại trống các cỡ lớn nhỏ. Trong dịp này Biệt đoàn Văn nghệ Trung ương của Cục Tâm-lý-chiến cũng trình diễn hai bài trống của Vũ sư Trịnh Toàn. (Nhân xem buổi trình tấu nói trên mà Học-giả Hồ-Hữu-Tường nảy ra ý kiến muốn viết một bài về Bộ trống của giàn nhạc Võ Tây-Sơn mà Bách-Khoa sẽ đăng trên số tới).

Cũng nên ghi thêm nhạc sĩ trống trứ danh Oguchi sau khi tốt nghiệp ở Viện Đại-học Waseda, mới chuyên tâm nghiên cứu và học tập về kỹ thuật tấu trống Kagura và đã soạn nên nhiều tác khúc để tấu trên trống, còn Tập đoàn Nhật Nhạc được thành lập năm 1964 nhằm « phụng sự công cuộc tăng gia phát triển và truyền bá âm nhạc Nhật-bản cổ truyền đồng thời để tiến tới sự sáng tạo một nền âm nhạc mới cho Nhật bản ».

THẾ NHÂN

Sách Lửa Thiêng

Chúng tôi trân trọng cảm ơn Ô. Giám đốc nhà xuất bản Lửa Thiêng đã gửi tặng Bách Khoa những sách sau đây và xin giới thiệu cùng bạn đọc :

— Descartes, Con người, Cuộc đời và Tư tưởng của Trần Đỗ Dũng dày 300 trang, giới thiệu tiểu sử, tác phẩm và thời đại Descartes và một số vấn đề quan yếu chứa đựng trong 4 tác phẩm quan trọng của ông. Giá 700đ.

— Tìm hiểu sân khấu Chèo của Vũ Khắc Khoan dày 240 trang, trình bày sự hình thành và những đặc tính của sân khấu Chèo. Phụ lục : Chèo đưa lnh và chèo Quan Âm Thị Kính. Giá 800 đ.

— Đại cương luận-lý-học hình thức (Tập II) của Nguyễn Vũ Uyên, dày trên 240 trang gồm 3 phần : Đại cương và mô tả luận-lý-học hình thức mới và Luận-lý-học diễn dịch. Giá 850 đ.

— Địa lý kinh tế Anh quốc của Phan Văn Châu dày trên 300 trang gồm 3 phần. Hình thề quần đảo Anh, Các đặc tính kinh tế Anh quốc, nghiên cứu địa phương với rất nhiều bản đồ. Giá 900đ.

— Phương pháp thực tập Thiết đồ Địa chất của Lâm Thanh Liêm và Ngô Văn Lãm, dày 116 trang gồm 10 chương trình bày từ phương pháp hình dung địa cầu, đến phương pháp hình dung địa thể trên bản đồ, các phương pháp thực tập và bình luận thiết đồ địa chất. Rất nhiều hình ảnh. Giá 450đ.

— Kế toán thương mại (Tập I) của Châu Nguyệt Hồng và Lý Công Thuận, dày 194 trang, khổ 16 x 24,5 gồm 5 chương : Thẻ thức kiểm soát quỹ, cách thức giao dịch bằng chứng từ

doanh thương. Hệ thống Mua và Bán hàng. Giá 1000đ.

— Điện toán là gì ? (Quyển I) của Trương Văn Túc dày 204 trang khổ 16 x 24, 5 gồm 2 phần : Máy tính và máy kế toán. Máy sử dụng phiếu điện cơ với nhiều hình ảnh. Giá 1000đ.

Sách mới

— Chuyện đời tôi, Hồi ký của Vua hề Charlot. Vũ Hạnh và Chương Ngọc dịch, Anh Vũ xuất bản và dịch giả gửi tặng. Tác phẩm thứ 15 của tác giả dày 320 trang. Giá 960đ.

— Lữ quán giết người, nguyên tác "L'auberge de la Jamaïque của Daphné du Maurier, bản dịch của Minh Quân và Mỹ Lan, do Phục Hưng xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách tái bản lần thứ 1, dày 206 trang, nội dung rất lôi cuốn, bìa của Vi Vi rất đẹp. Giá 620đ.

— Những cơn mưa mùa Đông truyện dài của Lữ Quỳnh do Nam Giao xuất bản, tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Tác phẩm thứ 3 của tác giả dày 162 trang mẫu bìa do Đăng Giao. Giá 520đ.

— Nông thôn Việt-nam tập tài liệu về nông thôn do Nhóm nghiên cứu nông thôn biên soạn rất công phu và gửi tặng. Sách dày 540 trang, khổ 19,5 x 25,5 in ronéo trên giấy trắng, ngoài chương dẫn nhập có 4 chương : Tổng quát về nông thôn VN, Công cuộc cải tiến nông thôn từ trước đến nay. Hiện trạng nông thôn Miền Nam, nhận định tổng quát. Nhóm "Nghiên cứu nông thôn" từ 8 người lúc khởi sự biên soạn tập tài liệu (3/74) nay đã lên 14 người do Đ. Nguyễn Đức Tuyên làm Trưởng Nhóm.

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói: 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cò áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

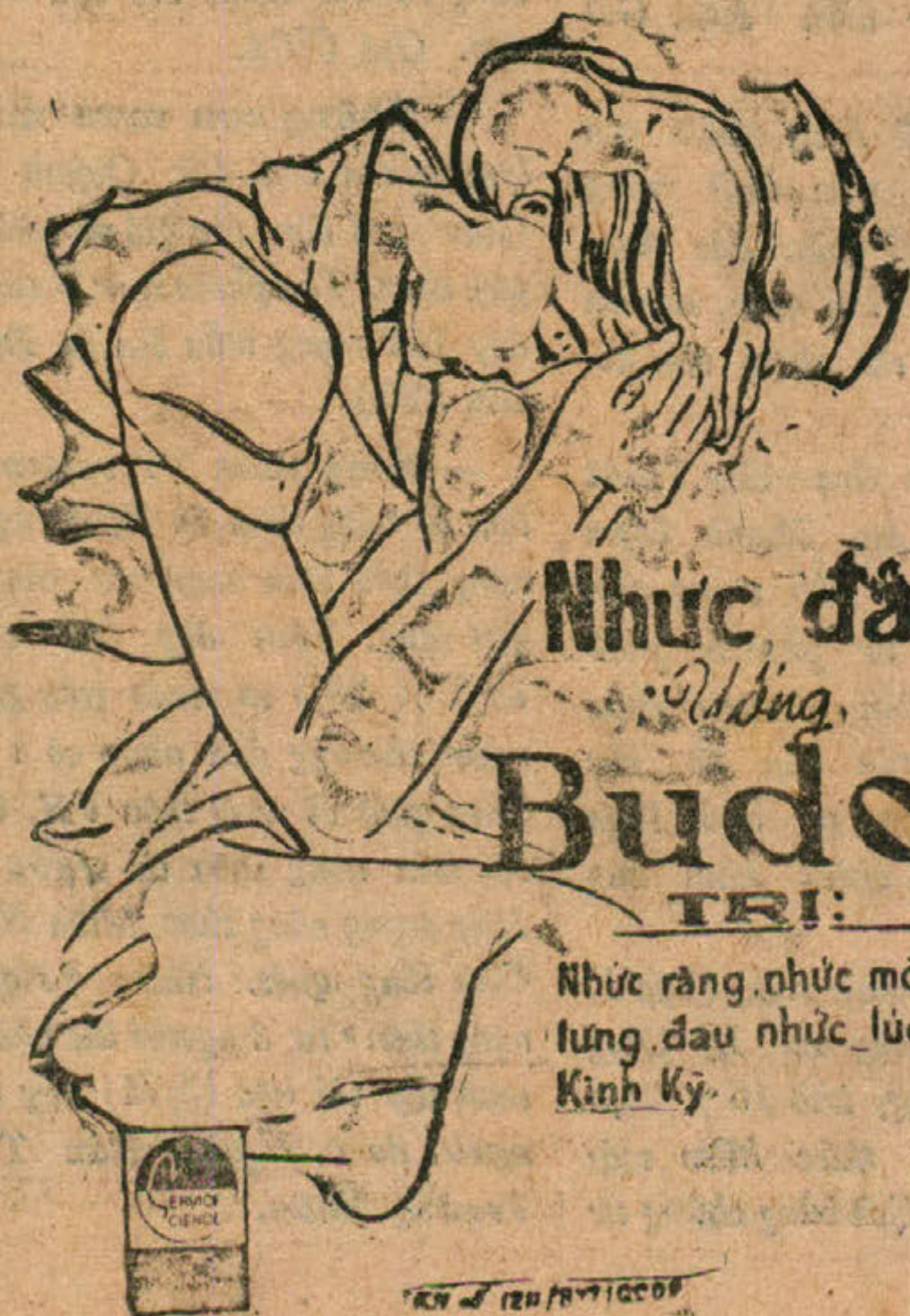
Đã phát hành

TÌM HIỂU MỘT TÁC PHẨM VĂN CHƯƠNG

của NGUYỄN Q. THẮNG

Với một cái nhìn bao quát về một tác phẩm văn chương, cũng như công việc của người sáng tác và kẻ thưởng ngoạn một tác phẩm văn nghệ.

Sách dày 200 trang Giá 650đ.



Nhức đầu,

Nhóng,

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kính Kỳ.



CAPSTAN điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc QUỐC TẾ



Nếu Quý vị thích
hương-vị hảo-hạng
của

CAPSTAN

Quý vị sẽ rất hài-lòng khi hút

CAPSTAN điều dài đầu lọc

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 - 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

**Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...**

**Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie**

**NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION
DE LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS**

BNP

A votre service

tous les services de la

BANQUE

NATIONALE

DE PARIS

Chào mừng Hội Văn - Bút Việt - Nam nhân ngày trao Giải-thưởng truyện dài 1974 cho nhà văn Nguyễn Mộng Giác

Thưa Quý Hội,

Được biết qua báo chí, Hội đồng tuyên trạch của Quý hội quyết định chọn trao cho tác phẩm *Đường một chiều* của nhà văn Nguyễn Mộng Giác, Giải nhất Bộ môn Truyện dài 1974 do Hội Văn Bút Việt Nam tổ chức.

Ở nơi xa, rất tiếc tôi không được có mặt để chia vui cùng Quý Hội và tác giả đoạt giải trong buổi lễ trao giải tổ chức vào ngày 15 tháng 11 năm 1974. Là một người lâu nay cũng theo đuổi việc sáng tác văn nghệ và thường theo dõi những hoạt động liên tục và thực tiễn của Quý Hội, tôi xin mạn phép gửi những lời chào mừng nồng nhiệt nhất của tôi đến Quý Hội và nhà văn Nguyễn Mộng Giác, trong ngày mà tôi dự đoán là có sự họp mặt rất đông đảo của quý vị văn nghệ sĩ Việt nam nói chung và hội viên của Quý Hội, nói riêng.

Một lời chào mừng có lẽ sẽ trở thành khách sáo và thừa thãi, nếu không kèm theo những cảm nghĩ, ý kiến, chân thành và xây dựng của mình, gửi đến những người mình muốn chào mừng. Những lời sau đây của tôi gửi đến Quý Hội cũng vì lý do đó.

Trước hết, tôi xin thành thực ca ngợi và chia mừng cùng Quý Hội về sự lựa chọn tác phẩm trúng giải. Ca ngợi, vì một tác phẩm xứng đáng như *Đường một chiều*, khi đoạt giải nhất, đã chứng tỏ một tinh thần thưởng ngoạn và thẩm định văn chương rất tinh tế của Quý Hội. Chia mừng, vì khi tác phẩm đoạt giải là một tác phẩm có giá trị thực sự, thì uy tín của cơ quan trao giải, của Quý Hội, đã tăng thêm rất nhiều.

Vì không có gì đáng buồn hơn khi người ta không tìm ra được một tác phẩm nào xứng đáng để trao giải. Và càng tệ hơn nữa, càng đáng buồn và xấu hổ hơn nữa, nếu người ta vì một lý do tình cảm riêng tư nào đó phải trao giải cho một cuốn sách

không xứng đáng. May mắn thay, năm nay, 1974, Quý Hội đã tránh được điều đáng buồn đó.

Tôi đã hân hạnh được đọc bản thảo truyện dài *Đường một chiều*, của Nguyễn Mộng Giác. Theo tôi, đó là một tác phẩm được sáng tác rất công phu. Say sưa mà vẫn thận trọng, đầy cảm hứng mà vẫn tiết chế, cô đọng bằng một kỹ thuật cao và khéo léo, nội dung chứa đựng nhiều ý tưởng phong phú mà hình thức vẫn gọn gàng lời cuốn. Những đặc điểm đó khiến *Đường một chiều* đích thực là một tác phẩm văn chương đúng nghĩa.

(*) B.K. Xin xem Đàm thoại với Hoàng Ngọc Tuấn, tác giả *Hình như là tình yêu* trên B.K. 351 (15-8-71).

Tác phẩm ấy đặt độc giả đứng trước một bi kịch. Bi kịch của con người bị đứng trước, bị đẩy đưa trên con đường chỉ có một chiều, không thề, và có lẽ không thề bởi vì yếu đuối, tìm ra một chiều đi khác, một lối thoát nào khác, cũng không thề đứng lại hay quay đầu trở ngược chiều chạy trốn. Và cuối cùng, con đường một chiều ấy, đã dẫn nhân vật chính của câu chuyện đến tội ác. Sau đó, người tội nhân trẻ tuổi (đáng thương hay đáng ghét?) không đợi sự trừng phạt của luật pháp, y tự sát (hối hận? sợ hãi? hay thất vọng?).

Truyện của Nguyễn Mộng Giác thường đặt ra cho người đọc những câu hỏi, tác giả không trả lời, chính mỗi người chúng ta, nếu chúng ta là những độc giả không ngại phải bản khoăn suy nghĩ khi đọc sách thì chính mỗi người trong chúng ta sẽ tự tìm lấy câu trả lời riêng cho chính mình.

Trang cuối cùng của truyện *Đường một chiều* khép lại cuốn sách, đồng thời mở ra những thao thức mới. Định mệnh hay trách nhiệm của hành động tự ý? Tình dục hay tình yêu? Có tội hay vô tội? Thù hận hay tha thứ? Công lý sáng suốt hay chỉ là sự trừng phạt máy móc độc đoán? Những câu hỏi đó có lẽ một ngày kia sẽ đối diện thách thức trước mặt chúng ta, nếu chúng ta chẳng may đã bị đi trên con đường một chiều, như nhân vật trong truyện. Hay có thể giữa thời đại tù túng gắt gao bạo tàn này,

chúng ta đã phải đi trên con đường một chiều đó rồi.

Điểm đáng đề cao hơn nữa của truyện *Đường một chiều*, tác phẩm thứ 5 của Nguyễn Mộng Giác, là thêm một lần nữa, chứng tỏ cái ý hướng trách nhiệm của tác giả đối với xã hội. Truyện của Nguyễn Mộng Giác bao giờ cũng từ chối làm chiều lòng những kẻ trường giả giàu sang, ăn chơi phè phỡn, hưởng thụ cho chán chê rồi học đòi triết lý thời trang rằng cuộc đời là *hư vô*, *phi lý*, *buồn nôn*.

Hư vô chỉ là một trạng thái có thực đối với những người bất hạnh mất hết tất cả vì cuộc chiến tranh đẫm máu tương tàn đang tiếp tục từng ngày gieo rắc sự hủy diệt giữa lòng đất nước.

Phi lý chỉ là một nhận thức đích thực đối với những người khốn khổ gặp hết sự bất trắc này đến hoạn nạn khác, bị giáng xuống trên đầu hết tai ương này đến tang tóc khác vì chiến tranh.

Buồn nôn chỉ là một cảm giác thực sự đối với những người bị chứng kiến, hoặc không sợ hãi trốn tránh quay mặt đi, mà can đảm chứng kiến tận mắt như một chứng nhân, những cái chết đau thương tức tưởi, những đồ vỡ kính hoàng, những tội ác nhầy nhụa, của chiến tranh và vì chiến tranh.

Những tiếng *hư vô*, *phi lý*, *buồn nôn*, chỉ có nghĩa thực sự khi phát xuất từ trái tim của những con người bị đẩy đọa như thế. Bằng không nó chỉ là những sáo ngữ của tiểu

thuyết phóng tác, nhai lại nhập cảng mờ ám và trái phép để lừa bịp trẻ con.

Và đáng quý thay, các tác phẩm của Nguyễn Mộng Giác từ trước tới nay, đã phủ nhận và không tham gia vào trò chơi chữ nghĩa triết lý phòng trà đó. Truyện của Nguyễn Mộng Giác thường có một nội dung gắn liền với đời sống, và tình cảnh quẩn bách của những con người bị đeo một số phận nghiệt ngã, đang vùng vẫy kêu cứu giữa cả một cộng đồng nhân sinh cùng chung một nỗi khổn khó vì chinh chiến.

Nói rõ hơn, văn chương của Nguyễn Mộng Giác đứng cùng phía hướng đến, và nhằm phục vụ khối đa số quần chúng bất hạnh trong xã hội VN ngày nay. Sự phục vụ quần chúng, phục vụ con người của tác giả có đem lại kết quả mỹ mãn hay không qua những tác phẩm văn chương? Điều đó có lẽ không tùy thuộc vào riêng tác giả, mà tùy thuộc đến vấn đề chung là sức mạnh của văn chương liệu có thực hiện thành công ý hướng tốt đẹp đó hay không? Đây là một vấn đề cốt yếu và rộng lớn không thể bày giải hay trả lời trong một vài lời ngắn ngủi. Đối với những nhà văn chân chính, chỉ cần biết một điều này: là dấu cho sứ mệnh văn chương có được hoàn tất ở cuối đường hay không, điều đáng quý hơn cả là biết và dám nhận lãnh sứ mệnh đó ngay trong phút khởi hành ở đầu đường.

Thưa Quý Hội,

Tôi rất tiếc những lời trên đây

của tôi chắc là không đưa ra thêm một ý kiến nào mới lạ hơn ý kiến của Quý Hội khi nhận định về tác phẩm của Nguyễn Mộng Giác. Và nhận định của Quý Hội thì đã được biểu lộ một cách hùng hồn hơn bất cứ những lời lẽ văn hoa nào, chỉ với một sự lựa chọn trao giải văn chương năm nay cho tác phẩm *Đường một chiều* của Nguyễn Mộng Giác.

Thưa Quý Hội,

Lời chào mừng của tôi xét ra có thể chấm dứt nơi đây, nếu thời cuộc nước nhà hiện nay không xảy ra những biến cố rất lớn, mà đáng mừng thay, Quý Hội hiện đang đóng một vai trò quan trọng trong cuộc vận động chung

Tôi muốn nói công cuộc tranh đấu đòi hỏi quyền tự do sáng tác, tự do báo chí, tự do xuất bản mà Hội Văn Bút Việt Nam đang liên kết chặt chẽ với các đoàn thể, khác tại Việt Nam.

Tôi rất tiếc không nhớ rõ chi tiết bản Hiến-chương của Hội Văn Bút Thế giới, hay Hiến chương về Nhân-quyền của Liên-hiệp-quốc. Nhưng tôi chắc chắn là bất cứ một bản Hiến chương nào, bất cứ một Tuyên ngôn nào của bất cứ một tổ chức nào nếu muốn có đủ uy tín để qui tụ mọi người thì điều kiện tiên quyết là phải đòi hỏi cho con người quyền Tự do Tư tưởng.

Quý Hội đang tranh đấu cho quyền Tự do Tư tưởng. Tôi hân hoan vui mừng trước cuộc tranh đấu đó, và thành thật cầu chúc Quý Hội thành

công. Vì sự thành công của Quí Hội, chắc chắn sẽ đem lại một làn gió mới và làm phục sinh hoạt động văn hóa của nước nhà. Với quyền tự do sáng tác, xuất bản, báo chí, văn hóa, văn chương Việt Nam chắc chắn sẽ phồn thịnh phát triển tương xứng với sự làm việc của các văn nghệ sĩ chứ không èo uột mờ nhạt kém cỏi một cách bất công như hiện nay. Nghĩa là dầu cho các văn nghệ sĩ có nỗ lực làm việc đến đâu, mà nếu không được tự do xuất bản, thì công lao của họ, tác phẩm của họ cũng sẽ mãi mãi bị vùi dập một cách oan uổng vô lý trong bóng tối, hay chỉ được xuất hiện dưới dáng vẻ khập khiễng, thiếu hụt, trái ý một cách đau lòng cho những kẻ sáng tạo.

Bốn ngàn năm văn hiến của nước Việt nam không phải là một món đồ cò bóm đầy bụi bặm, mỗi năm đôi ba lần lại được khiêng ra cho vào trong những bài diễn văn bóng bẩy. Bốn ngàn năm văn hiến ấy chỉ có nghĩa chỉ là một niềm hãnh diện thực sự, khi được chúng ta, những người hoạt động trong lãnh vực văn

hóa và sáng tác nghệ thuật ngày đêm cố gắng làm việc để tiếp nối. Ngược lại, những người cứ nhắc nhở mãi đến bốn ngàn năm văn hiến, mà một mặt lại ngăn chặn, cắt bỏ những tác phẩm nghệ thuật là chất liệu nòng cốt để xây dựng văn-hiến, thì dầu cho là cắt bỏ một phần, một đoạn, cũng vẫn giống như là chỉ cắt bỏ một con số 4 trong hàng số 4.000 năm đó. Những người đó phải chịu trách nhiệm nặng nề đối với con số không to tướng của nền văn hóa nước nhà.

Thưa Quí Hội. Đến đây thì những lời chào mừng của tôi gửi đến Quí Hội mới thật sự xét ra nên chấm dứt thật. Xin kính chào Quí Hội, Quí vị văn nghệ sĩ hiện diện, và nhà văn Nguyễn Mộng Giác, người mà hiện đang nhận lãnh vinh dự trong ngày hôm nay, cũng là nhờ ở một tinh thần làm việc hăng say và một tấm lòng tha thiết đối với văn nghệ rất đáng ca ngợi.

HOÀNG NGỌC TUẤN

Qui Nhơn 3-11-1974

PHÂN ƯU

Được tin Giáo sư PHẠM DUY KHIÊM là Bào huynh Nhạc sĩ PHẠM DUY đã từ trần ngày 2-12 tại nước Pháp, hưởng thọ 68 tuổi; Xin chân thành chia buồn cùng Nhạc sĩ Phạm Duy và tang quyến.

Xin cầu nguyện anh hồn Giáo-sư Phạm-Duy-Khiêm sớm siêu thoát về Cõi Phật.

Văn Thanh, Tạ Tỵ, Võ Phiến, Lê Ngọc Châu và Các anh em trong Bách Khoa.

Giấy phép KD số 685/74 BDVCH/PHBCNT/ALP/TP ngày 16-12-1974.

Phát hành ngày 20-12-74 — Số lượng 8.000.

Trong Gia-đình êm-ấm
Hay trên đường xa
khát mệt



Chiều



NUỚC-NGỌT "CON-CỌP"



Chai "HÒA TIỀN"!

CAPSTAN điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc **QUỐC TẾ**



Nếu Quý vị thích
hương vị hảo hạng
của

CAPSTAN

Quý vị sẽ rất hài lòng khi hút

CAPSTAN điều dài đầu lọc





Đôi hàng cảm ơn:

Gom góp được đủ 426 số báo *Bách Khoa* thu vào một DVD là công sức của nhà văn/nhà báo Phạm Phú Minh và Quản thủ Thư viện Phạm Lệ Hương, với sự tiếp tay của chuyên viên Nguyễn Vũ. Nghĩ tới độc giả của *Quán Ven Đường* và đưa tặng là nhã ý của Gs. Trần Huy Bích. *Quán Ven Đường* xin thành thật cảm ơn các vị.